



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Directeur de publication: Phạm Ngọc Lân

Vấn đề trong tháng

Hội nghị Vienne báo động về nguy cơ độc tài tại Châu Á

Hội nghị quốc tế về nhân quyền do Liên Hiệp Quốc triệu tập tại Vienne là một biến cố mà mọi người chờ đợi. Một phần tư thế kỷ đã trôi qua kể từ hội nghị nhân quyền kỳ trước. Người ta chờ đợi hội nghị Vienne xác nhận những thành quả to lớn đã đạt được và định hướng một cách quả quyết hơn cho tương lai.

Nhưng hội nghị Vienne đã làm nổi bật nhất một nhận định: nhân quyền đi đôi và đồng nghĩa với dân chủ.

Có lẽ chính vì lý do đó mà hội nghị Vienne đã chứng kiến sự xuất hiện của một liên minh chống nhân quyền của nhiều chính phủ Châu Á. Cần nói ngay, không phải mọi nước Châu Á đều chống lại nhân quyền. Nhật Bản và Thái Lan đã giữ một thái độ chừng mực. Nhật Bản vì là nước giàu mạnh nhất thế giới đang

tìm kiếm một vai trò quan trọng hơn trên sân khấu thế giới nên đã ý thức được rằng phải có một bộ mặt văn minh, nhất là vào lúc mà hình ảnh của họ đang bị đả phá. Thái Lan vì vừa làm một chuyển hướng quan trọng theo chiều hướng dân chủ hóa. Cũng tương tự như Nhật Bản, Nam Triều Tiên và Đài Loan (không phải là thành viên Liên Hiệp Quốc và vì thế không có mặt tại hội nghị Vienne) cũng đều muốn tranh thủ thiện cảm trên thế giới và cũng không muốn hoặc không thể công khai chống lại nhân quyền. Tuy nhiên đa số các nước Châu Á bày tỏ một cách ồn ào lập trường bất lợi đối với nhân quyền.

Trong danh sách các chính phủ Châu Á công khai đòi đặt lại vấn đề quyền con người - Trung Quốc, Miến Điện, Indonesia, Singapore, Pakistan, Bangladesh... - không ai ngạc nhiên khi chính quyền Hà Nội đã tỏ ra đặc biệt tích cực.

Nhân danh truyền thống và văn hóa quốc gia, các chế độ độc tài Châu Á coi nhân quyền như là một giá trị của phương Tây không thể đem áp đặt toàn bộ lên các nước phương Đông. Mặt khác, họ coi "quyền được phát triển" là quan trọng hơn cả, nhân quyền chỉ có một giá trị tương đối, và họ tự cho phép tiếp thu nó một cách tùy tiện.

Tất cả những lập luận đó dĩ nhiên chỉ là những lý có. Lý do thực sự là các chế độ độc tài - ở những mức độ khác nhau - này đều nhận ra rằng nhân quyền đi đôi với dân chủ và do đó đe dọa chỗ đứng của các tập đoàn đang cầm quyền.

Nhân quyền có phải là một giá trị phổ cập không? Nếu bảo rằng nhân quyền chỉ là một giá trị của phương Tây thì thật là mỉa mai cho người Châu Á. Phải chăng người Châu Á là một chủng loại kém hơn, không xứng đáng được hưởng những quyền ngang hàng với người phương Tây? Bản tuyên ngôn quốc tế nhân quyền năm 1948 của Liên Hiệp Quốc đưa ra những quyền mà con người ở đâu cũng mơ ước. Đó phải được coi là những giá trị của chung loài người. Nhân quyền không phải là một giá trị của phương Tây, cái hay của các nước phương Tây chỉ là họ đã biết phát huy chúng một cách bạo dạn.

Vấn đề thứ hai mà các chính phủ Châu Á nêu ra là tương quan giữa nhân quyền và phát triển. Cho đến nay chưa hề có một lý thuyết gia nào về phát triển kinh tế cho rằng nhân quyền là một cản trở cho phát triển kinh tế. Ngược lại, mọi tác giả đều cho rằng

Trong số này

1. *Vấn đề trong tháng*3. *Chính trị quốc tế:*LHQ, xã hội thời cơ và dân chủ truyền thông **Huỳnh Hùng**4. *Dân chủ***Nguyễn Gia Kiểng**6. *Hội nghị Vienne, buổi rạng đông...***Trần Thanh Hiệp**8. *Hòa giải dân tộc đòi hỏi phải có một sự biến cải của cộng sản***Tôn Thất Thiện**10. *Thành quả 14 năm chính sách mở rộng kinh tế ở Trung Quốc***Phùng Nguyên**15. *Lá thư ngỏ gửi Đoàn Viết Hoạt***Nguyễn Bá Hào**17. *Bài viết từ trong nước: Suy nghĩ chung quanh vụ "phá rối trật tự trị an" ở Huế...***Nguyễn Bảo Mai**19. *Bài viết từ trong nước: Lối thoát***Lê Trí Viễn**21. *Từ những "nghịch lý" XHCN của Hà Sĩ Phu đến những nguy hiểm của các quan chức ĐCSVN***Vũ Thiện Hân**24. *Trí thức, chuyên viên và một lối thoát cho VN***Trương Vũ**25. *Đoàn Viết Hoạt đi tù, Võ Văn Kiệt đi Paris***Lê Sơn**26. *Xem phim Mùi Đu Đủ Xanh***Đặng Tiến**27. *Thời sự - Tin tức*31. *Độc giả viết*32. *Sổ tay: Vương giả và dân giả***Phù Du**

nhân quyền là một điều kiện để kinh tế có thể phát triển được một cách lành mạnh. Những người cầm quyền rêu rao rằng nhân quyền mâu thuẫn với phát triển kinh tế đều không phải là những chuyên gia về phát triển, trái lại trên thực tế họ còn đã chứng tỏ sự thiếu hiểu biết về phát triển.

Cùng nên nhắc lại rằng trong những thảo luận về phát triển, các chuyên gia về phát triển kinh tế đã dần dần đi tới đồng thuận là vấn đề chậm tiến chỉ tùy thuộc một cách tương đối vào hạ tầng cơ sở, tài nguyên thiên nhiên và trình độ hiểu biết của dân chúng. Nó còn tùy thuộc ít hơn nữa vào trí thông minh của mỗi dân tộc vì kinh nghiệm cho thấy khả năng học hỏi của các dân tộc tuy có thể khác nhau nhưng nói chung mỗi dân tộc đều đủ thông minh để phát triển. Phát triển hay không phát triển chủ yếu là một cấu trúc tâm lý. Cấu trúc tâm lý đó là kết tinh của nếp sống, của phong tục tập quán, của những giá trị được dùng làm nền tảng cho xã hội. Như vậy các chế độ độc tài, vì tước đoạt của con người tinh thần trách nhiệm và óc sáng tạo, vì thiết lập một quan hệ xung khắc và tồi tệ giữa những con người với nhau và với xã hội, sẽ chỉ để ra một cấu trúc tâm lý bất lợi cho phát triển.

Chắc vì trong thâm tâm họ cũng dự biết lập luận của họ là nghịch lý và không thể chấp nhận được nên các chế độ độc tài ở Châu Á đang cấu kết với nhau để thêm sức mạnh. Tình trạng nhân quyền và dân chủ tại Châu Á vì vậy rất đáng lo ngại.

Châu Á ngày nay là một vùng với trên ba tỷ người và đang phát triển rất mạnh, nhưng phát triển một cách hỗn loạn. Giữa các nước Châu Á không hề có một qui ước về hợp tác và trao đổi nào cả. Không có thỏa hiệp về các giá trị chung, về luật chơi chung mà cũng không có những hiệp ước hợp tác khu vực. Khi có những định chế chung, như trường hợp ASEAN, thì lại không phải là những định chế hợp tác đúng đắn mà chỉ là những định chế dựa trên một nền tảng không lành mạnh: nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ của nhau, hay nói khác đi là thỏa thuận nhắm mắt trước những vi phạm nhân quyền và khủng bố chính trị thô bạo.

Chính vì thế mà người ta đã chứng kiến những sự kiện khó tưởng tượng: tập đoàn diệt chủng Pol Pot vẫn được Trung Quốc chính thức giúp đỡ và Thái Lan ngấm ngầm tiếp tay mà không thấy chính phủ Châu Á nào bày tỏ sự bất bình. Tập đoàn quân phiệt ghê tởm Miến Điện vẫn được Trung Quốc, Việt Nam và Thái Lan yểm trợ. Những thuyền nhân Việt Nam khôn khéo được các tổ chức nhân đạo phương Tây cứu vớt trong khi bị Thái Lan và Mã Lai tàn sát, bị Indonesia, Philippines và Hồng Kông xua đuổi. Khi những người dân chủ Việt Nam thảo những kiến nghị bênh vực dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam chúng ta không nghĩ đến việc gởi cho các chính phủ Châu Á mặc dầu họ có rất nhiều quan hệ với Việt Nam.

Châu Á ngày nay gần như là một chợ trời rất náo nhiệt nhưng rất xô bồ. Châu Á sẽ đi về đâu trong cuộc hành trình man dại này? Những kinh nghiệm lịch sử đau đớn có thể lại tái diễn nữa không? Trước đây trước hai cuộc thế chiến các nước phương Tây đã phát triển một cách hỗn loạn không theo qui luật chung, không đạo đức giống như Châu Á ngày nay và họ đã tích lũy những mâu thuẫn và căng thẳng để rồi đi tới xung đột. Phải trải qua hai cuộc thế chiến đẫm máu họ mới thấy cần một đạo đức chung, họ mới nhìn ra dân chủ và nhân quyền như những giá trị chung và mới

có được thế sống chung hòa bình và hợp tác như ngày nay.

Châu Á hình như chưa hiểu được như vậy. Nhưng trong tiềm thức sự lo âu cũng đã bắt đầu và đang được giải quyết một cách rất vô ý thức. Các nước Châu Á đang đua nhau tăng cường quân lực, cải tiến thiết bị quân sự để đương đầu với mọi tình huống. Cách thức "lo xa" như vậy chỉ làm cho tai họa tới mau hơn.

Nhưng ngay cả nếu may mắn Châu Á không đi đến chiến tranh đi nữa, thì với đường lối phát triển hoang dại này Châu Á sẽ có tương lai nào? Tiến bộ vật chất trên một nền tảng tinh thần bệnh hoạn chỉ là một tiến bộ khập khiễng, Châu Á sẽ tiếp tục thua kém phương Tây về mọi mặt văn hóa, tư tưởng, sáng kiến, tổ chức xã hội và sẽ tiếp tục phải hụt hơi chạy theo các nước phương Tây mà không bao giờ bắt kịp, cuối cùng sẽ vẫn thua kém họ, ngay cả về vật chất. Với mô thức hiện nay, Châu Á dù có thành công đi nữa cũng chỉ có thể trở thành phì nộn chứ không thể cao lớn được, chỉ có thể béo mập chứ không có được sức khỏe.

Hậu quả đã có thể thấy được. Nhiều nước Châu Á đã trở thành giàu có, nhưng các thành tựu về trí tuệ của Châu Á chẳng là bao. Người Châu Á hầu như vắng mặt hoàn toàn trong các giải Nobel.

Các khó khăn của Châu Á cũng đã bắt đầu. Các nước giàu mạnh nhất của Châu Á đã trở thành giàu mạnh chủ yếu nhờ buôn bán với phương Tây. Nhưng khuynh hướng bảo vệ thị trường và ngăn chặn hàng hóa của Châu Á càng ngày càng mạnh tại Hoa Kỳ và Châu Âu. Các nước phương Tây và dư luận quần chúng của họ càng ngày càng lên án sự cạnh tranh của các nước Châu Á là bất chính vì hàng hóa được sản xuất ra với giá thành rất thấp do điều kiện đãi ngộ công nhân và quan tâm về con người và môi sinh rất thấp so với tiêu chuẩn của họ. Họ có lý khi lập luận rằng mỗi món hàng đều chứa đựng một thông điệp nhân bản và xã hội. Khi sự giao thương với các nước phương Tây đã trở thành khó khăn thì sức khỏe và đà phát triển của Châu Á cũng sẽ bị đe dọa.

Phải buồn ngủi mà nhìn nhận rằng trong suốt dòng lịch sử của ta, những người lãnh đạo Việt Nam luôn luôn thiếu sáng kiến. Chúng ta đã lèo đèo rập khuôn theo mô hình Khổng giáo của Trung Hoa trong hàng chục thế kỷ, ngày hôm nay những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam lại muốn hăm hở chạy theo mô hình độc tài Châu Á vào lúc mà nó sắp đi vào chỗ bế tắc.

Chắc chắn có một chọn lựa khác cho chúng ta, một dân tộc đã quá chậm trễ. Đó là chấp nhận một cách thành thực những giá trị dân chủ và nhân quyền của loài người tiến bộ, hòa giải giữa người Việt Nam với nhau, bình thường hóa quan hệ giữa người Việt Nam với nhau, để cùng dắt tay nhau mà tiến lên. Rất có thể chúng ta sẽ tránh khỏi ngõ cụt của nhiều nước Châu Á rồi tiến lên một cách đều đặn và vững chắc. Nếu biết nhìn sáng suốt như vậy thì chúng ta có quyền hy vọng, bởi vì chúng ta có dân số đông đảo, có những con người cần mẫn và cũng có một địa lý rất thuận lợi.

Nhưng cái nhìn sáng suốt này chắc chắn không thể chờ đợi ở những người lãnh đạo hiện nay. Đất nước đang cần những con người đủ sáng suốt để nhìn thấy con đường phải đi và đủ quả cảm để đương đầu và đánh thắng sự mù quáng.

Thông Luận

Liên Hiệp Quốc, Xã Hội Thời Cơ và Dân Chủ Truyền Thông

Từ ngày sụp đổ hòn đá tảng thành trì vô sản và sự đào nhiệm của người cai thế giới tự do, nhân loại đang đi vào thế giới của bất trắc về kinh tế lẫn chính trị và bất ổn vì sự trôi dạt, nếu không muốn nói, như nhà trí thức Pháp, Alain Minc, sự trả đũa của ý thức dân tộc.

Nhưng ngược lại, nhân loại sẽ có lối thoát nhờ sự chuyển hướng về những giá trị nhân bản và kỹ thuật mới, đó là Xã Hội Thời Cơ (Opportunity Society) và Dân Chủ Truyền Thông (Communication Democracy).

Xã Hội Thời Cơ không đặt căn bản của sự tiến hóa trên những triết lý, lý thuyết bất di bất dịch. Nó dựa trên hai yếu tố: trước hết là thời giờ, được xem quý báu còn hơn cả của cải, tư bản và sau đó là khả năng tận dụng những thời cơ đưa đến trong một thời gian ngắn để tạo ra những phúc lợi cho xã hội. Xã hội thời cơ không để mất thì giờ bàn cãi lý thuyết, cũng như không còn xem những giá trị ngoài giá trị "thời giờ" là những giá trị tuyệt đối, không còn muốn đổ xương đổ máu vì những "lý tưởng".

Sự chuyển hướng về giá trị nhân bản như vậy sẽ làm đảo lộn hẳn nền tảng trong mọi cách thức xử thế tiếp vật của chúng ta.

"...Cái cơ sở của mẫu thức đời sống tạo lập cơ hội là gặp được Thời Cơ để hoạch định một cuộc sống cho ra sống, rồi tiếp tục thực hiện nó; điều này nói lên một thái độ sống có chủ đích, có tri thức với một niềm tin được định hướng (Yoneji Masuda, The Opportunity Society, The Futurist, tháng 9-10, 1990)".

Những tiến bộ của khoa học, nhất là khoa học truyền thông, cho phép con người không còn nô lệ cho không gian và do đó thoát được những áp bức, đàn áp của các quyền lực, vì không gian đã bị thu nhỏ lại, các vi phạm này sẽ bị phơi trần trước phán xét của lương tâm nhân loại.

"...Mục đích tối hậu của thời đại truyền thông là tạo dựng một xã hội trong đó đời sống sáng tạo trí thức của con người được nảy nở, một xã hội chẳng những chỉ có một thiểu số chọn lọc, mà đại đa số đều phát huy được sáng tạo trí thức ấy. Mỗi cá nhân sẽ có thể triển khai mọi khả năng tương lai của mình hoàn toàn nhờ vào vai trò hoạt động của sáng tạo trí tuệ (Masuda)".

Do đó truyền thông đem đến một nền dân chủ, "Dân Chủ Truyền Thông", cho phép con người đạt tới trình độ sáng tạo trí tuệ với khả năng phác thảo các dự kiến về tương lai thành một bức họa rõ rệt để theo đuổi và thể hiện ý nghĩa của cuộc đời.

Trở lại đề tài của bài viết, Liên Hiệp Quốc có liên quan gì đến những khái niệm "xã hội thời cơ" và "dân chủ truyền thông"?

Hiện nay, Liên Hiệp Quốc đang can thiệp quân sự vào ba điểm nóng trên thế giới: Cambodia, Bosnia Hercegovina và Somalia. Tại Cambodia, cuộc bầu cử quốc hội được xem như là một thành công và lính mũ xanh sửa soạn rút. Tại Somalia, quân đội Liên Hiệp Quốc đang tảo thanh lòng bất tướng Mohamed Farah Aidid, người chống đối sự chiếm đóng lãnh thổ Somalia bởi quân đội Mỹ dưới danh nghĩa Liên Hiệp Quốc và đã phục kích giết 23 lính mũ xanh. Tại Bosnia Hercegovina, quân đội Liên

Hiệp Quốc chỉ làm nhiệm vụ nhân đạo và cơ quan này đang chấp nhận giải pháp chia ba Bosnia Hercegovina, một giải pháp mà mọi người đều chống đối nhưng có thể có triển vọng dàn xếp ổn thỏa cuộc chiến tại đây.

Mỗi nơi, Liên Hiệp Quốc có một chính sách riêng biệt, hoàn toàn khác hẳn nhau. Hiển nhiên sự khác biệt đó tùy thuộc vào những điều kiện địa lý, chính trị, tâm lý địa phương và các quyền lợi của các cường quốc đối với những cuộc tranh chấp này. Nhưng nhìn kỹ, chúng ta sẽ thấy có hai yếu tố chính chỉ đạo các hành động của Liên Hiệp Quốc. Trước hết, can thiệp với mục tiêu rút lui càng nhanh càng tốt, đó là yếu tố thời giờ. Tiếp theo, lợi dụng tất cả những thời cơ đưa đến để giải quyết vấn đề, ngay cả chấp nhận một giải pháp dở nhất, như tại Bosnia Hercegovina. Một giải pháp đầu có dở còn hơn là không có giải pháp. Đó là hai yếu tố của khái niệm "xã hội thời cơ".

Tại hội nghị về nhân quyền được Liên Hiệp Quốc tổ chức tại Wien vào tháng 6-1993, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, Butros Butros-Ghali, trong bài diễn văn khai mạc đã đề cao nhân quyền và gắn liền nhân quyền với dân chủ và xem đó như là hai giá trị phổ cập có giá trị toàn cầu. Ngoài ra, ông cho rằng nhân loại, mà cơ quan đại diện duy nhất và chính thống là Liên Hiệp Quốc, có quyền nhân danh dân chủ và nhân quyền để can thiệp vào nội tình các quốc gia khi hai quyền này bị vi phạm và cùng một lúc phủ nhận chủ quyền quốc gia của các nước này. Chủ quyền quốc gia là một "lý tưởng" bất di bất dịch đang bị tổng thư ký Liên Hiệp Quốc tấn công nhân danh dân chủ và nhân quyền: "Khi những quốc gia vi phạm những điều khoản của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc, khi mà lẽ ra những quốc gia đó phải bảo vệ con người lại trở thành những đồ tể, trong trường hợp đó, chính cộng đồng quốc tế, nghĩa là các tổ chức quốc tế, các tổ chức vùng phải "tiếp sức" quốc gia đang bị khủng hoảng. Đó là một vấn đề pháp lý và pháp chế không có gì chướng tai gai mắt cũng không đi ngược lại quan niệm mới mẻ mà chúng ta có về chủ quyền quốc gia. Tôi xin đặt một câu hỏi, và xin hỏi chính quý vị, cộng đồng quốc tế còn tôn trọng tuyệt đối một quốc gia đã bôi bọ quan niệm đẹp đẽ về chủ quyền quốc gia bằng cách trắng trợn lạm dụng nó đến nỗi lương tâm và luật pháp quốc tế lên án? Khi mà chủ quyền quốc gia là lý lẽ cuối cùng mà các chế độ độc tài đưa ra để che đậy những vi phạm quyền và tự do của con người, thì theo tôi, cái chủ quyền quốc gia đó đã bị lịch sử lên án... Dân chủ không phải là một mẫu phải bắt chước theo các quốc gia khác. Đó là mục tiêu mà mọi dân tộc phải đạt tới. Đó là phát biểu chính trị của gia tài chung của nhân loại. Đó là một phúc lợi phải chia cho mọi người. Do đó, giống như nhân quyền, dân chủ mang tính chất phổ cập".

Nhưng nếu dân chủ vẫn là dân chủ hình thức, không mang tính chất truyền thông, nghĩa là có khả năng thu nhỏ không gian và đem thông tin đến mọi thành phần của cộng đồng quốc tế, thì những vi phạm nhân quyền sẽ vẫn còn bị che đậy, các chế độ độc tài vẫn dùng được cái khiên chủ quyền quốc gia chống đỡ mà không bị cộng đồng quốc tế lên án, phỉ nhổ. Nền dân chủ mà ông Butros Butros-Ghali đề cập đến phải là nền dân chủ truyền thông, nếu không, những mong muốn của ông ta cũng chỉ là những lời cầu nguyện chân thành của con chiên ngoan đạo mà thôi.

Huỳnh Hùng

* Chú thích: các trích dẫn về "xã hội thời cơ" và "dân chủ truyền thông" lấy từ cuốn "Việt Nam và Siêu Cách Mạng" của Mạc Ngọc Pha.

Dân Chủ

Nguyễn Gia Kiểng

Hồ hào dân chủ trong lúc này phải chăng là xông pha vào một cánh cửa đã mở sẵn? Sự thực rất đáng buồn là không: chúng ta đang đi vào một chế độ độc tài với bước chân bình thản.

Một tập đoàn đã thất bại về mọi mặt, đã sụp đổ hoàn toàn về mặt ý thức hệ và không còn một lý tưởng nào cả đang lộng hành, chiếm đoạt đất nước làm của riêng mình, khủng bố trắng trợn và đã man những người không cùng chính kiến, phủ nhận dân chủ và công khai tuyên bố theo đuổi vô thời hạn một đường lối độc tài toàn trị. Tình trạng này đáng lẽ phải gây ra một phản ứng phản nộ và làm bùng lên một phong trào đấu tranh mãnh liệt đòi dân chủ. Nhưng trái lại một số khá đông người đang cho rằng nên gác lại những đòi hỏi chính trị để tập trung cố gắng vào những vấn đề "thực tiễn" như kinh doanh, văn hóa, từ thiện. Chính quyền cộng sản không thể mong muốn một khuyến khích nào quý báu hơn! Dân chủ không bị đe dọa hay không cần thiết đối với Việt Nam? Chí khí bất khuất của dân ta đâu rồi? Chưa bao giờ sự bạc nhược và sự non yếu về nhận thức chính trị của người Việt Nam được phơi bày một cách bi đát như lúc này.

Dân chủ sẽ đưa đến hỗn loạn! Lập luận này được đảng cộng sản đưa ra như một sự thực hiển nhiên không cần chứng minh và được một số người chấp nhận một cách thụ động. Nhưng nó chỉ là một lập luận lỗ măng, bất chấp cả lý luận lẫn thực tại đất nước.

Hiện nay nước ta đang hỗn loạn và - hơn thế nữa - đang *rất* hỗn loạn. Trộm cướp hoành hành như chỗ không người. Buôn lậu có kho nhà nước, tàu chiến, xe tăng. Móc ngoặc, tham nhũng, hối mại quyền thế trở thành luật. Cây rừng, bờ biển, danh lam thắng cảnh, ngay cả di tích lịch sử bị phá hủy một cách vô tội vạ. Chưa kể loạn sứ quân, bắt người tùy hứng, giam giữ, tra tấn. Ngoại trừ chính sách khủng bố chính trị, Việt Nam đang ở trong một tình trạng gần như vô chính phủ. Đảng cộng sản nhân danh một trật tự nào đây?

Dân chủ không đưa tới hỗn loạn, trái lại nó đem lại luật chơi rõ ràng minh bạch, nó bảo đảm công lý và luật pháp, nó đem lại tinh thần trách nhiệm vì nó cho phép mọi người có chỗ đứng và tiếng nói trong việc nước. Nó đem lại trật tự trong đầu óc con người và trong xã hội.

Dân chủ không có lợi cho phát triển kinh tế! Một xác quyết nông cạn phát xuất từ ngộ nhận về bản chất của dân chủ. Dân chủ không phải là chiếc lừa thần giải quyết mọi vấn đề và đem lại phồn vinh. Dân chủ không thay thế cho những chính sách và những con người. Dân chủ là một phương thức sinh hoạt cho phép đặt vấn đề một cách đúng đắn, tìm giải pháp một cách đúng đắn và chọn lựa một cách đúng đắn những người trách nhiệm. Tự nó, dân chủ không giải quyết một vấn đề nào cả, nhưng không có dân chủ thì không có vấn đề nào có thể giải quyết được một cách đúng

đắn. Chính vì thế mà mức độ dân chủ quyết định giới hạn cho phát triển nói chung và phát triển kinh tế nói riêng. Chính vì thế mà các nước giàu mạnh đều là các nước dân chủ trong khi các nước độc tài đều chậm tiến.

Khuyết tật của thái độ "thực tiễn" vừa nói trên chính là ở chỗ nó không thực tiễn: chấp nhận độc tài để hy vọng phát triển kinh tế người ta sẽ chỉ có độc tài mà không có phát triển.

Dân chủ không đem cơm áo và hạnh phúc để phát không. Dân chủ không bố thí. Nó tạo ra những con người tự do và trách nhiệm, làm chủ đời mình, phát huy được khả năng và sáng kiến của mình để xây dựng đời mình và đất nước mình. Chính vì vậy mà dân chủ mới đẹp.

Chính quyền độc tài này đang khoe khoang những thành quả về kinh tế vừa đạt được. Nhưng thành quả ở chỗ nào và thành quả cho ai? Quả nhiên đã có một vài tiến bộ trong một số địa hạt, với giá rất đắt phải trả về công bằng xã hội, về giáo dục, y tế, về những giá trị đạo đức, về môi sinh và về cả chủ quyền dân tộc. Nhưng những tiến bộ này đã có được không phải vì nhà nước cộng sản đã làm đúng mà vì nó đã rút lui. Ở đâu nhà nước cộng sản rút lui nhường chỗ cho xã hội dân sự, ở đó có tiến bộ. Đó là nhận xét rõ nét nhất hiện nay.

Nếu không có một cuộc vận động dân chủ tích cực, diễn biến của đất nước có thể thấy trước được: đảng cộng sản sẽ còn tiếp tục nhượng bộ trước sức ép của kinh tế thị trường cho tới khi đạt tới một thăng bằng thỏa hiệp giữa những yêu sách của giới tài phiệt và của tập đoàn độc tài. Việt Nam sẽ trở thành một nước tương tự như các nước cộng hòa vườn chuối với một lợi tức bình quân đầu người khoảng 500 USD mỗi năm, với một nửa lợi tức quốc gia trong tay 1% cường hào và chủ nhân ngoại quốc. Đó là khuôn mẫu cổ điển của một quốc gia bị tù hãm trong vòng luẩn quẩn tàn khốc của đàn áp - phản nộ - chống phá - đàn áp.

Dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước thiếu mở mang! Quả là một thái độ miệt thị và kỳ thị chủng tộc. Dân chủ không phải là một xa xỉ phẩm đối với bất cứ một dân tộc nào. Khi các dân tộc phương Tây bắt đầu dân chủ, họ ở một mức độ kinh tế, xã hội và dân trí còn kém xa chúng ta ngày hôm nay. Riêng người Mỹ chưa hề biết một chế độ nào khác hơn là dân chủ, họ bắt đầu dân chủ từ những con người đến từ nhiều nguồn gốc và phong tục, thiếu thốn tất cả, kể cả văn hóa và đồng thuận. Nhờ có dân chủ họ đã tạo ra quốc gia hùng mạnh nhất trái đất.

Nhưng dân chủ có thể là một xa xỉ phẩm, và trên thực tế, dân chủ đã từng là xa xỉ phẩm trong nhiều trường hợp. Dân chủ bị bỏm quả nhiên là một trò chơi vô cùng tốn kém và là một gánh nặng. Trái lại dân chủ thành thực là một nền tảng quý giá. Những người cảm quyền cho rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm thực ra chỉ

có ý định dần dựng một thứ dân chủ bịp bợm.

Dân chủ thành thực không nhất thiết là dân chủ hoàn chỉnh, mức độ hoàn chỉnh của một nền dân chủ tăng lên với thời gian, cùng với mức độ phát triển và dân trí; nhưng một nền dân chủ thành thực vẫn có thành tố tối thiểu của nó: tự do ngôn luận, đa đảng và bầu cử tự do.

Sai lầm to lớn khác: *dân chủ tự nhiên sẽ tới*. Nếu dễ dàng như vậy thì tại sao mặc dầu mọi nước dân chủ đều giàu mạnh nhưng chỉ có một số ít dân tộc có được dân chủ? Dân chủ là một điều quý giá cho nên nó không tự nhiên mà mọc lên như cỏ dại mà phải tranh đấu cam go để có. Các nước dân chủ phương Tây mà đa số người Việt Nam mơ ước đã phải tranh đấu cam go lắm mới có được dân chủ như ngày nay và họ vẫn còn rất cảnh giác bảo vệ nền dân chủ đã tranh thủ được. Ở đâu và bao giờ cũng thế khuynh hướng chuyên quyền độc đoán luôn luôn là một cám dỗ mạnh. Nếu chúng ta không phấn đấu mà chỉ ngồi chờ để có dân chủ thì chắc chắn chúng ta sẽ chỉ có cái ngược lại của dân chủ.

Cũng không nên cuồng tín và quá khích. Phải thực tế mà nhìn nhận dân chủ sẽ không thể đem lại tất cả mọi phúc lợi của nó trong một tình trạng dân trí chưa mở mang, điều cần phải ý thức một cách rất rõ rệt là dù trong hoàn cảnh nào dân chủ cũng hơn xa độc tài.

Các chế độ độc tài không những đã làm phá sản mọi nước Châu Phi mà còn đẩy rất nhiều nước vào cảnh bạo loạn và còn làm tan vỡ luôn một số quốc gia khác. Tại Trung Đông các chế độ độc tài nhân danh Hồi Giáo đã phí phạm hết nguồn lợi dầu khí và đẩy các quốc gia đến chỗ kiệt quệ. Và người ta vẫn chưa thể đo lường hết được hậu quả tai hại do các chế độ độc tài cộng sản để lại tại Liên Xô và Đông Âu.

Rõ ràng nhất vẫn là các nước Châu Mỹ La Tinh. Các nước này có đất đai bao la, tài nguyên phong phú, có tinh thần tích cực của nền văn minh Thiên Chúa Giáo, họ cũng có ngôn ngữ thống nhất và một trình độ dân trí khá cao. Họ lại đã được độc lập từ gần hai thế kỷ nay. Tóm lại họ có tất cả mọi điều kiện để trở nên giàu mạnh. Nhưng không may cho họ, họ đã có những người hùng và những chế độ độc tài, nên họ đã phải quần quai trong đói khổ và lạc hậu trong một thế kỷ rưỡi. Chỉ mới gần đây các nước Châu Mỹ La Tinh mới vươn lên được nhờ chuyển hướng về dân chủ. Kinh nghiệm của các quốc gia Châu Mỹ La Tinh đáng được chúng ta đặc biệt chú ý vì nó chứng tỏ rằng các chế độ độc tài không cộng sản cũng có khả năng kèm giữ một quốc gia rất lâu trong cảnh bần cùng. Cho nên hết cộng sản không phải là hết tai họa nếu chỉ để đi vào một chế độ độc tài kiểu khác.

Không làm gì có các chế độ độc tài sáng suốt. Nền tảng của mọi chế độ độc tài là sự kiêu căng bệnh hoạn của một số người cho rằng họ đủ thông minh để suy nghĩ thay cho cả một dân tộc. Nhà độc tài trước hết là một kẻ u mê. Và lại thực tế đã chứng minh một cách rất hùng hồn: tất cả mọi tập đoàn độc tài đều vô học.

Không phải là một sự ngẫu nhiên mà các quốc gia giàu mạnh nhất thế giới đều là các quốc gia dân chủ. Không phải vì nhờ có kinh tế phát triển mà họ có dân chủ, cũng như không phải vì nhờ ăn mặc đẹp mà một người trở nên giàu có. Họ đã trở nên giàu có

vì đã có dân chủ. Và họ có dân chủ vì họ đã tranh đấu cam go để có và cũng đã phấn đấu cam go để giữ gìn.

Dân chủ vừa khó khăn mới có lại cũng đòi hỏi rất nhiều bản lĩnh để giữ gìn. Bản chất của dân chủ là sự tranh cãi không ngừng giữa những ý kiến khác biệt. Khó khăn của nó là phải luôn luôn tìm đồng thuận trong sự khác biệt. Điều kiện thành công của nó là sự hiểu biết và lòng bao dung. Các chế độ độc tài trước hết là sự đơn giản hóa quan hệ giữa người và người. Cấm đoán, khủng bố là chọn lựa để dãi luôn luôn cám dỗ những người cầm quyền thiếu bản lĩnh trước trở ngại, thiếu trí tuệ trước những vấn đề phức tạp. Các chế độ độc tài không phải chỉ thô bạo mà còn kém cỏi.

Các chế độ dân chủ cũng có thể vấp vấp, và chắc chắn là có vấp vấp. Những sai lầm của một chế độ dân chủ càng dễ thấy hơn vì không được che đậy, nhưng cuối cùng dân chủ vẫn là chế độ hiệu quả nhất để đạt tới không phải riêng sự giàu mạnh mà cả cái gì nhiều lần quý báu hơn: đó là tự do và phẩm giá con người.

Tại sao nhiều tổ chức chống cộng lại mất khí thế?

Từ lập trường phục quốc, diệt cộng họ đi dần đến những đòi hỏi rất khiêm tốn: thả tù nhân chính trị, tu chỉnh hiến pháp, bỏ điều 4, v.v... Những thay đổi lập trường theo chiều hướng ôn hòa này rất đúng và đáng mừng, nhưng tại sao lại có đáng dấp chán chường của một sự triệt thoái? Bởi vì họ không muốn và cũng không chọn lựa lập trường ôn hòa mà đã chỉ trôi dạt đến đó, sau khi bị thực tại hành hung và xô đẩy.

Cùng một lập trường nhưng có thể có hai tư thế rất khác nhau.

Nếu không có lý tưởng dân chủ làm kim chỉ nam, nếu chỉ muốn "thắng lợi toàn diện" người ta sẽ liên tiếp phải nhượng bộ đơn phương và miễn cưỡng một cách vô trật tự, giống như một sự thua chạy liên tục. Ngược lại, nếu quả quyết chọn lựa dân chủ làm lý tưởng, nếu biết nhận diện dân chủ, tự biến mình thành những con người dân chủ, nếu biết tự mình loại bỏ tất cả những đòi hỏi không thuộc nội dung của một cuộc đấu tranh vì dân chủ, nếu có được phong cách dân chủ và đáng đứng dân chủ, chúng ta sẽ có một vị thế vẻ vang hơn nhiều. Chúng ta sẽ tiến thẳng tới cột mốc dân chủ, dương cao ngọn cờ dân chủ, rồi buộc chính quyền cộng sản phải liên tục nhượng bộ và cuối cùng đầu hàng dân chủ tại đó.

Cuộc tranh đấu hiện nay bắt buộc phải là cuộc tranh đấu vì dân chủ và chỉ vì dân chủ.

Chúng ta đang già từ chế độ cộng sản, và trên thực tế đã già từ chủ nghĩa cộng sản nhưng tương lai đất nước vẫn đầy bất trắc. Tùy ở hành động *lúc này* của những con người hôm nay mà chúng ta sẽ tiến lên đại lộ thênh thang của dân chủ hay sẽ đi vào đường hầm đen tối- và có thể rất dài- của độc tài. Chúng ta đang sống ở một thời điểm vô cùng nghiêm trọng. Chúng ta không có quyền lơ khúc quanh lịch sử trọng đại này. Các thế hệ trước đã từng lơ cơ hội canh tân vào thế kỷ thứ 19 và chúng ta mất nước, đã lơ cơ hội đoàn kết giành độc lập sau thế chiến II và chúng ta đã phải trải qua ba thập niên chiến tranh tàn khốc. Những bài học cay đắng vẫn còn quá mới và những vết thương vẫn còn chảy máu.

Nguyễn Gia Kiểng

Hội nghị Vienne,

buổi rạng đông của những nhân quyền đời thứ ba. Trần Thanh Hiệp

Trần Thanh Hiệp

Hội nghị Vienne, Liên Hiệp Quốc với lô-gích nhân quyền

Người đời sau, khi bàn đến nhân quyền, chắc chắn sẽ phải nhắc tới Hội nghị thế giới lần thứ hai về nhân quyền họp tại Vienne tháng 6 năm 1993. Cuộc gặp gỡ toàn cầu này là một trong bốn cột mốc đánh dấu quá trình phát triển của nhân quyền vào nửa phần sau thế kỷ 20, ba cột mốc khác là Hội nghị Cựu Kim Sơn năm 1945, nơi bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc ra chào đời, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc phiên khoáng đại lần thứ 183 họp ngày 10 tháng 12 năm 1948 tại điện Chaillot Paris với thành tích lịch sử đã khai sinh ra bản Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền và Hội nghị thế giới lần thứ nhất về nhân quyền họp tại Téhéran năm 1968, được ghi nhớ vì đã dọn đường đưa nhân quyền dân sự và chính trị vào địa hạt kinh tế, xã hội và văn hóa. Nhưng có lẽ người đời sau sẽ không đánh giá Hội nghị Vienne một cách hời hợt như người đời nay, nghĩa là phần lớn qua truyền thông đại chúng chỉ chú trọng khai thác các khía cạnh giật gân của hội nghị, như Phật sống Đạt Lai Lạt Ma bị ngăn giữ không được vào hội trường, cựu Tổng thống Mỹ J. Carter bị la ó dữ dội mặc dầu ông là người tổng thống Mỹ rất tiến bộ về vấn đề nhân quyền, các nhân vật được tặng giải thưởng Nobel về hòa bình đã tẩy chay không dự lễ khai mạc Hội nghị Vienne v.v...

Người đời sau sẽ có đủ thời giờ và tài liệu kê cứu để nhận ra được rằng Hội nghị Vienne không phải là một biến cố đột ngột xảy ra mà chỉ là một thời điểm (un moment) của một quá trình diễn biến từ nhiều năm. Vì vậy nó là một công trình tập thể được thực hiện với sự đóng góp của rất nhiều người tham dự vô danh - nếu không muốn nói "anh hùng vô danh" - và bởi thế, để đánh giá nó, không nên hấp tấp để chỉ biết chiếu cố tới những gì đã diễn ra tại hội trường Austria center mà thôi.

Tờ báo này lên khuôn vào lúc Hội nghị Vienne vừa mới bế mạc. Tất nhiên là còn quá sớm nếu muốn đánh giá thật nghiêm túc hội nghị này. Và lại phần lớn các quyết định của hội nghị ấy đã được dọn đường từ trước, trong giai đoạn chuẩn bị, kể cả bản dự thảo lời Tuyên bố kết thúc Hội nghị. Nhiều cuộc tham khảo rộng rãi, nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi, đã diễn ra chung quanh văn kiện này. Dừng nên tưởng lầm rằng các kết quả của hội nghị chỉ đột khởi, ngẫu hứng. Sự thật, phần lớn các kết quả ấy đã được dự liệu và chuẩn bị từ trước. Điều này không có nghĩa là Hội nghị Vienne là một hội nghị tiền chế kiểu các hội nghị cộng sản! Những cuộc thăm dò, đối chiếu quan điểm, thương lượng để chuẩn bị cho hội nghị đã diễn ra một cách công khai và dân chủ. Mọi quyết định vẫn còn bỏ ngõ, chờ những lá phiếu hay những đồng thuận tại hội nghị. Như vậy, ai là người hay những người đã chi phối Hội nghị Vienne? Câu trả lời đúng đắn sẽ phải là: "Chẳng ai có thể chi phối được Hội nghị Vienne, chính cái lô-

gích của nhân quyền đã đưa đất hội nghị này".

Vậy cái lô-gích nhân quyền ấy là cái lô-gích nào?

Đây không phải là nơi thuận tiện để làm một cuộc hành trình đi ngược dòng, lên tới đầu sông, hầu thăm viếng phong cảnh nhân quyền với những địa danh, nhân danh vượt thời gian. Tuồng chỉ có thể sơ lược nhắc lại rằng loài người trong cuộc phiêu lưu đời đời kiếp kiếp để thực hiện phạm trù người, sau khi thành lập và ổn định được nhân đạo đã không ngừng tăng tiến nhân đạo. Nhân quyền xuất phát từ nhân đạo dưới hình thức này hay hình thức khác và luôn luôn là một phụ lưu của nhân đạo. Kể từ khi con người dám rời bỏ thần quyền tự mình coi mình là một chủ thể trong vũ trụ, nhân đạo đã chỉ còn là một sản phẩm của lý trí mang tham vọng đứng ngoài vòng ảnh hưởng của thần quyền. Nhân quyền không thể không chịu ảnh hưởng của sự biểu hiện ý chí tự mình làm chủ vận mạng mình của con người. Cuối thế kỷ 18, lần đầu nhân quyền đã được tuyên xưng một cách có quy mô và long trọng ở hai nước là Mỹ, với ảnh hưởng chưa gột bỏ của thần quyền và Pháp, nơi mà thần quyền đã lùi bước trước lý trí và ý chí. Thế kỷ 19 và hơn hai phần ba thế kỷ 20 đã lôi cuốn nhân quyền vào những ảo vọng theo đuổi ảo ảnh thiên đường "xã hội chủ nghĩa". Máu và nước mắt của một phần ba loài người đã đổ nhưng nhân quyền chẳng những không tăng tiến mà còn sa đọa có cơ đẩy con người xuống hàng thú vật. May thay sự sụp đổ của ý hệ "xã hội chủ nghĩa" đã gây được sự lâm thức của toàn thể loài người về nhân quyền. Và Hội nghị Vienne chính là nơi gặp gỡ của một nhân loại không còn chia thành hai phe, hai khối đối nghịch và một khối phi-liên-kết. Nó đồng thời cũng là nơi gặp gỡ của cả hai dòng tư tưởng hữu thần và vô thần về nhân quyền. Điều đáng kể là hai xu hướng này đã họp mặt tại Vienne không phải để đối chọi những điều dị biệt mà để cùng nhau tìm cách khai triển những đồng thuận cơ bản đã đạt được trong khoảng hơn bốn kỷ mười năm nay. Đồng thuận trên diện khái niệm, đồng thuận trên diện cơ cấu, đồng thuận trên diện hành động. Hội nghị Vienne là sự thi triển của một ý chí quyết vượt qua dị biệt để đi tìm đồng thuận trên cơ sở thực tiễn thay vì ý hệ. Đã không thiếu những bất đồng quan điểm tại diễn đàn Vienne nhưng tựu trung đó chỉ là những lối đi khác biệt để tìm về điểm giao lưu. Lê đương nhiên, một cuộc sinh hoạt như vậy phải đặt Liên Hiệp Quốc vào một địa vị chủ chốt, từ mặt kỷ cương cho đến mặt định chế. Nhân quyền, trải qua hơn hai trăm năm từ cuối thế kỷ 18 đến nay, đã lần lượt chịu sự chi phối của luật (la loi) rồi của thẩm phán (les juges) để hôm nay nằm trong tay Liên Hiệp Quốc, theo lô-gích nhân quyền.

Kỷ nguyên Liên Hiệp Quốc đã bắt đầu?

Một khi Liên Hiệp Quốc đã trở thành viên đá tảng của tòa kiến

trúc nhân quyền thì sự tổ chức, điều hành nhân quyền tất yếu phải mang những đặc tính của Liên Hiệp Quốc. Hội nghị nhân quyền Vienne được triệu tập chính là để mở đường cho thí nghiệm mới của loài người về mặt nhân quyền, một thí nghiệm được thai nghén từ nhiều năm trước nhưng trong mấy năm gần đây, sau khi bức tường ô nhục Berlin bị triệt hạ, mới đủ năm tháng để ra đời.

Thí nghiệm này là một bước mở rộng rất ngoạn mục và đầy ý nghĩa dân chủ của Liên Hiệp Quốc về cả hai mặt cơ cấu lẫn quyền lực.

Về mặt cơ cấu, danh xưng Liên Hiệp Quốc từ nay không còn được hiểu theo nghĩa hẹp như trước, nghĩa là chỉ gồm có sáu cơ quan: Đại Hội Đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng kinh tế xã hội, Hội đồng Giám hộ, Tòa Án Quốc tế La Haye, Văn phòng Tổng thư ký, mà phải hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là còn gồm cả những tổ chức liên hệ như các định chế chuyên biệt (*institutions spécialisées*) - các tổ chức Quốc tế Lao động, Quốc tế Y tế, Quốc tế Bưu điện, Giáo dục, Khoa học và Văn hóa v.v... - và một số Hội ngoại-chính-phủ. Rất nhiều định chế chuyên biệt nhân dịp được tham khảo ý kiến về bản dự thảo Lời Tuyên bố kết thúc Hội nghị Vienne đã đề nghị thay danh xưng Tổ chức Liên Hiệp Quốc (*Organisation des Nations Unies*) bằng Hệ thống Liên Hiệp Quốc (*Système des Nations Unies*). Sự mở rộng này bắt nguồn từ một khám phá mới về những tương quan mật thiết - do Hiến chương Liên Hiệp Quốc qui định - giữa duy trì hòa bình, an ninh quốc tế và phát triển kinh tế xã hội cùng sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do cơ bản của con người. Những tương quan này đã thể hiện trong những hoạt động hàng ngày của các cơ cấu, các định chế chuyên biệt của Liên Hiệp Quốc. Do đó việc bảo vệ, thăng tiến nhân quyền cần phải được điều hợp bởi một Liên Hiệp Quốc mở rộng. Các cơ cấu, định chế chuyên biệt đã khuyến cáo Hội nghị Vienne hãy quan niệm các nhân quyền trên cơ sở Hiến chương Liên Hiệp Quốc.

Muốn cho những nguyên tắc cơ bản của văn kiện này được thực tế tôn trọng, từ nay nhân quyền phải được qui định theo một cách nhìn, cách hiểu toàn bộ, các nhân quyền hỗ tương ảnh hưởng, không thể tách rời nhau để bị đẳng cấp hóa, địa phương hóa - tất cả các nhân quyền đều phổ biến - hầu mở lối cho việc hạn chế nhân quyền. Có thể nói xu hướng chính của thời đại về nhân quyền là một xu hướng toàn bộ coi nhân quyền là tương thuộc (*interdépendant*), bất khả phân (*indivisible*) và phổ biến (*universel*). Một thiếu sót chính quyền trong đó có Trung quốc, Việt Nam, Syrie, Iraq v.v... đã tỏ ra không tán thành cách nhìn toàn bộ ấy về nhân quyền. Những tập đoàn còn chủ trương chuyên chính toàn trị này muốn đẳng cấp hóa nhân quyền, đưa các quyền kinh tế, xã hội lên hàng đầu hầu để bề lẩn tránh việc dân chủ hóa chế độ. Nhưng họ không ở vào thế giới trên để có thể đảo ngược xu thế của thời đại.

Quan niệm toàn bộ về nhân quyền này đưa tới những đổi mới thực sự trong các nước đang mở mang (*pays en développement*). Đổi mới về chính sách phát triển, chiến lược phát triển, chương trình phát triển trên cơ sở tôn trọng mọi nhân quyền, lấy con người làm cứu cánh phục vụ thay vì chỉ làm công cụ phát triển như trước. Mặt khác mỗi con người đều phải được quyền tham dự, trong sự tôn trọng nhân phẩm, trong tinh thần tự do, bình đẳng không bị phân biệt đối xử, vào quá trình phát triển. Mô thức phát triển này là sự thể hiện của "quyền được phát triển" (*droit au*

développement), một trong những nhân quyền đời thứ ba, một nhân quyền mới ra đời, em út của những nhân quyền kinh tế, xã hội (đời thứ nhì) và những nhân quyền dân sự chính trị (đời thứ nhất). Quyền được phát triển đã được Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc công nhận và biểu quyết ngày 4 tháng 12 năm 1986 với 146 phiếu thuận, 1 phiếu chống và 8 phiếu trắng. Một bản Tuyên ngôn về quyền được phát triển sau đó đã phổ biến như một văn kiện chính thức của Liên Hiệp Quốc về nhân quyền.

Quan niệm toàn bộ về nhân quyền còn đưa tới một nền dân chủ mới, đa nguyên và toàn bộ, vì kết hợp được phương thức trực tiếp với phương thức đại nghị. Nếu các nhân quyền chính trị được tôn trọng sẽ không thể diễn ra những vụ bầu cử gian lận do chính quyền độc tài sắp xếp, đạo diễn để che mắt thế gian và có bình phong hóa trang cho độc tài. Bầu cử tự do và trung thực là thực hiện dân chủ vừa trực tiếp vừa đại nghị. Như điều 21 của bản Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền đã xác định: "ý chí của nhân dân là nền tảng của quyền lực của mọi công quyền" (*La volonté du peuple est le fondement de l'autorité des pouvoirs publics*). Điều 21 này cũng nói thêm rằng: "Ai cũng được quyền tham dự vào việc điều khiển công vụ của nước mình, hoặc trực tiếp, hoặc qua trung gian những người đại diện đã được lựa chọn một cách tự do..." (*toute personne a le droit de prendre part à la direction des affaires publiques de son pays, soit directement, soit par l'intermédiaire de représentants librement choisis*). Một chính quyền không dựa trên ý chí của nhân dân, không có sự tham dự của nhân dân theo tinh thần tự do dân chủ là một chính quyền không có chính thống (*légitimité*), một chính quyền áp đặt trên nhân dân.

Phương thức dân chủ trên cơ sở tôn trọng nhân quyền theo quy phạm Liên Hiệp Quốc là cách tốt nhất để hòa bình chuyển hóa một chế độ độc tài thành chế độ dân chủ có bảo đảm bình đẳng vì các nhân quyền kinh tế xã hội văn hóa sẽ bổ túc cho các nhân quyền dân sự chính trị để thực tế mang lại cho mỗi người một đời sống đáng sống, có phẩm giá, có tự do và từ đó có hạnh phúc.

Để đưa loài người bước thêm một bước tiến nữa trên con đường khôi phục, thăng tiến dân quyền, nhân quyền, Liên Hiệp Quốc, qua những khuyến cáo đề xuất tại Hội nghị Vienne, phải củng cố lại một cách thực tế quyền lực của mình. Trước hết phải hành sử nghiêm chỉnh những quyền đã có bằng cách khắc phục những trở ngại trong việc hành sử ấy. Nếu cần, sửa đổi thủ tục để hoàn chỉnh việc hành sử này. Liên Hiệp Quốc đã có rất nhiều, nếu không phải là quá đủ, những quy phạm tốt. Nay chỉ cần áp dụng đến nơi đến chốn những quy phạm ấy, không cần hay chưa cần đặt thêm ra những quy phạm mới.

Hai khuyến cáo để tăng cường hiệu lực cho việc hành sử quyền lực của Liên Hiệp Quốc đã được chuyển tới Hội nghị Vienne là việc công cử một Cao ủy nhân quyền và việc thành lập một Tòa án hình sự quốc tế có thẩm quyền xét xử những vụ vi phạm nhân quyền mà cá nhân hay quốc gia là thủ phạm.

Một số khó khăn thực tế đang làm trì hoãn những quyết định đang rất được chờ đợi về hai việc này. Có một Cao ủy nhân quyền để việc bảo vệ tiến thăng nhân quyền được theo dõi, đôn đốc, những vi phạm nhân quyền được khám phá mau lẹ và đầy đủ. Tất nhiên là một số quốc gia độc tài không tích cực hưởng ứng sáng kiến công cử người Cao ủy nhân quyền, một trở ngại đáng sợ cho

Hòa giải dân tộc đòi hỏi phải có một sự biến cải của cộng sản

Tôn Thất Thiện

Tại Hội Nghị Việt Kiều hồi tháng 2 năm nay, ông Đỗ Mười và ông Võ Văn Kiệt đã kêu gọi người Việt hải ngoại "vượt trên các sự khác biệt, kể cả khác biệt về chính kiến" (lời ông Võ Văn Kiệt) và "xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù" (lời ông Đỗ Mười) để thực hiện "hòa giải dân tộc".

Những lời tuyên bố trên đây có vẻ thật hấp dẫn và cảm động. Và có người (đã nắm chức vụ quan trọng trong các chính quyền trước 1975) bị hấp dẫn đến nỗi công khai xin chính quyền cộng sản ân xá cho những người đã tham gia chế độ cũ, hoặc đã cảm động đến rơi nước mắt, hoặc lên tiếng kêu gọi hòa giải "không cần điều kiện gì cả", chỉ cần lãnh tụ cộng sản "tỏ thiện chí" là đủ.

Việc làm cộng sản không đi đôi với lời nói

Những người dễ cảm nói trên không để ý là ông Lê Đức Anh, người nắm quyền bính thực sự hiện nay, không hề tuyên bố gì về hòa giải, và các tướng lãnh hiện nắm chức vụ then chốt trong chính quyền cộng sản tuyên bố vẫn tiếp tục nhứt quyết chứng minh "ai thắng ai". Họ cũng không thấy rằng có một sự mâu thuẫn rất lớn giữa những lời tuyên bố của hai ông lãnh tụ cộng sản

tối cao này (một ông đứng đầu đảng, một ông đứng đầu chính phủ) và những gì họ và đồng chí của họ đã quyết định cho Việt Nam đến năm 2000 và sau nữa. Đó là Cương lĩnh Đại hội VII và Hiến pháp tháng 12-1992 hiện nay đang còn hiệu lực, và toàn thể đảng viên đảng cộng sản Việt Nam và nhân dân trong nước bị ép buộc phải chấp nhận. Theo cương lĩnh và hiến pháp này thì nhân dân Việt Nam vẫn phải tiếp tục tiến lên chủ nghĩa xã hội, "con đường duy nhất" mà Bác và Đảng đã lựa chọn từ năm 1930, và cơ sở tư tưởng và hành động của đảng cộng sản Việt Nam vẫn là chủ thuyết Mác-Lê "trong sáng".

Chủ thuyết Mác-Lê "trong sáng" là một chủ thuyết xã hội chủ nghĩa kiểu bôn-sê-vích do Lenin phác họa. Nó chủ trương: 1-đấu tranh giai cấp; 2-chuyên chế vô sản; 3-dùng bạo lực; 4-gạt bỏ đạo lý; 5-dân chủ tập trung. *Tất cả những chủ trương này đều ngược với hòa giải dân tộc.*

Đấu tranh giai cấp và chuyên chế vô sản là *đương nhiên phải nhận hòa giải dân tộc. Hòa giải dân tộc là coi mọi cá nhân, thành phần, đoàn thể xã hội đều bình đẳng và có quyền sống và phát triển như nhau.* Đó là một điều căn bản mà hiện đảng cộng sản Việt Nam tuyệt đối không chấp nhận.



Hội nghị Vienne...

ý đồ độc tài mà họ đang theo đuổi. Vì vậy, người ta đã nghĩ tới việc thay thế việc công cử Cao ủy nhân quyền bằng việc tăng cường quyền hạn cho Chủ tịch Ủy ban nhân quyền, một chức vụ đã có sẵn. Điều trở ngại là nếu có những quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc không chịu ký vào Phụ đính Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị thì những cá nhân công dân quốc gia này không được quyền khiếu tố trước Ủy ban nếu nhân quyền mình bị vi phạm (như trường hợp Việt Nam hiện nay).

Còn việc thành lập Tòa án hình sự quốc tế, tuy sự cần thiết không bị bác bỏ nhưng trong thực tế vẫn gặp phải sự chống đối dưới lý do chủ quyền quốc gia. Ủy hội quốc tế các luật gia, trong một văn kiện gửi cho Hội nghị đã khẳng định rằng tòa án này sẽ không xâm phạm chủ quyền quốc gia vì luật quốc tế đã định rằng "cá nhân có những bổn phận vượt lên trên những nghĩa vụ mà nước mình buộc phải tôn trọng". Những vụ vi phạm nhân quyền có qui mô, có hệ thống bằng diệt chủng, tra tấn là những xâm phạm thô bạo lương tâm nhân loại, đe dọa hòa bình, an ninh quốc tế, các tòa án quốc tế có thẩm quyền xét xử. Và lại nhiều quốc gia cũng đã chịu giới hạn thẩm quyền xét xử của mình để nhường thẩm quyền xét xử cho các tòa án quốc tế khi họ ký kết tham gia các công ước quốc tế dự liệu và trừng phạt những vụ vi phạm nhân quyền trầm trọng này.

Người ta hy vọng rằng nếu khuyến cáo thành lập Tòa án hình

sự quốc tế chưa được thỏa mãn ngay thì ít ra vấn đề này cũng sẽ được ưu tiên cứu xét vào Đại Hội Đồng sắp tới sẽ nhóm họp vào cuối năm nay.

Dù sao, lô-gích nhân quyền đã đưa Liên Hiệp Quốc tới một mức độ phát triển không thể thối lui. Vấn đề là Liên Hiệp Quốc sẽ thụ nhận và thi hành sứ mệnh của mình theo một nhịp độ mau hay chậm.

Nhưng thử hỏi Liên Hiệp Quốc là những ai? Sự kiện Tổ chức Liên Hiệp Quốc đang trên đà biến thành Hệ thống Liên Hiệp Quốc chứng tỏ rằng ý chí, đạo đức, nhiệt tâm, tác phong sinh hoạt của mỗi quốc gia, mỗi đoàn thể, mỗi cá nhân có thể xa gần ảnh hưởng tới Liên Hiệp Quốc.

Riêng về phần nước Việt Nam, người Việt Nam, Hội nghị thế giới về nhân quyền vừa họp xong tại Vienne đã cho thấy nhà cầm quyền đương nhiệm Việt Nam đang cản trở bước tiến của nhân quyền nay đã tới đời thứ ba. Còn những người chống đối chính quyền ấy thì vẫn còn lết đệt ở thời nhân quyền đời thứ nhất. Trong khi đó, đại khối dân tộc đã và đang là nạn nhân của mọi vi phạm nhân quyền đủ loại nhưng không đủ khả năng vùng dậy để tự cứu. Như vậy, e rằng đêm Việt Nam còn kéo dài trước khi trời rạng đông.

Trần Thanh Hiệp

Phản khác, gạt bỏ đạo lý và dùng bạo lực triệt để và thường xuyên làm phương pháp cai trị cũng là phù nhận hòa giải dân tộc, vì đã hòa thì không cần đến bạo lực nữa, và đối với dân tộc Việt Nam đạo lý - đặc biệt là nhân từ, thành tín, trung thực - phải là căn bản của những liên hệ xã hội. Dùng bạo lực là một chủ trương then chốt của Mác-Lê. Vì đảng cộng sản Việt Nam vẫn lấy Mác-Lê làm cơ sở lý thuyết và hành động của họ nên họ không thể thực sự hòa giải dân tộc được.

Đảng cộng sản Việt Nam vẫn muốn đứng trên dân tộc

Cuối cùng, dân chủ tập trung mâu thuẫn rất lớn với hòa giải dân tộc. Các cơ quan tuyên truyền cộng sản không ngớt nhấn mạnh rằng họ nhất quyết không khi nào bỏ nguyên tắc đó. Họ cho rằng sự lãnh đạo của đảng họ là một "nhu cầu" của đất nước. Họ cũng không ngớt tuyên bố họ chỉ "dân chủ" với nhân dân nhưng sẽ "ngghiêm trị" những kẻ "phá hoại thành quả cách mạng", nghĩa là những kẻ chống đối đường lối của lãnh đạo cộng sản hiện nay. Trong những tài liệu học tập nội bộ, họ giải thích rằng bỏ nguyên tắc dân chủ tập trung thì đảng cộng sản Việt Nam sẽ ngang hàng với các đảng khác, và họ không chấp nhận như vậy, họ muốn *ngồi mãi trên dân tộc*. Như thế làm sao có hòa giải dân tộc, hay bất cứ loại hòa giải nào?

Dân chủ tập trung là do Lenin tạo ra. Trong ngôn từ Tây phương cũng như Đông phương, danh từ này chẳng có nghĩa lý gì cả. Nó là một thứ quái vật. Theo học thuyết chính trị, đã dân chủ thì không thể có sự tập trung quyền hành; ngược lại, tập trung quyền hành thì không phải là dân chủ, mà là điều kiện tạo ra chuyên chế độc tài và duy trì chuyên chế độc tài. Nhưng Lenin bất chấp mâu thuẫn này. Ông ta là một người bản chất và tư tưởng độc tài, và độc tài hạng nặng. Nhưng ông ta luôn luôn ở thế thiếu số trong phong trào xã hội chủ nghĩa Âu Châu. Do đó, ông ta tạo ra những tổ chức cũng mang danh là xã hội chủ nghĩa nhưng sinh hoạt theo nguyên tắc phản dân chủ: đảng Cộng Sản Nga và Đệ Tam Quốc Tế. Cả hai tổ chức này do ông ta hoàn toàn khống chế. Cả hai đều theo kiểu bôn-sê-vích: tổ chức kiểu quân sự, đòi hỏi đoàn viên phải chấp nhận một kỷ luật sắt và cấp dưới phải tuyệt đối phục tùng cấp trên. Mà cấp trên tột bậc là Chính Trị Bộ và người nắm thực quyền trong chính trị bộ này.

Áp dụng vào tình trạng hiện tại ở Việt Nam, theo cương lĩnh của Đại hội VII và Hiến pháp tháng 12-1992, dân chủ tập trung buộc toàn dân Việt Nam, qua Quốc hội và Trung ương Đảng, phải tuyệt đối phục tùng Chính Trị Bộ của đảng, nghĩa là 13 người, nhưng trong thực tế chỉ có hai người: Tổng bí thư - Đỗ Mười -, và người nắm binh quyền - Lê Đức Anh.

Những sự kiện nêu trên đưa đến kết luận là ngày nào Cương lĩnh của đảng cộng sản Việt Nam và Hiến pháp Việt Nam hiện tại không thay đổi thì dù các ông Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt có tuyên bố gì đi nữa, hòa giải dân tộc vẫn không thể có vì chúng ta vẫn không tin rằng họ *thực tình* muốn có một sự hòa giải dân tộc thực sự, và tuyên bố hòa giải của họ chỉ là một thủ đoạn tuyên truyền nhằm khai thác ý nguyện hòa giải dân tộc của đa số nhân dân Việt Nam.

Đảng cộng sản Việt Nam bị áp lực của nhân dân

Thực tại cho thấy rằng cuộc tranh đấu của toàn dân trong nước và ngoài nước, trong Nam cũng như ngoài Bắc, và những biến chuyển trên thế giới trong những năm qua, đã và đang buộc ban lãnh đạo đảng cộng sản phải càng ngày lùi bước. Những thay đổi ở Việt Nam trong thời gian qua không phải là kết quả của thực tâm ban lãnh đạo đó, mà là kết quả của áp lực từ nhiều phía, kể cả áp lực của người Việt tị nạn và của nhiều người trong nước, và ngay cả trong đảng, không ngớt tranh đấu đòi tự do kinh tế và chính trị.

Áp lực của nhân dân Việt Nam, trong và ngoài nước, dưới nhiều hình thức, đòi dân chủ và phát triển kinh tế mang lại tự do sung túc cho dân, đã buộc nhiều người theo đảng cộng sản và ban lãnh đạo của đảng cộng sản phải thấy rõ nguyện vọng của đại đa số nhân dân và nhu cầu của xứ sở trong tình thế quốc tế mới không phải là "tiến lên xã hội chủ nghĩa" mà là hướng về dân chủ đa nguyên. Dân chủ đa nguyên đòi hỏi trước tiên phải có hòa giải dân tộc. Họ phải có những hành động cụ thể để thỏa mãn nguyện vọng đó.

Hành động căn bản nhất và tiên quyết là biến cải.. Về phương diện này, đòi hỏi nhiều nhất hướng vào những người vì lý tưởng công bằng xã hội, dân chủ, và phát triển đất nước, đã đi theo đảng cộng sản và chấp nhận (ngôn ngữ cộng sản gọi là "tiếp thu") chủ thuyết Mác-Lê bôn-sê-vích. Họ phải công khai và dứt khoát đoạn tuyệt với những gì buộc họ phải coi những người Việt khác như kẻ thù của mình chỉ vì những người này không chấp nhận "cách mạng" kiểu bôn-sê-vích do ông Hồ nhập cảng vào VN.

Kế đến là đảng cộng sản Việt Nam. Đảng này cũng phải chấp nhận biến cải. Họ phải chấm dứt việc coi những ai không chấp nhận xã hội chủ nghĩa kiểu bôn-sê-vích của họ như là kẻ thù cần diệt "tận gốc tận rễ". Họ phải *chính thức tuyên bố* quyết tâm hòa giải dân tộc, và để chứng minh sự thực tình của mình: 1-xóa bỏ những điều khoản trong Cương lĩnh của Đảng và Hiến Pháp Việt Nam trái ngược với hòa giải dân tộc thực sự; 2-Quốc hội Việt Nam và Trung ương Đảng thông qua quyết định long trọng xóa bỏ thù nghịch do tranh chấp trong quá khứ gây nên, và từ nay xem tất cả người Việt Nam như công dân bình đẳng bình quyền trong một thể chế dân chủ đa nguyên đa đảng chứ không phải là nô tì của thiểu số nắm quyền lực trong một chế độ phong kiến mới.

Những hành động căn bản cụ thể nêu trên cần thiết để dọn đường cho giải pháp hòa giải có thể thực thi được, đặc biệt là để đi đến một Quốc hội Lập hiến qua một cuộc bầu cử đứng đắn trong điều kiện hoàn toàn tự do và dân chủ.

Trong tình trạng hiện nay, hòa giải dân tộc, tuy rất cần thiết cho xứ sở, chưa có thể thực hiện được vì lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam đang tránh né quyết định căn bản này bằng cách thả khói mù. Nhưng họ sẽ không tránh né mãi được. Cái gì phải đến sẽ đến. Lúc đó, nghĩa là sau khi những điều kiện nói trên được thỏa mãn, chúng ta sẽ đặt vấn đề hòa giải và hợp tác để xây dựng lại đất nước, không phải với đảng cộng sản Việt Nam, mà với những người cộng sản biến cải, nghĩa là trong tư tưởng cũng như trong hành động, thực sự không coi chúng ta như thù nghịch hay nô tì của họ nữa.

Tôn Thất Thiện
Ottawa, 12-6-1993

Thành quả mười bốn năm chính sách mở rộng kinh tế ở Trung quốc (1978-1992)

Phùng Nguyên

Từ khi nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc được thành lập năm 1949, hai nhân vật đóng vai trò quan trọng trên chính trường là Mao Trạch Đông và Đặng Tiểu Bình. Mao là nhà tư tưởng, nhà chính trị đã nhiều lần từ thế yếu lật ngược thế cờ giành thắng lợi (Hội nghị Tuân Nghĩa năm 1935, Hội nghị Lư Sơn năm 1959, dùng cách mạng văn hóa loại địch thủ từ năm 1966...), ông Đặng, trái lại, là con người thực tiễn, đầy tham vọng. Nếu ông Mao là người có công mở rộng chính trị ra thế giới bên ngoài, thì ông Đặng là người có chút ít sáng suốt đã chủ trương mở rộng kinh tế từ năm 1978 trở đi.

Thành quả chính sách mở rộng kinh tế của ông Đặng trong mười bốn năm qua đã nâng cao thu nhập đầu người Trung Quốc từ 360 nhân dân tệ (Ren min bi, RMB) lên 2.055 RMB trong năm 1992 (tương đương 2.055 Francs Pháp hay 370 Mỹ kim)(1). Con số đáng kể trong thời gian tương đối ngắn.

Nhưng chính sách mở rộng kinh tế của ông Đặng dựa trên chủ thuyết "kinh tế thị trường xã hội" cũng sẽ đưa Trung Quốc đến nhiều hậu quả trầm trọng về mặt xã hội cũng như về chính trị trong thập niên tới. Ở những vùng duyên hải, nhịp độ phát triển tăng quá nhanh, đời sống dân chúng các vùng này cao hơn từ ba đến năm lần so với các vùng trong lục địa không được ông Đặng quan tâm tới. Sự chênh lệch mức sống giữa thành thị và thôn quê mỗi ngày một tăng, hiện tượng di dân từ nông thôn về thành thị mỗi ngày một nhiều.

Nếu sự chia cắt đất đai chưa thành hình ở phương diện chính trị, thì trên mặt kinh tế đã là hiện thực. Trước đây chính quyền Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch (1927-1949) bị đào thải vì quá trọng vọng ngoại bang và cho giới tư sản mại bản quá nhiều đặc quyền. Chính quyền Trung Quốc hiện nay hình như cũng đang dẫm chân trên con đường này. Điều khác biệt là giới tư sản mại bản trước kia được thay bằng 51 triệu đảng viên đảng cộng sản Trung Quốc. Đó là con đường "tư bản XHCN" hay nói trắng ra là "tư bản đỏ".

Phải chăng ông Vinh Nghị Nhân, nhà "tỷ phú đỏ" vừa được thăng nhiệm là phó chủ tịch nhà nước đã chính thức hóa đường lối này?

Trong bài tham luận này, chúng tôi sẽ phân tích đường lối cải cách, tóm tắt thành quả cũng như khảo sát bề trái của chính sách nói trên.

I. Chính sách cải cách kinh tế

Chính sách mở rộng được thể hiện bằng bốn hiện đại hóa:

canh nông, công nghiệp, kỹ thuật, quốc phòng ở Hội nghị lần thứ ba khóa 11 (tháng 12-1978) được Hội nghị lần thứ ba khóa 12 (tháng 10-1984) bổ túc. Ông Đặng đưa ra chương trình cải cách kinh tế đại quy mô mà mục đích là thay thế kinh tế tập trung dựa trên sản xuất tập thể và sở hữu nhà nước bằng kinh tế hỗn hợp, dành cho thành phần kinh tế thị trường và sáng kiến tư nhân. Thực tiễn của chương trình này là :

- giải thể chế độ tập thể hóa về sản xuất nông nghiệp (nhưng vẫn giữ sở hữu tập thể về đất đai) thay bằng chế độ hợp đồng trách nhiệm (contrat de responsabilité);
- giới hạn kế hoạch trung ương và cho nới rộng quyền tự trị ở các ngành công nghiệp, thương mại và dịch vụ;
- nới rộng tự do giá cả;
- thu nhận có giới hạn sáng kiến tư nhân trong lãnh vực thủ công nghệ, thương mại, dịch vụ và công nghiệp nhỏ;
- mở rộng toàn xứ ra bên ngoài nhất là về phía Hoa kỳ, Nhật bản và Âu Châu.

Sự mở rộng ra bên ngoài bao gồm việc thành lập xí nghiệp với vốn hỗn hợp, thành lập các đặc khu và các vùng phát triển, gửi sinh viên ra ngoài nước, mượn tiền xứ ngoài, mở rộng ngành du lịch cho người ngoại quốc.

Đặc điểm của chính sách mở rộng kinh tế là sự mở rộng các tỉnh duyên hải và sự thành lập các đặc khu bên cạnh Hương Cảng cho người ngoại quốc vào đầu tư vì trong thời kỳ mao-ít, chính sách bế quan tỏa cảng được đưa lên hàng đầu.

II. Các giai đoạn thành lập vùng kinh tế đặc biệt (đặc khu) và vùng kinh tế phát triển

Mục tiêu của chính sách này là tạo một kinh tế "XHCN" có khả năng kết hợp các kinh nghiệm của các xứ tư bản và những đòi hỏi cấp bách chính trị xã hội của một xứ đang phát triển. Các vùng này không phải chỉ là nơi dành cho tư bản vào đầu tư mà còn làm nơi thí nghiệm về tư tưởng cho các vùng khác.

Người ta có thể chia ra nhiều giai đoạn trong việc thành lập các vùng phát triển ở Trung Quốc.

Đầu năm 1980 là việc thành lập các vùng kinh tế đặc biệt ở hai tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Ba đặc khu được thành lập ở tỉnh Quảng Đông là: Thâm Quyến (Shen Zhen), Chu Hải (Zhu Hai), Sán Đầu (Shan Tou); tỉnh Phúc Kiến có một đặc khu ở Hạ Môn (Xia Men). Ở các đặc khu, đầu tư ngoại quốc được hưởng nhiều đặc quyền đáng kể. Ngoài ba năm đầu không thuế, các năm

sau chỉ đóng 15 % thuế trên lợi tức thay vì 30% như ở các nơi khác. Những vật tư cần thiết cho xí nghiệp cũng như những nguyên liệu nhập khẩu được hoàn toàn miễn thuế. Sau khi xây dựng xí nghiệp, thuế xuất khẩu cũng được miễn. Người ngoại quốc được thuê đất rẻ và dài hạn (từ 50 đến 70 năm). Ngoài ra lương bổng công nhân chỉ bằng 1/5 lương bổng ở Hương Cảng. Tuy vậy lương bổng công nhân ở các đặc khu cũng còn cao hơn từ ba đến năm lần ở các nơi khác của Trung Quốc.

Để tranh thủ người ngoại quốc vào đầu tư, một luật đầu tư được công bố năm 1986, đặc biệt là điều khoản 5 ghi rõ "Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc không quốc hữu hóa cũng như không trưng dụng (expropriation) xí nghiệp vốn ngoại quốc nhưng nếu vì lý do công ích, các xí nghiệp bị quốc hữu hóa sẽ được bồi thường theo thủ tục cần thiết". Giai đoạn kế tiếp là việc mở rộng 14 tỉnh duyên hải trong năm 1984 với mục đích lôi cuốn vốn tư bản cũng như sự thành thạo về kỹ thuật và quản lý. Dân số của mười bốn tỉnh này (2) chỉ chiếm 8% nhưng mang lại 23% sản xuất công nghiệp của toàn xứ.

Ngoài phương tiện sản xuất được miễn thuế, những tỉnh này không có quy chế đặc khu nhưng có quyền cam kết trao đổi thương mại trực tiếp với ngoại quốc. Những xí nghiệp ở các tỉnh này phần lớn thuộc nhà nước. Cũng theo chiều hướng này, chính phủ Trung Quốc cho mở thêm trong năm 1985 ba vùng mới: vùng châu thổ sông Trường Giang, vùng châu thổ Chu Giang (chung quanh Quảng Châu) và phía nam tỉnh Phúc Kiến giới hạn giữa ba thị trấn Hạ Môn, Tuyền Châu và Chương Châu. Cũng trong năm 1985, tám hải cảng từ tỉnh Liêu Ninh xuống tới tỉnh Quảng Đông được mở rộng bao gồm các hải cảng Đại Liên, các quần đảo Liêu Đông cho tới Bắc Hải (gần biên giới Việt Nam). Tiếp theo đó, đảo Hải Nam được dựng lên thành đặc khu trong năm 1987 để thành tỉnh thứ 30 của Trung Quốc trong năm 1988. Như vậy, cuối năm 1988, tất cả các tỉnh duyên hải được mở rộng bang giao với ngoại quốc.

Song song với chính sách mở rộng đặc khu và mở rộng hải cảng và thành phố duyên hải, các nhà canh tân Trung Quốc cũng phân chia nhiệm vụ cho các vùng toàn xứ trong kế hoạch ngũ niên lần thứ 7 (1986-1990).

Theo kế hoạch này, Trung Quốc được chia ra vành đai kéo dài từ Bắc tới Nam theo đó phát triển phải được thực hiện từ Đông sang Tây tùy theo khả năng của mỗi vùng. Vành đai phía Đông (18% diện tích) bao gồm 8 tỉnh, 3 thành phố trực thuộc trung ương và một vùng tự trị (Quảng Tây). Tám tỉnh đó là Liêu Ninh, Hà Bắc, Sơn Đông, Giang Tô, Chiết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam; còn 3 tỉnh trực thuộc trung ương là Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải. Vành đai này được các nhà kế hoạch "chiếu cố" làm gương mẫu để thúc đẩy phát triển về các tỉnh phía Tây, ưu tiên dành cho công nghệ cao, hạ tầng cơ sở (điện lực, giao thông, tu bổ hải cảng), cải thiện nông nghiệp theo chiều hướng đa dạng, dịch vụ.

Vành đai trung ương (29% diện tích) bao gồm 8 tỉnh và một vùng tự trị (Nội Mông). Tám tỉnh kia là: Hắc Long Giang, Cát Lâm, Sơn Tây, An Huy, Giang Tây, Hà Nam, Hồ Nam, Hồ Bắc. Các tỉnh này là trung tâm của công nghiệp nặng và công nghiệp gang thép, ưu tiên dành cho phát triển điện lực, nguyên liệu khoáng sản, xây dựng cơ khí và nông nghiệp đa dạng.

Vành đai phía Tây (57% diện tích) bao gồm 6 tỉnh và ba vùng

tự trị. Sáu tỉnh đó là Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu, Thiểm Tây, Cam Túc, Thanh Hải; ba vùng tự trị là Tây Tạng, Ninh Hạ, Tân Cương. Do điều kiện thiên nhiên của các tỉnh này, ưu tiên dành cho nông nghiệp, tài nguyên rừng, chăn nuôi và giao thông (còn kém mở mang).

Từ năm 1990 trở đi, nỗ lực phát triển được dành cho lưu vực sông Trường Giang, đặc biệt là Phố Đông (Pu Dong) của Thượng Hải. Tháng tư năm 1990, chính phủ Trung Quốc tuyên bố sẽ dành cho Phố Đông nhiều đặc quyền hơn các đặc khu với mục đích thành lập một trung tâm kinh tế và tài chánh cho cả Á Châu. Phố Đông với diện tích 350 km² rộng 11 lần hơn 14 vùng duyên hải đang phát triển. Theo nhà cầm quyền Trung Quốc, sự bố trí của Phố Đông sẽ là một công trình to lớn nhất của thế giới.

III. Thành quả của 14 năm chính sách mở rộng

Đầu năm 1993, các bảng chỉ báo về kinh tế ở Trung Quốc phần lớn thuộc màu xanh và được người ngoại quốc khen ngợi. Tổng sản lượng quốc gia tăng bình quân trong 10 năm liên tiếp hơn 9%, riêng năm 1992 12,8% đạt tới 2.340 tỷ RMB, trong khi tổng sản lượng các "con rồng" Á Châu chỉ tăng 6-7%. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20% đối với năm 1991. Thu hoạch nông nghiệp trong ba năm liên tiếp đạt số kỷ lục 440 triệu tấn. Nền mậu dịch đối ngoại tăng lên số kỷ lục 165,5 tỷ Mỹ kim, tăng 43,3% so với 1990. Xuất khẩu lên đến 85 tỷ Mỹ kim tăng 19,8% so với năm 1991. Dự trữ tiền tệ lên đến 50 tỷ Mỹ kim tăng 68,9% so với năm 1990. Thu hoạch du lịch đạt được 3,6 tỷ Mỹ kim tăng 26,4% so với năm 1991 với 37 triệu du khách.

Trong 14 năm, có 80.000 xí nghiệp ngoại quốc được cho phép thành lập trong đó có 27.000 trong 9 tháng đầu 1992 với vốn đưa vào là 30,66 tỷ Mỹ kim. Riêng trong năm 1992 có 11,6 tỷ được đưa vào hoạt động. So với hai năm trước, năm 1992 là năm khả quan nhất. Trong năm 1990, có 7.273 dự án được chấp thuận với vốn đưa vào là 6,6 tỷ Mỹ kim, trong đó 3,5 tỷ được đưa vào hoạt động. Trong năm 1991, số dự án lên tới 12.978 với vốn đưa vào là 11,9 tỷ trong đó có 4,4 tỷ được đưa vào hoạt động. 80% các dự án này được thành lập ở các vùng duyên hải và 75% do Hoa kiều ngoài xứ chủ yếu là Hương Cảng, Ma Cao, Singapore. Người gốc Đài Loan bắt đầu ồ ạt đầu tư vào Trung Quốc. Trong năm 1992, dự án chấp thuận lên đến 4 tỷ Mỹ kim so với 3,4 tỷ tổng cộng dự án trong 10 năm trước đó.

Một trong những thành tựu đáng kể là sự phát triển nền mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc. Từ năm 1978 đến 1992, bình quân của ngành này tăng 15%, hai lần hơn nhịp độ gia tăng của nền bang giao thương mại quốc tế. Xuất khẩu của Trung Quốc trong năm 1992 chiếm 20% tổng sản lượng quốc gia (khoảng 430 tỷ Mỹ kim) so với 3% trong năm 1978. Với tỷ số này Trung Quốc đứng vào các nước hàng đầu trên thế giới (tỷ số của Pháp trong năm 1991 là 13,6%). Nếu trước đây, 75% nền ngoại thương được bang giao với khối "XHCN", thì trong năm 1991, 65% được bang giao với các xứ Á Châu trong đó Hương Cảng chiếm 44,7%, Nhật Bản 14,3%, các xứ thuộc khối ASEAN 5,8%. Ngoài ra cộng đồng Âu Châu chiếm 9,4%, Mỹ 8,6%, Nga 2,5%, các xứ Đông Âu cũ 0,4%. Xuất khẩu công nghiệp chế biến kể cả thực phẩm chiếm 53%.

Thành quả của nền mậu dịch đối ngoại của năm đặc khu (kể

cả Hải Nam) cũng rất khả quan trong năm 1992. Ngoại thương của năm đặc khu trong năm 92 đạt được 24,3 tỷ Mỹ kim chiếm 14,7% nền ngoại thương toàn xứ trong đó xuất khẩu đạt 12,4 tỷ (14,6% xuất khẩu toàn xứ) tăng 24,2% so với năm 1991. Nhập khẩu với 11,9 tỷ tăng 16,6% chiếm 14,8% của toàn xứ. Điều đáng để ý là xí nghiệp vốn ngoại quốc ở năm đặc khu chiếm 26,6% nền mậu dịch đối ngoại của xí nghiệp người ngoại quốc ở Trung Quốc và 49,9% nền mậu dịch ở năm đặc khu.

Trong các tỉnh miền duyên hải, phải nói thành quả của tỉnh Quảng Đông là đáng kể nhất. Tỉnh Quảng Đông (180.000 km²) có 64 triệu dân và tổng sản lượng 221,8 tỷ RMB trong năm 1992. Thu nhập bình quân đầu người là 3.460 RMB (1,7 lần hơn bình quân toàn xứ). Tổng sản lượng của tỉnh bình quân tăng từ 12,4% từ năm 1980 đến 1991 và dự trù 12,9% mỗi năm trong 15 năm kế tiếp. Công nghiệp hàng năm cũng tăng lên 27% (33% trong năm 1992). Thống đốc tỉnh Chu Sâm Lâm (Zhu Sen Lin) vừa cho biết tổng sản lượng của tỉnh lên đến 39 tỷ Mỹ kim (10% tổng sản lượng toàn xứ) trong năm 1992 nghĩa là 4 lần hơn so với 1980 và 8 năm trước dự trù! Thành tựu của ba đặc khu thuộc tỉnh Quảng Đông cũng vượt hẳn mọi nơi. Đặc biệt là Thâm Quyển nằm cạnh bên Hương Cảng, trước đây là một thị trấn nhỏ với 70.000 dân, ngày nay dân số lên đến 2 triệu dân. Đặc khu chiếm 1/6 diện tích của tỉnh (327,5 km²). Người ta thường cho Thâm Quyển là "động cơ của tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Đông là đầu máy kéo cho kinh tế Trung Quốc". Tổng sản lượng của Thâm Quyển trong năm 1992 lên tới 21,5 tỷ RMB, gần 10% của tỉnh Quảng Đông và 1% của toàn xứ. Như vậy, thu nhập đầu người Thâm Quyển là 10.700 RMB (năm lần hơn bình quân của toàn xứ). Nhịp độ phát triển của Thâm Quyển trong 10 năm (1980-1990) đạt 47% mỗi năm (39,9% năm 1992). Không đợi kế hoạch ngũ niên lần thứ 8 (1991-1995) do chính phủ công bố trong năm 1991 các nhà lãnh đạo tỉnh cho công bố chương trình phát triển riêng của tỉnh dự trù đầu tư 50 tỷ RMB dành cho 9 dự án lớn, từ việc xây cất xa lộ Thâm Quyển-Quảng Châu cho đến phi trường tầm cỡ quốc tế của tỉnh (Hương Cảng cũng dự trù xây cất một phi trường mới với 10 tỷ Mỹ kim, như vậy sẽ có hai phi trường quốc tế cách xa nhau 50 km sau khi Hương Cảng được trả lại cho Trung Quốc trong năm 1997).

Ngày nay, Thâm Quyển và Chu Hải có hơn 23.000 xí nghiệp xử dụng 3 triệu công nhân trong đó có 2 triệu làm việc cho xí nghiệp Hương Cảng. Trong hơn 10 năm qua, xí nghiệp Hương Cảng phần lớn đã dời qua Thâm Quyển chỉ còn 650.000 công nhân làm việc ở Hương Cảng. Thâm Quyển còn là một trong năm đặc khu quan trọng nhất vì nền ngoại thương của tỉnh chiếm 60% ngoại thương của năm đặc khu.

IV. Bề trái của thành quả

Tuy nhiên, những kết quả tốt đẹp này không che giấu được những hiện tượng khác đáng lo ngại. Lạm phát sau khi được chặn đứng (3% 1991 so với 25% trong năm 1989) bắt đầu tái phát trong năm 1992 với 5,3% để lên đến 16% đầu năm 1993 ở các thành phố lớn. Người ta còn nhớ lạm phát trong năm 1988 (18%) và trong năm 1989 là một trong những nguyên nhân của sự đổ sập ở Bắc Kinh tháng 6-1989. Sự lỗ lã xí nghiệp do nhà nước quản lý càng gia tăng. Số nông dân rời bỏ thôn quê đi tìm việc làm ở

thành phố mỗi ngày càng gia tăng. Sự sai biệt phát triển giữa các vùng Đông và Tây cũng như sự chênh lệch về thu nhập đầu người càng nổi rõ. Hiện tượng phát triển tư bản hoang dại do Hoa kiều nước ngoài đưa vào mỗi ngày càng bộc phát. Nợ nước ngoài lên đến 65 tỷ Mỹ kim trong năm 1991 tăng 23,7% so với năm 1990. Con số tuy nhỏ so với tổng sản lượng quốc gia nhưng mỗi năm càng gia tăng (4,5 tỷ năm 1980, 35,3 tỷ Mỹ kim năm 1987) nhất là Trung Quốc từ trước tới nay vẫn chủ trương "tự lực cánh sinh" không muốn tùy thuộc ngoại quốc.

Tóm lại, nếu thành quả trong 14 năm qua là đáng kể thì hiện tượng về mặt xã hội rất đáng lo âu, chưa kể đến sự đòi hỏi mở rộng chính trị của quần chúng chưa được nhà cầm quyền Bắc Kinh để ý đến. Những thanh niên tranh đấu đòi tự do dân chủ, ngoài Vương Đan và Từ Văn Lập (Xu Wen Li) được thả, còn năm tù là Ngụy Kinh Sinh (Wei Jing Sheng), Vương Quân Đào (Wang Jun Tao), Trần Tử Minh (Chen Zi Ming) hay Bảo Đồng (Bao Tong), người cộng sự viên của Triệu Tử Dương...

Có thể nói bề trái trầm trọng nhất của chính sách phát triển kinh tế ở Trung Quốc là nền nông nghiệp. Ngành này chỉ chiếm 1/3 tổng sản lượng với 75% nông dân còn sống ở nông thôn. Người ta lại hỏi tại sao thu hoạch nông nghiệp đạt số kỷ lục nhưng lại là một thất bại?

Thực vậy, trong năm 1984 thu hoạch nông nghiệp lần đầu tiên vượt 407 triệu tấn thóc, chia cho một tỷ người thì mỗi đầu người được 400 kg. Tám năm sau, thu hoạch lên đến 442 triệu tấn (tăng 10% so với năm 1984) nhưng dân số tăng 15%, thu hoạch đầu người chỉ còn khoảng 380 kg. Ngày nay, Trung Quốc mỗi năm còn nhập cảng thóc (12,5 triệu tấn năm 1990, 12,4 triệu tấn năm 1991). Để hiểu rõ sự thất bại của ngành này, chúng ta nên khảo xét ngay từ nguồn gốc. Từ năm 1979 trở đi, chế độ tập thể hóa sản xuất nông nghiệp bị giải thể. Trong năm 1979, đã có 12% ruộng đất thuộc nông dân trồng trọt tự do, 11% thuộc nhà nước và 77% thuộc sở hữu tập thể của làng xã. Sở hữu tập thể chiếm 80 triệu mẫu được phân phát cho 155 triệu nông hộ, muốn với một hợp đồng qui định khoảng 15 năm. Bù lại, nông dân cam kết trả thuế ruộng cho nhà nước, cho cộng đồng và làng xã cũng như phải bán một phần số thu hoạch với giá thấp hơn giá thị trường (từ 10% đến 15% số thu hoạch tùy theo vùng). Số thu hoạch còn lại, nông dân được giữ lại nuôi sống gia đình và bán ra thị trường.

Trên lý thuyết, chính sách này "khá hơn" chế độ tập thể hóa trước đây, bằng chứng là trong bảy năm từ 1978 đến năm 1985, thu nhập đầu người nông dân tăng từ 134 RMB lên gần 400 RMB. Nhiều nơi, có nhiều hộ thu hoạch lên đến 10.000 RMB (số ít), giới nông dân rất phấn khởi. Nhưng tình trạng này không kéo dài vì giới nông dân trở thành nạn nhân cái nghịch lý của chính sách kinh tế mở rộng "nửa nạc, nửa mỡ" của ông Đặng. Chế độ thu mua với giá nhất định được thay thế trong năm 1985 bằng chế độ giá cả giao kết giữa nhà nước và nông dân. Nhưng chế độ tự do giá ở thị trường cũng nổi rõ làm lạm phát tăng cao, vật giá nông sản cũng tăng theo. Do đó, sự sai biệt giữa giá giao kết và giá thị trường mỗi ngày càng cách biệt. Trong năm 1987, nhà nước mua của nông dân 50 triệu tấn thóc với giá sai biệt mỗi kí-lô là 0,25 RMB. Nhà nước được lãi 12,5 tỷ RMB trong khi thuế nông nghiệp chỉ có 4,5 tỷ RMB, nghĩa là nông dân biểu không nhà nước 8 tỷ RMB. Ngày nay, nông dân vẫn còn bán cho nhà nước với giá bằng phân nửa giá thị trường, càng bị thiệt thòi. Thậm tệ

hơn nữa, nhà nước không đủ tiền mặt, người nông dân chỉ được trả bằng phiếu trắng (bai piao), một loại giấy được nhà nước thừa nhận có nợ nhưng không nói ngày nào trả!

Ngoài ra, nông dân còn phải mua phân bón nhập cảng với giá thị trường vì phân bón sản xuất trong nước không đủ, chất lượng lại xấu (Trung Quốc mỗi năm nhập cảng 10 triệu tấn phân hóa học). Trước đây, đất đai dành cho nông nghiệp có hơn 110 triệu mẫu tây nay chỉ còn 90 triệu mẫu. Bình quân mỗi năm đất đai dành cho nông nghiệp mất độ 500.000 mẫu. Hiện tượng này có vì đất đai dùng để xây cất công nghiệp nông thôn và nhà cửa gia tăng. Vì vậy, người nông dân mỗi năm phải dùng thêm nhiều phân bón để có năng suất cao. Nếu trong năm 1978 người nông dân chỉ dùng 90 kg/ha phân bón hóa học thì năm 1987 phải dùng 210 kg/ha.

Ngoài những nguyên nhân nói trên, người nông dân còn bị nạn "cường hào ác bá" của cán bộ địa phương thu thuế bất chấp luật pháp. Lẽ ra thuế đóng cho quỹ cộng đồng và cho làng xã chỉ chiếm 5% số thu hoạch nhưng kỳ thực là 15%. Thêm vào đó, còn thêm thuế di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác. Ngoài ra, vì thiếu phương tiện dự trữ thóc, nông dân mỗi năm mất thu hoạch khoảng 45 triệu tấn (1/10 số thu hoạch toàn xứ). Kết quả là đời sống người nông dân giảm sút không dư tiền đầu tư vào nông nghiệp (3). Do đó, hiện tượng di dân từ nông thôn ra thành thị mỗi ngày càng đông. Người ta ước lượng con số từ 20 đến 40 triệu nông dân lợi dụng "thăm" bà con ở thành phố trong dịp Tết Nguyên Đán hay các ngày lễ, ở lại tìm công ăn việc làm. Theo cuộc điều tra dân số trong năm 1990, dân số thành thị chiếm 26% dân số so với 13% trong năm 1978. Lý do là sự giải thể công xã từ năm 1979 đã làm 180 triệu nông dân trên 330 triệu phải đổi nghề. Cũng may là công nghiệp nông thôn hấp thụ được phân nửa số nông dân đổi nghề (96 triệu năm 1991) và công nghiệp nông thôn đã phát triển mau chóng. Nhịp độ phát triển mỗi năm tăng 22% từ năm 1979 đến năm 1988. Công nghiệp này với 19 triệu xí nghiệp (1,5 triệu năm 1978) chiếm trong năm 1991 khoảng 1/3 của công nghiệp toàn xứ, đem lại công ăn việc làm cho 96 triệu lao động nông dân, góp phần 25% cho xuất cảng. Tuy nhiên, công nghiệp nông thôn cũng là một thách thức cho phải bảo thủ vì thoát khỏi sự kiểm soát của kế hoạch trung ương lại bị kết tội phung phí về điện lực và nguyên liệu, làm ô nhiễm môi trường, sản xuất chất lượng kém.

Có thể nói hiện tượng di dân của nông dân ra thành phố là một sự thất bại về nông nghiệp của ông Đặng, một trong "bốn hiện đại hóa". Ở các nước công nghiệp Âu Châu, hiện tượng di dân bắt đầu từ thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 20. Phát triển công nghiệp hấp thụ nông dân trong khoảng thời gian khá dài không đặt ra nhiều vấn đề. Ở Trung Quốc, hiện tượng này đi quá nhanh. Người ta ước lượng từ đây tới cuối thế kỷ, nông thôn Trung Quốc sẽ có thừa 200 triệu nông dân nếu nhà nước không có chính sách giữ dân tại chỗ. Người nông dân lại thêm khát đời sống "hấp dẫn" của người thành thị chỉ cần làm việc một tuần đã hơn thu hoạch của người nông dân trong một năm. Đó cũng là hậu quả của sự phát triển theo nhiều vận tốc của ông Đặng.

Bề trái thứ hai là sự chênh lệch phát triển giữa các vùng. Sự chia cách ranh giới cũng là đường phân cách giữa sự nghèo đói và phồn thịnh. Mười một tỉnh phía Tây chiếm trong năm 1989 29% dân số nhưng chỉ mang lại 17% thu nhập quốc dân trong khi

mười tỉnh duyên hải trù phú chỉ có 34% dân số nhưng lại chiếm 53% thu nhập quốc dân. Con số này mỗi năm thay đổi theo hướng thuận lợi cho các tỉnh phía Đông.

Ngay tại tỉnh Quảng Đông, mặc dù thu nhập trung bình cao gần hai lần mức trung bình toàn xứ, sự sai biệt giữa thành phố Quảng Châu và các thị trấn miền núi bên trong cũng rất xa. Vùng duyên hải của tỉnh chỉ chiếm 35% diện tích nhưng lại chiếm 80% tổng sản lượng của tỉnh, 65% còn lại chỉ mang lại 20% tổng sản lượng của tỉnh. Thu nhập đầu người của dân Quảng Châu năm 1992 ở khoảng 8.000 RMB (dân Thâm Quyển hơn 10.000 RMB). Ngay giữa nông dân phía Đông và phía Tây cũng có sự chênh lệch. Phát triển công nghiệp nông thôn, một trong những đầu máy của phát triển công nghiệp chủ yếu được người nông dân duyên hải hưởng thụ. Trong năm 1985 công nghiệp nông thôn đem lại 38 RMB cho nông dân miền duyên hải so với 5 RMB cho người nông dân miền Tây. Trong năm 1987, thu nhập nông dân miền duyên hải lên tới 567 RMB so với 377 RMB thu nhập của nông dân miền Tây. Sự sai biệt mức sống giữa nông thôn và đô thị càng ngày càng nổi rõ. Trong năm 1982 tỷ số thu nhập giữa đô thị và nông thôn là 1,85 (500 RMB thay vì 270) thì trong năm 1992 tỷ số này lên tới 2,3 (1.800 RMB so với 770 RMB). Tỷ số này còn cao hơn nếu kể cả phụ cấp của người sống ở đô thị dưới hình thức tiền thưởng hay được mua lương thực với giá phụ cấp của nhà nước. Người ta ước lượng phụ cấp này bằng thu nhập của nông dân. Theo thống kê niên giám của Trung Quốc, thu nhập đầu người cho năm 1986 là 746 RMB. Bảy tỉnh có thu nhập từ 1.000 RMB đến 3.400 RMB chiếm 37,2% tổng sản lượng quốc gia. Tỉnh nghèo nhất là Quý Châu với 405 RMB, Quảng Tây với 450 RMB, Vân Nam 453 RMB, Tứ Xuyên 515 RMB, Tây Tạng 551 RMB, Cam Túc 570 RMB...

Bề trái thứ ba là sự lỗi lạc của xí nghiệp nhà nước mỗi ngày càng trầm trọng. Cái nghịch lý của chính sách mở rộng kinh tế, một mặt là không ngừng ca ngợi chế độ tư bản, mặt khác vẫn giữ chế độ điều khiển. Báo Nhân Dân ngày 23-2-92 viết: "tư bản chủ nghĩa là một giai đoạn cực kỳ quan trọng trong lịch sử phát triển xã hội của nhân loại". Do đó, "Trung Quốc phải phát triển một cách thích đáng kinh tế tư bản để bổ sung kinh tế xã hội chủ nghĩa". Nói một cách khác Trung Quốc một mặt muốn duy trì sự chuyên chế của đảng cộng sản, mặt khác muốn phát triển kinh tế theo thị trường tự do. Chưa có xứ nào trên thế giới đã áp dụng đường lối này. Chính vì có sự mâu thuẫn này mà xí nghiệp do nhà nước quản lý phải phá sản. Chỉ cần xem xét vài con số thống kê đủ thấy rõ sự phá sản của công nghiệp do nhà nước quản lý.

Trong năm 1978, giá trị sản xuất khu vực nhà nước chiếm 81% giá trị sản xuất công nghiệp, khu vực tập thể 19%. Năm 1992, khu vực nhà nước chỉ còn giữ 55%, khu vực tập thể 35%, khu vực tư nhân 10%. Điều đáng để ý là khu vực tư nhân chỉ dùng 2,3 triệu công nhân, trong khi khu vực nhà nước sử dụng 106 triệu công nhân, khu vực tập thể 36 triệu. Nếu đem so sánh giữa khu vực nhà nước với khu vực tư nhân thì khu vực nhà nước dùng công nhân 9 lần hơn. Vì vậy, người ta không ngạc nhiên là 2/3 xí nghiệp nhà nước bị lỗ và nhà nước phải bỏ hằng năm nhiều tỷ để phụ cấp. Nếu giá trị sản xuất của xí nghiệp nhà nước giảm từ 81% xuống 55% từ 1988 đến 1992 thì phụ cấp nhà nước cho khu này lại lên cao. Từ 1978 đến 1990 phụ cấp nhà nước tăng từ 9,3 tỷ RMB lên 106,3 tỷ RMB (từ 8,3% đến 33% ngân quỹ nhà nước).

Người ta ước lượng ít ra cũng có phân nửa nhân công khu vực nhà nước thừa dư (50 triệu người) vì lẽ dễ hiểu là nhà nước phải bảo đảm "chén cơm sắt" cho công nhân thành phố và cũng sợ có loạn nếu thực hiện sa thải ồ ạt. Tuy vậy, nhiều hình thức sa thải trả hình được thực hiện ở các thành phố lớn. Một trong những hình thức trả hình là trả lương 60% trong thời gian có hạn định cho công nhân chịu bỏ nghề. Nạn thất nghiệp ở thành phố lên đến 15 triệu người, con số còn rất xa vời với thực tế vì một mặt số dân di chuyển lên đến hàng chục triệu và mặt khác thống kê không kể những thanh niên mỗi năm tìm công ăn việc làm ở thị trường. Họ cho những thanh niên này đang "đội nghề" (dai ye).

Bề trái thứ tư là sự khủng hoảng về mặt xã hội. Chính sách mở rộng kinh tế, đóng cửa về mặt chính trị được cán bộ cao cấp đảng và một số người khôn ngoan lãnh lợi thừa hưởng. Không phải họ còn tin tưởng gì ở chế độ "XHCN" mà họ cho là dịp tốt để phát tài. Nạn hối lộ, ăn cắp tiền nhà nước, làm ăn bất chính, cán bộ móc nối là hiện tượng hằng ngày ở Trung Quốc. Làm giàu là cái ám ảnh trong đầu của mỗi người Trung Quốc. "Gương mẫu" được từ trên đưa xuống. Hai đứa con trai của ông Đặng, một người làm chủ tịch hội người phế thương nhưng thực sự làm ăn buôn bán với nước ngoài trở thành giàu có, người thứ hai giám đốc một xí nghiệp đứng ra xây cất biệt thự xa hoa ở Thượng Hải bên cạnh các biệt thự của nhân vật lãnh đạo của chế độ. Trường hợp này không phải hi hữu mà cả hệ thống của chính quyền. Các quan chức lạm dụng quyền thế đứng ra xây cất xí nghiệp tư hay bỏ cổ phần vào các xí nghiệp có liên hệ với chính quyền để trục lợi. Họ không ngần ngại đầu cơ tích trữ hàng hóa hay nguyên liệu của nhà nước để nhường lại các xí nghiệp của họ hay các xí nghiệp họ có cổ phần. Kết quả là xí nghiệp nhà nước không có đủ nguyên liệu sản xuất trong khi xí nghiệp của họ có thừa bán với giá cao ở thị trường. Ở các nước có nhà nước pháp trị, các trường hợp này được gọi là lạm dụng tài sản xã hội và phải đi tù. Quan hệ bè phái, móc nối quyền thế cũng lại là hình thức làm giàu bất chính.

Câu chuyện anh xã trưởng làng Đại Khẩu Trang (Da Qiu Zhuang) phía nam tỉnh Thiên Tân được chính quyền dựng lên làm "kiểu mẫu" cho phát triển tư bản là một thí dụ thực tiễn. Dân làng chỉ có 4.400 người nhưng thu nhập đầu người mỗi tháng lên đến 4.000 RMB. Anh xã trưởng lại là tổng giám đốc các xí nghiệp của làng đã biết khôn khéo sử dụng lợi tức để mua các quan khách tỉnh trong việc xuất nhập cảng các sản phẩm "mập mờ". Tài sản của làng trên "lý thuyết" thuộc về tập thể nhưng anh xã trưởng có hai chiếc xe hiệu "Mercedes" dành cho sự di chuyển cá nhân, nhà của đứa con trai ước lượng tới 1 triệu RMB (nhà ông xã trưởng chắc chắn phải hơn). "Công tác" nước ngoài khi thì Nữu Ước, khi thì Ba Lê... của anh xã trưởng không thể kể hết. Các nhà lãnh đạo tối cao của chế độ như Lý Bằng, Vạn Lý cũng đến xem để khảo thưởng anh xã trưởng. Mía mai thay, cuối năm 1992, anh xã trưởng "kiểu mẫu" này bị bắt vì đã đánh chết một người trong một vụ có dính dáng tới hối lộ.

Nạn trốn thuế cũng là tệ nạn của đường lối mở rộng kinh tế. Lợi dụng sơ hở của luật pháp hay điều lệ chưa hoàn chỉnh về dịch vụ, các xí nghiệp dùng mọi hình thức để trốn thuế. Chẳng hạn vốn đầu tư ngoại quốc chỉ đóng thuế lợi tức 15% thay vì 30% cho vốn trong nước lại được miễn thuế các thứ trong 3 năm đầu. Chỉ cần móc nối với xí nghiệp Hương Cảng trở về lục địa được hưởng các đặc quyền nói trên. Người ta ước lượng có ít ra 30% "vốn

ngoại quốc" được vào với hình thức này. Ngoài ra, xí nghiệp sau ba năm đổi tên tiếp tục được hưởng chính sách ưu đãi này. Vì vậy mà Đặng Lập Quần, thuộc phái bảo thủ, người sáng lập khái niệm "ô nhiễm tinh thần" trong những năm 80, có lý do để nói là ông Đặng "đã xa rời chủ nghĩa Mao-ít và chủ nghĩa Mác-xít Lê-nin". Còn Cao Dịch (Gao Di), nguyên tổng biên tập báo Nhân Dân, cũng cảnh cáo trong năm 1990 "chấp nhận kinh tế thị trường là chấp nhận sự đào thải XHCN và sự lãnh đạo của đảng". Hai ông này lần lượt bị loại khỏi ban chấp hành trung ương đảng. Xa rời "chủ nghĩa xã hội" hay chấp nhận kinh tế thị trường không mâu thuẫn. Cái mâu thuẫn chính mới là một mặt muốn làm tồn tại mãi thực chất bộ máy cộng sản và mặt khác thực hiện kinh tế thị trường dưới sự kiểm soát chặt chẽ của bộ máy này.

"Một nước thiếu cạnh tranh kinh tế và không có đối lập chính trị không thể nào tiến lên được". Tôi không nhớ ai nói câu này nhưng tôi còn nhớ câu nói gần đây của tổng thống Pháp Mitterrand khi sang viếng chính thức Việt Nam cũng đã nói một câu tương tự: "Phát triển kinh tế và tự do dân chủ không tách rời được". Ở Trung Quốc, chính sách mở rộng kinh tế theo đường lối tư bản nhưng vẫn giữ cái vỏ "XHCN" để bám víu chính quyền chắc chắn sẽ là một thử thách lớn cho chế độ trong những năm còn lại của thế kỷ. Có ai dám quả quyết sẽ không có sự chia cắt lãnh thổ, sự nổi loạn của dân chúng, hay sự tranh quyền sau ngày ông Đặng từ trần? Sự nổi dậy của sinh viên học sinh trong năm 1989 tại Bắc Kinh một phần bị thất bại vì thiếu sự hỗ trợ của nông dân và giai cấp thợ thuyền ở thành phố. Các giai cấp này trước đây chưa thấy rõ họ đã bị thiệt thòi trong chính sách phát triển kinh tế theo nhiều vận tốc, chủ yếu dành cho một giai cấp khác mới. Ngày nay, họ đã thấy rõ họ là nạn nhân của chính sách này. Lối thoát hay nhất là chính quyền Trung Quốc hay các chính quyền đang bắt chước đường lối này nên thực hiện hiện một chế độ dân chủ thông qua một cuộc tổng tuyển cử tự do trong đó mọi người được có quyền ứng cử, người dân tự do chọn người lãnh đạo.

Phùng Nguyên
Tháng 6-1993

(1) Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) vừa qua tính lại theo sức mua, sắp hạng tổng sản lượng Trung Quốc đứng vào hàng thứ ba trên thế giới với 1.660 tỷ mỹ kim thay vì 430 tỷ, sau Mỹ với 5.610 tỷ và Nhật với 2.330 tỷ. Như vậy, thu nhập đầu người Trung Quốc lên đến 1.450 mỹ kim thay vì 370 mỹ kim.

(2) 14 tỉnh được mở rộng là: Đại Liên, Tân Hoàng Đảo, Thiên Tân, Yên Đài, Thanh Đảo, Liên Vân Cảng, Nam Thông, Thượng Hải, Ninh Ba, Ôn Châu, Phúc Châu, Quảng Châu, Trại Giang, Bắc Hải.

(3) Đầu tháng 6-1993, 10.000 nông dân tỉnh Tứ Xuyên bao vây và đốt phá các cơ quan nhà nước, trường hợp này không hiếm.

Tài liệu tham khảo:

1. La Chine au XXème siècle, Ed. Fayard, 1990.
2. La République Populaire de Chine, Ed. A. Colin, 1987.
3. Revue Courrier des Pays de l'Est: các số 361, 369, 371, 374.
4. La Chine en Construction, Pékin Information, các nhật báo Le Monde, Libération, Nhân Dân (Bắc Kinh), các bản in sao Trường Á Đông Sinh Ngữ Paris.

Lá thư ngỏ gửi Đoàn Viết Hoạt

Nguyễn Bá Hào

Paris ngày 20 tháng 6 năm 1993
Anh Hoạt thân mến,

Nhận được bức thư này, anh chắc không khỏi ngạc nhiên vì người bạn mới quen này, cách đây chưa lâu lắm vẫn còn là một đảng viên cộng sản.

Thực ra, cũng chẳng có gì lạ. Trong số những người vẫn có quan hệ đầy cảm tình với anh, có cả những cán bộ đương chức, những đảng viên đang sinh hoạt. Có điều là hoàn cảnh khắc nghiệt trong nước buộc những anh em đó phải giữ an toàn. Mặc dù như vậy, những anh em đó vẫn có những đóng góp đáng kể vào việc động viên, cổ vũ tinh thần những chiến sĩ bị đàn áp và thông báo chính xác ra ngoài, kể cả ra quốc tế, những tin tức bị bưng bít. Một trong những thí dụ là phiên tòa xử kín anh cuối tháng 3 vừa qua chỉ được đăng ngắn gọn kết quả trên một vài tờ báo trong nước, trong khi ở đây chúng tôi được một cán bộ ẩn dưới bút danh Nguyễn Thành Nam gửi cho bản tường thuật tỉ mỉ diễn biến.

Vòng đai phong tỏa của chính quyền cũng đã bị hạn chế phần nào số người được biết đến anh. Nhưng theo thời gian số người này tăng lên đáng kể, vì qui luật là như thế: càng đàn áp khốc liệt, càng kéo dài sự giam cầm, càng gây tiếng vang trong dư luận. Nhất là người bị giam không những có dũng khí chịu đựng đàn áp, mà còn đầy trí tuệ để tìm ra những biện pháp đấu tranh hữu hiệu. Lời kêu gọi của anh gửi từ trong tù ra ngày 1 tháng 11 năm 1992 là một biểu hiện của "trí": sự phân tích khách quan sáng suốt tình hình thế giới và trong nước, nhấn mạnh khát vọng dân chủ tự do của nhân dân ta, bảo đảm cho sự đồng thuận xã hội, động viên toàn dân đoàn kết bảo vệ chủ quyền, đồng thời tranh thủ được sự đồng tình của cộng đồng quốc tế giúp đỡ nước ta. Lý lẽ xác đáng, kèm theo một phong thái ung dung rộng lượng trong lời kêu gọi ôn hòa gửi cho chính những người đang hành hạ mình, càng tăng thêm tính thuyết phục đối với dư luận trong và ngoài nước.

Qua bản kêu gọi này, anh đã thể hiện rõ bản chất người trí thức. Tất nhiên, với bằng tiến sĩ, với cương vị giáo sư trợ lý viện trưởng viện đại học, về mặt danh nghĩa không ai có thể nói anh không đủ tiêu chuẩn là người trí thức. Nhưng điều then chốt là trí thức phải nắm được phương hướng tiến bộ của nhân loại và dân tộc mình, dám và biết vận dụng trí thông minh và kiến thức tác động lên tự nhiên và xã hội theo chiều hướng đó. Người giả danh trí thức, đó là bác sĩ Goebels, mang tài năng ra phục vụ cho sự dối trá của chế độ quốc xã. Người giả danh trí thức, đó là viện sĩ Lyssenko, thổi phồng những kết quả nghiên cứu của ê-kíp mình để phủ nhận thuyết di truyền học, buộc tội những nhà khoa học chân chính về di truyền học để nịnh hót Staline, kết quả là đã kéo ngành khoa học đó của Liên Xô (cũ) giạt lùi hàng chục năm, mà vẫn hành diện là tiến bộ, nhân bản, phù hợp với thuyết Mác-Lê!

Không phải chỉ có "lời kêu gọi", anh còn thể hiện tư thế của người trí thức chân chính và khôn ngoan qua những lời đối đáp đanh thép trong phiên tòa, đã khiến quan tòa nhiều khi nổi nóng và lúng túng, qua quyết định chống án không phải để giảm nhẹ vài năm tù, mà để tiếp tục khuấy động dư luận đấu tranh cho dân chủ, và nhất là qua lập trường cơ bản của nhóm Diễn Đàn Tự Do trình bày trong những bản đánh máy truyền tay. Chính lập trường đúng đắn này đã thu hút được đông đảo nhân dân tán thành. Dân chủ là khát vọng của quần chúng, lại là chỗ yếu của chính quyền hiện nay, nên anh nhấn mạnh dân chủ chính là "điểm huyết" chính quyền, khiến cho bản cáo trạng của tòa đã kết tội anh và các chí hữu: "Muốn phát triển tổ chức, bọn chúng đã lấy dân chủ làm mục tiêu chủ yếu trong những lý lẽ tuyên truyền và hành động", "lấy dân chủ làm nền tảng để liên kết các tầng lớp và tổ chức xã hội", "nhằm xây dựng một chế độ dân chủ đa nguyên". Chỉ riêng việc công bố nguyên văn bản cáo trạng này ở các nước Tây phương cũng đủ khiến cho nhiều chính khách tỉnh ngộ, biết rằng mình lầm tưởng rằng Việt Nam, khi thực hiện kinh tế thị trường, không còn gì là cộng sản nữa, quên mất rằng một vẻ quan trọng của chủ nghĩa này vẫn được giữ nguyên, đó là nền chuyên chính, gọi là chuyên chính vô sản, thực ra là chuyên chính của những nhà lãnh đạo đảng cộng sản. Nhân danh nền chuyên chính này, quan tòa có thể kết án 20 năm tù những ai "phạm tội" "tuyên truyền chống cộng, yêu cầu dân chủ đa nguyên". Nếu đúng theo lô-gíc buộc tội này thì tất cả các chính khách đó, thậm chí tất cả các công dân trong các nước dân chủ đều phải thụ án như vậy. Theo ý chúng tôi có lẽ điều yêu cầu thứ ba trong bản kêu gọi của anh, đòi hỏi tổ chức bầu cử tự do để bảo đảm nền dân chủ đa nguyên là một điểm then chốt chọc tức nhà cầm quyền.

Tiếc rằng "no mất ngon, giận mất khôn", nhà cầm quyền không thấy hết được ý niệm sâu sắc về dân chủ của anh. Dân chủ đến mức: "Vi là dân chủ, tôi chấp nhận mọi người" (phát biểu của anh trong phiên tòa). "Nếu quả thật đảng cộng sản được lòng dân, đảng sẽ thắng trong cuộc bầu cử tự do". Không hề có thành kiến phe này phải thắng, phái khác phải thua, tinh thần dân chủ khẳng định rằng chỉ có Người Dân là toàn thắng. Hòa hợp, hòa giải, hòa bình là đường lối đấu tranh đưa Việt Nam tiến tới dân chủ tự do. Sau mấy chục năm chiến tranh, đặc biệt là 20 năm chiến tranh tương tàn để bảo vệ ý thức hệ, với lòng nhân ái bao la của đạo Phật, anh thực tâm không muốn máu lại chảy, dù để đánh đổ ý thức hệ đã lỗi thời kia. Anh tin tưởng ở lực lượng toàn dân sau khi đã đoàn kết nhờ tinh thần hòa hợp, hòa giải sẽ đủ mạnh để cải tạo hòa bình xã hội Việt Nam mang lại thắng lợi cho dân chủ tự do.

Anh Hoạt thân mến! Các bạn của anh trong và ngoài nước ngày càng đông, được thu hút bởi tinh thần dân chủ đa nguyên, hòa hợp hòa giải của anh. Đặc biệt giới trí thức trong nước, Nam

có, Bắc có, trong đảng cộng sản cũng như ngoài đảng, rất có cảm tình với anh. Bằng tấm gương hy sinh quên mình, vì tự do dân chủ, vì tương lai đất nước, các anh đã khiến cho giới trí thức Việt Nam khâm phục. Phải nói rằng tuyệt đại đa số nhân dân ta thuộc mọi tầng lớp, từ người công nhân, nông dân đến các cán bộ, trừ một số người trong hàng ngũ lãnh đạo quen nắm quyền thống trị hà hiếp dân đen, qua mấy chục năm sống trong chế độ "xã hội chủ nghĩa" đã ngày càng chán ghét chế độ đó. Riêng giới trí thức, có điều kiện nắm được nhiều thông tin, càng động lòng suy nghĩ. Mỗi biến cố xảy ra trên thế giới và trong nước lại làm xói mòn niềm tin mà người trí thức thuở ban đầu tìm đến với cách mạng đã ấp ủ trong lòng. Một số trí thức miền Nam trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã hăng hái đấu tranh chống những biểu hiện thiếu dân chủ và thậm thụt của nhà cầm quyền lúc đó, thậm chí tự nguyện đứng dưới là cờ của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng miền Nam Việt Nam hoặc Liên Minh của luật sư Trịnh Đình Thảo, tưởng làm rằng đi theo con đường trung lập của Lục Lượng thứ ba sẽ là giải pháp hòa bình cho cuộc chiến kéo dài. Niềm tin đó đã tan biến nhanh chóng khi Mặt Trận và Liên Minh hiện nguyên hình là những chiêu bài do cộng sản dựng lên để tranh thủ sự ủng hộ của những người ngây thơ trong nước và trên thế giới. Ngày nay những nhà trí thức này đã bị bỏ rơi, thậm chí bị đàn áp, cùng đứng lên phối hợp với anh đấu tranh cho tự do dân chủ thật sự.

Nhiều trí thức miền Bắc cũng ở trong một hoàn cảnh tương tự. Đến với hàng ngũ những người kháng chiến trong giai đoạn 1945-1954 hoặc sau đó, trong giai đoạn "hoàn thành độc lập, thống nhất, xây dựng chủ nghĩa xã hội" bị che mắt bởi những khẩu hiệu ngụy trang cực kỳ khéo léo, những anh em đó hăm hở xông vào phục vụ cho mục tiêu "giành độc lập, thống nhất cho đất nước, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh", có người còn nhầm những mục tiêu xa hơn nữa mà họ định ninh là ngời sáng: "Xây dựng một thiên đường cộng sản chủ nghĩa trong đó mọi người dân đều sung sướng và nâng cao trình độ học vấn, xóa sạch mọi áp bức bất công". Nhưng rồi các biến cố liên tiếp xảy ra, nhay cảm với những thông tin thu nhận được, từng bước họ xem xét lại những nhận thức cũ, đối chiếu giáo điều với thực tại. Vụ lên án tệ sùng bái cá nhân Staline năm 1956, các cuộc nổi dậy và đàn áp tại Đông Âu, thất bại của nhảy vọt và cách mạng văn hóa ở Trung Quốc, cải cách ruộng đất, phong trào Nhân văn Giai phẩm và các đợt đàn áp trong môi trường đại học, mỗi sự kiện lớn nhỏ xảy ra trên thế giới, hay trong nước, hay chính trong cơ quan của người trí thức đều khiến họ phải đặt ra nhiều câu hỏi hóc búa như:

- Tại sao để tiến tới "thiên đường cộng sản", nhiều thế hệ phải trải qua một chế độ đàn áp khốc liệt, chà đạp lên tự do, dân chủ, nhân quyền dưới chiêu bài "đảm bảo thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa".

- "Trên thực tế hệ đã là nước xã hội chủ nghĩa thì nền kinh tế nghèo nàn hoặc ít ra cũng kém phát triển hơn hẳn so với một nước dân chủ có hoàn cảnh tương tự". Một giáo sư, vụ trưởng Vụ Đối Ngoại của một bộ có điều kiện đi thăm nhiều nước cả hai phe trên thế giới, đã tâm sự với tôi như vậy. Chúng tôi đều thắc mắc rằng: vậy "thiên đường cộng sản làm sao có thể nảy sinh được từ những nước xã hội chủ nghĩa có năng suất kém như vậy? Phải chăng đó là một ảo tưởng?".

Chính trong quá trình đi tìm chân lý một cách khoa học dựa trên những chứng cứ khách quan trong thực tiễn mà nhiều trí thức

Việt Nam đã tự giải đáp được những câu hỏi lớn dẫn dắt trong đầu, đi đến kết luận nhất trí với anh rằng: ý thức hệ cộng sản như đảng cộng sản Việt Nam quan niệm cho tới nay, về mặt chính trị vẫn theo kiểu Staline dẫn đến bóp nghẹt tự do dân chủ. Chừng nào nhà cầm quyền chưa từ bỏ ý định ngoan cố bám giữ lấy quyền bính và ý thức hệ đó, thì nhân dân ta còn đau khổ. Cho nên anh đã thẳng thắn phát biểu trong "lời kêu gọi": "Cuộc đối đầu tư bản - cộng sản đã kết thúc", "cần thay thế các quan niệm lỗi thời về đấu tranh ý thức hệ và chế độ độc đảng". Anh phản đối thái độ "nhân danh ý thức hệ nhà cầm quyền đã ngoan cố dành quyền ưu tiên cho việc giữ độc quyền chính trị, đặt tương lai của đảng cộng sản lên trên tương lai của đất nước và lợi ích của nhân dân".

Thái độ ôn hòa trên lập trường cương quyết như vậy đã chinh phục những người trí thức và các tầng lớp khác, trong nước cũng như ngoài nước. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã đóng góp nhiều cho cuộc đấu tranh của anh. Chắc anh rõ, đồng đảo đồng bào ở Pháp hè năm 1992 đã ký tên vào bản kiến nghị gửi lên tổng thống Mitterrand, và tên anh đã đứng đầu danh sách tù nhân chính trị mà đoàn đại biểu chính phủ Pháp sang thăm Việt Nam trao cho phía Việt Nam yêu cầu thả. Việc phổ biến rộng rãi ra quốc tế các tin tức từ trong nhà tù của anh, các chi tiết về phiên tòa xử anh, về vụ anh chống án và những đấu tranh kiến nghị gần đây nhất đã khiến chính quyền lúng túng phải hoãn phiên tòa phúc thẩm. Tiếng nói quốc tế trong cuộc hội thảo tại Paris ngày 4 tháng 6 năm 1993 kỷ niệm biến cố Thiên An Môn đã nêu tên anh song song với tên bà Aung San Suu Kyi, lãnh tụ đối lập Miến đang bị giam cầm và đã được trao giải thưởng Nobel về Hòa Bình. Anh và các chí hữu cứ yên tâm: đồng bào hải ngoại, tranh thủ các điều kiện thuận lợi ở ngoài vòng khống chế của nhà cầm quyền Hà Nội để đẩy lên một cao trào ủng hộ anh, cũng như các chiến sĩ trong nước đang kiên cường đấu tranh cho dân chủ tự do. Tấm gương bất khuất của anh, của bác sĩ Nguyễn Đan Quế, luật sư Đoàn Thanh Liêm, các thượng tọa Trí Siêu, Tuệ Sĩ... và biết bao chiến sĩ vô danh đã bị xử án bất công, tinh thần hy sinh không mệt mỏi của các hòa thượng Huyền Quang, Quảng Độ... bị quản thúc lâu dài, lòng dũng cảm của những đại đức và Phật tử bị bắt gần đây, và của những người vừa được trả tự do đã lao ngay vào cuộc đấu tranh như giáo sư Nguyễn Ngọc Lan, linh mục Chân Tín, những nhà văn, nhà báo mà không biện pháp cấm đoán đàn áp nào ngăn cản được ngòi bút trung thực như Dương Thu Hương, Nguyễn Ngọc, báo Cửa Việt... chứng tỏ rằng đội ngũ các chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ ngày càng lớn mạnh.

Riêng tôi, một người làm khoa học tự nhiên bản chất yêu tự do, yêu đất nước không có tham vọng trong chính trường vì tự xét còn thiếu kinh nghiệm và năng lực làm chính trị chuyên nghiệp, nhưng sẵn sàng noi gương các chiến sĩ đã nêu trên, góp tiếng nói của mình trong cuộc đấu tranh giành dân chủ, tự do và nhân quyền.

Anh Hoạt thân mến! Xin phép anh trước khi kết thúc bức thư tâm tình này, một lần nữa bày tỏ nỗi cảm phục đối với tấm gương trí-dùng-nhân của anh, một trí thức Việt Nam chân chính.

Người bạn,
Nguyễn Bá Hào

Bài viết từ trong nước

Suy nghĩ chung quanh vụ "phá rối trật tự trị an" ở Huế ngày 24-5-1993

Nguyễn Bảo Mai

LTS. Nguyễn Bảo Mai là một trí thức hiện sống trong nước. Ông viết bài này sau khi chính quyền Hà Nội trong mười ngày đầu tháng 6-1993 đã mở một chiến dịch quy mô nhằm bôi nhọ cuộc đấu tranh của Phật giáo tại Huế. Các báo và đài nhà nước đã liên tục lên án cuộc biểu tình mà họ gọi là "phá rối trật tự trị an". Đặc biệt có một chương trình truyền hình đã dàn cảnh một "vị sư" lên tự nhận đã giả mạo chữ viết của Hòa thượng Đôn Hậu để viết di chúc giả. Có lẽ thấy điều bịa đặt quá lộ bịch nên sau buổi phát hình này, không thấy báo chí nhà nước đã động gì đến "di chúc giả" kia nữa.

Trong mấy ngày đầu tháng 6-1993, đài truyền hình Việt Nam đã phát một số chương trình liên quan đến Phật giáo làm người ta ngạc nhiên:

- Lần đầu tiên, đài truyền hình Việt Nam đưa lên hình ảnh một vụ biểu tình chống chế độ vào ngày 24-5-1993 ở Huế: sáu vị sư ngồi chắn ngang giữa đường phố, một vị sư đứng trên mũ xe hô hào quần chúng, một số người lật và đốt một chiếc xe của chính quyền. Với sự tụ họp của đông đảo quần chúng, sự việc đã gây ách tắc giao thông khoảng bốn giờ đồng hồ ngay trên đại lộ trước trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên, Huế.

Trước đây cũng có một số hành động công khai chống chế độ khá nghiêm trọng nhưng chưa bao giờ được đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng, như vụ nông dân nam bộ biểu tình ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây, vụ nông dân Thanh Hóa và một vài nơi khác ở các tỉnh phía bắc bắt giữ người của chính quyền, kể cả công an, viện kiểm sát...

- Đài truyền hình Huế tổ chức cuộc tọa đàm giữa một số anh em "phong trào" cũ về vụ gọi là "phá rối trật tự trị an" ngày 24-5 do một số vị sư chủ trương mà đài truyền hình đã giới thiệu trong chương trình trước đó. Lần đầu tiên những anh em "phong trào" đã được thừa nhận, được nhân danh là "phong trào" khi xuất hiện trên đài truyền hình. ("Phong trào" là cách gọi tắt những người, đặc biệt là sinh viên học sinh, đã tham gia phong trào chống Mỹ và chính quyền trước đây ở các đô thị miền Nam). Cũng là lần đầu tiên, anh em "phong trào" đã lên tiếng phê phán vụ biểu tình của một nhóm Phật giáo mà luận điệu được đưa ra không khác gì luận điệu của nhà nước.

- Lần đầu tiên, đài truyền hình Việt Nam dành nhiều chương trình để giới thiệu lịch sử, hoạt động của Phật giáo với mục đích ca ngợi, vuốt ve Phật giáo, chứng tỏ chính sách tự do tôn giáo của nhà nước và đặc biệt để tố cáo, vạch mặt điều gọi là thủ đoạn của nhóm Huyền Quang trong việc làm giả di chúc, ẩn tẩn để chia rẽ giáo hội, kích động chống chế độ.

Tất cả những điều trên đều là thông tin độc quyền, một chiều từ phía nhà nước, có thể có những tác dụng thuận trong quần chúng nhưng không phải mọi người đều tin và được thuyết phục. Câu nói chống Cộng ngày trước "Đừng nghe những gì Cộng sản nói, hãy nhìn những gì Cộng sản làm" vẫn còn giá trị nhất định trong tâm lý quần chúng sau khi người ta đã sống 18 năm dưới chế độ cộng sản.

Điều rõ ràng là đảng và nhà nước đã bắt buộc phải công khai hóa vụ việc trên trong khi trước đây người ta luôn luôn ra sức bưng

bít, giấu giếm. Điều nữa là đảng và nhà nước đã thành công ở một mức độ nào đó trong việc gây chia rẽ hay phân hóa giữa các phe phái trong giáo hội Phật giáo và giữa các khuynh hướng trong anh em "phong trào", đồng thời đe dọa được những mầm mống chống đối chế độ có thể nhen nhóm xảy ra ở nơi này nơi khác.

Cuộc tọa đàm của một số anh em "phong trào" nói trên cho thấy sức mạnh của nhà nước trong việc huy động được một số anh em "phong trào" vốn nổi tiếng là "cứng đầu", đầy tinh thần phản kháng, tuy rằng số người dự khá ít ỏi, chỉ có sáu người (Lê Văn Thuyền, Hoàng Thị Thọ, Phan Hữu Lượng, Võ Quê, và hai người nữa không kịp nhớ tên khi nghe giới thiệu).

Tuy gọi là tọa đàm nhưng người nghe thấy rõ nội dung phát biểu đã được trao đổi, thống nhất trước, nên khi nói, mỗi người chỉ góp phần làm rõ thêm những ý chung đã được thống nhất. Tạm để sang một bên khía cạnh đó - tự nó làm giảm bớt rất nhiều giá trị và ý nghĩa cuộc tọa đàm, thường phải có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí mâu thuẫn, có khi đưa đến tranh luận gay gắt - những nội dung được phát biểu chưa hẳn đã có sức thuyết phục. Ta có thể xem lại một số ý chính được nhắc lại nhiều lần và được nhấn mạnh trong cuộc tọa đàm:

- Lên án vụ "phá rối trật tự trị an" là không có mục đích rõ ràng, không có chính nghĩa: Tại sao không có mục đích rõ ràng? Ai cũng thấy rõ mục đích của các vị sư và quần chúng tham gia vụ đó là công khai chống nhà cầm quyền, đòi tự do dân chủ, tự do tôn giáo. Còn mục đích đó có chính đáng hay không lại còn tùy quan điểm chính trị của mỗi người. Người ủng hộ chế độ cho là không có chính đáng, người không ủng hộ chế độ cho là chính đáng. Vậy vấn đề chính đáng hay không phải được nhận thức trên cơ sở đánh giá bản chất của chế độ hiện nay và vấn đề chính sách tôn giáo của đảng và nhà nước. Không thể nói đơn giản chính đáng hay không.

- Phê phán cách xuống đường trong vụ 24-5 là "thiếu văn hóa, khiếm nhã": Đây là một phương thức đấu tranh. Trong lịch sử của đảng cộng sản Việt Nam và trong những cuộc vận động, đấu tranh chính trị của Phật giáo và sinh viên học sinh miền Nam trước đây, không biết bao nhiêu phương thức đã được áp dụng. Đối với những người cộng sản, trong cái cách ruộng đất, người ta kêu gọi đấu tố, con tố cha, vợ tố chồng, đây tố tố chủ nhà..., trong vụ Nhân văn - Giai phẩm là phê bình, kiểm điểm, tố cáo lẫn nhau, chụp mũ, truy bức, dùng nhà tù lao động cải tạo, bao vây kinh tế. Trong các vụ văn nghệ, báo chí đòi dân chủ gần đây cũng là chụp mũ, kỷ luật nội bộ, dùng độc quyền các phương tiện thông

Bài viết từ trong nước

tin đại chúng, tòa án, nhà tù để bôi nhọ, trấn áp những người có quan điểm tự do, khác chính kiến...

Ở miền Nam trước 1975, Phật giáo và sinh viên học sinh đã biểu tình, đình công, bãi thị, bãi khóa, đốt xe Mỹ, đập phá trung tâm văn hóa Mỹ, đốt đài phát thanh, tự thiêu, đưa cả bàn thờ xuống đường...

Trong những phương thức đấu tranh đó, so những phương thức đã được áp dụng trong vụ 24-5, phương thức nào là "thiếu văn hóa, khiếm nhã" và còn tệ hơn nữa là tàn bạo, vô đạo đức, phi nhân?

- Vụ 24-5 làm cản trở lưu thông, ảnh hưởng đến việc đi lại, làm ăn, sinh hoạt của nhân dân: Điều này trước đây chính quyền miền Nam cũng đã phê phán các vụ xuống đường trong các phong trào tranh đấu như thế, nhưng nào có ai chấp nhận luận điệu đó. Nếu mục tiêu đấu tranh là chính đáng, người ta sẵn sàng hy sinh tất cả. Trong kháng chiến, chính những người cộng sản đã kêu gọi, thực hiện tiêu thổ kháng chiến và hô hào dù có phải "đốt cháy tất cả dãy Trường Sơn để cứu nước" cũng vẫn cứ làm, sa gì chuyện ách tắc giao thông mấy tiếng đồng hồ.

- Cách đấu tranh trái với tinh thần bất bạo động của Phật giáo: Đấu tranh bất bạo động là sử dụng một phương thức đấu tranh chứ không phải thủ tiêu đấu tranh. Người ta tự hỏi trước những áp bức, bất công nói chung và sự óp tôn giáo - trong đó có Phật giáo - bao nhiêu năm qua, những anh em "phong trào" lên TV và những người Phật giáo lên án vụ đấu tranh 24-5 vừa qua đã có đấu tranh, lên tiếng bằng hình thức nào không, kể cả hình thức bất bạo động?

- Cho thái độ xử lý của nhà nước trong vụ 24-5 là quá "hiền lành", yêu cầu phải làm mạnh hơn theo hiến pháp và pháp luật: Lời khuyên này quả là thừa và đại dột. Phương thức và mức độ trấn áp của đảng và nhà nước cộng sản đối với những vụ gọi là phản động, chống phá cách mạng, phá rối trật tự trị an trong suốt lịch sử của mình đã làm cho cả một dân tộc phải kinh hoàng, đảng và nhà nước đâu cần ai dạy khôn trong chuyện này! Những anh em "phong trào" có ý kiến đó quả là "đỏ hơn cộng sản". Và phải chăng điều này được nói ra để chuẩn bị cho những hành động trấn áp thô bạo vì đó là "thể theo nguyện vọng của nhân dân"? Anh em "phong trào", những người nổi tiếng chống đàn áp bây giờ lại đi làm "cò mồi" cho việc đàn áp những người đấu tranh. Điều này thật đau lòng (thực tế là ngay sau lễ Phật đản, khi hội đủ các yếu tố, chính quyền đã áp dụng biện pháp mạnh, bắt giữ ba nhà sư, khởi tố vụ án, theo đài Truyền hình Việt Nam công bố ngày 6-6-1993).

Trên đây chỉ là vài suy nghĩ của một số người cùng là anh em "phong trào" cũ, hoàn toàn khác với anh em "phong trào" đã "lên TV". Vậy thì những người đã "lên TV" chỉ có thể nhân danh chính họ thôi, chứ không thể nhân danh phong trào hay đa số quần chúng như khi họ "tọa đàm" theo chỉ thị được.

Những anh em "phong trào" "lên TV" này cũng đã lên tiếng ca ngợi chính sách gọi là tự do tôn giáo của đảng và nhà nước, rất phù hợp với luận điệu tuyên truyền trong những ngày sau đó. Điều này cho thấy trí nhớ và sự hiểu biết của những anh em "lên TV" về lãnh vực này thật là kém cỏi hay họ đã - vì lý do nào đó - chấp nhận tất cả, chỉ cần nói theo đảng và nhà nước. Phải thừa nhận rằng gần đây các hoạt động tôn giáo có được thoải mái đôi chút, nhưng thực sự tự do thì còn xa lắm. Từ sau năm 75 đến nay, ai không thấy chính sách kềm hãm, triệt tiêu tôn giáo của nhà

nước cộng sản: Bao nhiêu linh mục, mục sư, sư sãi đã phải đi cải tạo, vào tù? Bao nhiêu cơ sở của tôn giáo, kể cả nhà thờ, chùa, trường học, ký nhi viện đã bị tịch thu, cấm hoạt động? Bao nhiêu kinh sách, báo chí tôn giáo được xuất bản lưu hành? Bao nhiêu tu sĩ được đào tạo, thừa nhận? Bao nhiêu khó khăn mà các tôn giáo đã gặp trong việc sửa chữa nhà thờ, chùa chiền, trong việc đi lại hành lễ của các nhà tu hành? Và ai đã gây ra sự phân hóa, chia rẽ trong các giáo hội vì sự hình thành của các tổ chức và các nhà tu hành được mệnh danh là "quốc doanh"?...

Cái gọi là tự do tôn giáo ngày nay chỉ là một chuyện chẳng đáng dừng, và kết quả đó chính là do sức đề kháng, sự đấu tranh của các tôn giáo với đảng và nhà nước, chứ không phải là ơn huệ của đảng và nhà nước. Một chế độ trong lý thuyết tự nhận là duy vật, coi tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân, là công cụ xâm lược của đế quốc làm sao có thể thực tâm thi hành chính sách tự do tôn giáo được? Tự do tôn giáo mở ra được phần nào chính là bước lùi trong sách lược của đảng và nhà nước trước tình hình mới. Tự do tôn giáo chỉ được thực hiện đầy đủ khi chế độ này sụp đổ hay thay đổi hẳn về bản chất. Không nên mơ hồ gì về điều này.

Nhà nước đã cho rằng nguyên nhân vụ 24-5 là do sự lật lọng của các vị sư chùa Linh Mục. Người tự sát không phải là Phật tử và các vị sư chùa Linh Mục không biết người này là ai. Đại đức Trí Tụ đã thừa nhận như thế, báo cáo với chính quyền sở tại, đồng ý để chính quyền đem xác đi, nhưng sau đó lại nói khác, xác nhận người chết là Phật tử tự thiêu, tố cáo chính quyền cướp xác...

Những điều đó là thông tin một chiều do nhà nước công bố trên đài truyền hình, những người ở xa không có điều kiện kiểm chứng. Vấn đề cần cảnh giác là sự nguy tạo bằng cớ của các cơ quan đàn áp. Có quyền lực và đầy đủ phương tiện trong tay, người ta có thể làm mọi chuyện để đánh lừa dư luận và không phải lần đầu tiên người ta đã làm như thế.

Trở lại chuyện một số anh em "phong trào" lên đài truyền hình, sự việc này đã gây ra nhiều phản ứng trong giới anh em "phong trào" cũ, những người tham gia "phong trào" trước đây, và hiện nay có thể là cộng sản hay không cộng sản. Hầu hết họ là những người có lý tưởng dân tộc rất rõ ràng, có tinh thần phản kháng và ý thức dân chủ cao, được tôi luyện trong đấu tranh. Sau 75, đáng lý lực lượng "phong trào" phải là một thế lực mạnh trong bộ máy đảng và nhà nước, nhưng vì e ngại, đảng và nhà nước đã có một số chính sách ngầm để phân hóa lực lượng này. Thành phần nào tỏ ra tuyệt đối trung thành, tin cậy được, dễ bảo, sẽ được đưa vào một số chức vụ chủ chốt (nhưng không cao lắm) và phần lớn vào các chức vụ có tính cách thừa hành hay tham mưu, không có thực quyền. Những người có tinh thần tự do và tư tưởng cấp tiến, có ý thức đấu tranh, dù có thành tích hay năng lực cũng sẽ bị gạt ra ngoài. Chính sách này, tuy không có văn bản, nhưng được thi hành hầu như đồng loạt ở khắp các tỉnh miền Nam.

Trên mọi lãnh vực, từ chính trị đến lịch sử, xã hội, văn học nghệ thuật, người ta rất ngại nhắc đến vai trò của lực lượng "phong trào" và cố tình lờ đi. Những lúc cần phải nói tới, như vào dịp kỷ niệm "Ngày sinh viên học sinh 9-1", bao giờ người ta cũng nhấn mạnh đến sự lãnh đạo của đảng trong các phong trào đấu tranh và chỉ đạo chặt chẽ mục đích và yêu cầu của việc kỷ niệm nhằm phục vụ chế độ.

Sự việc một số anh em "phong trào" lên đài truyền hình nhân vụ 24-5 để làm cái loa cho nhà nước thật là một điều đáng tiếc,

Lối thoát

LTS: Lê Trí Viễn là tổng thư ký Câu Lạc Bộ Dân Chủ hoạt động ở trong nước.

Ngay sau khi dùng tòa án khủng bố nhóm Diễn Đàn Tự Do một cách thô bạo, dẫm đạp lên nhân quyền, công lý và hiến pháp của chính họ, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã tổ chức một cuộc hội thảo về đề tài "xây dựng nhà nước pháp quyền tại Việt Nam". Dưới mắt những người có ít nhiều khái niệm về luật pháp, sự trơ trẽn thật đã vượt ngoài mọi giới hạn. Nó tố cáo một sự kiện cần được lưu ý: đầu óc những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam vẫn còn là đầu óc quân chủ nho giáo, trong đó pháp luật chỉ có nghĩa là trừng trị, chẳng hạn như pháp trường là nơi hành quyết tử tội.

Trong cuộc hội thảo này, nhà tư tưởng cò mồi Trần Bạch Đằng đã phát biểu một cách vừa nịnh bợ lại vừa có vẻ khẳng khái rằng: "Chúng ta thường nói chính quyền ta là của dân, do dân, vì dân. Đó là nói về bản chất và mục đích, còn sự thể hiện bản chất đó ra sao và làm thế nào để đạt mục đích ấy", "phải xây dựng một xã hội công dân đi liền với mỗi pháp quyền và người đóng thuế chính là chủ nhân ông của xã hội". Ông Trần Bạch Đằng chẳng lẽ lại không biết nhận định về cái bản chất của đảng "bất chấp dân, hoàn toàn vì đảng" của nhà nước cộng sản. Ông Trần Bạch Đằng đầu sao cũng là một trí thức. Có một cái gì thật là thiếu náo khi một người trí thức vì khiếp sợ phải nói dối lương tâm và trí tuệ của mình. Nếu không thể và không dám nói đúng sự thực thì vẫn còn một điều có thể làm được, dù chẳng dùng cảm gì, là giữ im lặng. Những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam không phải là trí thức và rất coi thường trí thức. Họ thiếu can đảm, nhưng chính những người trí thức cũng nên nhìn lại tư cách của mình và tự xét mình.

Hình như cảm thấy nói như vậy cũng vẫn có thể nguy hiểm, ông Trần Bạch Đằng vội và quả quyết rằng nhà nước pháp quyền nào thì cũng phải do đảng lãnh đạo! Năm 1989, luật sư Nguyễn Hữu Thọ phải viết trên báo rằng: "Việt Nam đang trải qua cảnh vua Lê chúa Trịnh, vua Lê là nhà nước, chúa Trịnh là đảng mà như mọi người đều biết trong lịch sử Việt Nam thì vua Lê chỉ là bù nhìn còn thực quyền thuộc về chúa Trịnh".

Tóm lại nhà nước chỉ là công cụ của đảng. Đảng lãnh đạo, đảng nắm hết, đảng ngồi trên cả hiến pháp và luật pháp.

Hiến pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam mới được làm lại tuy duy trì chính sách độc đảng nhưng cũng nhìn nhận cho người công dân khá nhiều quyền, kể cả quyền tự do ngôn luận, hội họp và cả biểu tình. Nhưng nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam lại ngồi xổm lên hiến pháp không cho tư nhân xuất bản báo, bỏ tù những ai phát biểu ngược với đường lối của đảng. Còn biểu tình thì không thành vấn đề, những người bị buộc tội chủ mưu tổ chức biểu tình có thể bị tử hình!

Có lẽ vì đảng "chương" quá nên luật sư Nguyễn Hữu Thọ phải viết trên tờ báo Truyền Thống Kháng Chiến, nói rằng đảng dùng Quốc Hội và Mặt Trận làm đồ trang trí cho đảng, đảng cần trả cho dân quyền dân. Kết quả sự phát biểu này là luật sư Nguyễn Hữu Thọ mất chức phó chủ tịch Hội Đồng Nhà Nước, mặc dầu trước đó ông Thọ đã có một quá trình làm bù nhìn chuyên nghiệp qua các chức vụ chủ tịch Mặt Trận Giải Phóng, chủ tịch Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, rồi chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc. Đảng cộng sản không dung túng những phát biểu ngang ngược, dù đó

đã phần nào làm hoen ố hình ảnh của phong trào. Mặt khác nó cũng có tác dụng ngược, kích thích những người "phong trào" còn lại phải suy nghĩ và hành động. Khi các lý tưởng tự do dân chủ của phong trào bị phản bội, với tinh thần và bản lĩnh đấu tranh trong quá khứ, những người "phong trào" phải tự hỏi mình cần làm gì để khỏi hổ thẹn với chính mình và thế hệ đàn em.

Đối với Phật giáo, vụ 24-5-1993 có thể mở ra một bước ngoặt mới cho tình hình.

Phật giáo vẫn tự hào và lịch sử dân tộc Việt Nam đã chứng minh Phật giáo là một lực lượng luôn gắn liền với vận mệnh dân tộc. Về mặt tổ chức, Phật giáo không có một hệ thống chặt chẽ nhưng với số lượng tín đồ đông đảo, sự đoàn kết gắn bó tự nhiên, tinh thần vô úy trong những lúc nguy nan, Phật giáo có thể góp phần làm xoay chuyển tình thế để bảo vệ đạo pháp và dân tộc. Hiện nay, trên danh nghĩa, nhà nước tạo điều kiện để thống nhất Phật giáo nhưng đó là sự thống nhất để phục tùng, trở thành công cụ, loại bỏ những thành phần có thể chống đối nhà nước. Trong sự thống nhất kiểu đó đã bao hàm mầm chia rẽ và phân hóa. Đó chính là một nguy cơ cho Phật giáo. Luận điệu tôn giáo phải biết ơn nhà nước mà trước đây nhà nước đã trích dẫn Kinh thánh để thuyết phục Công giáo, hiện nay được một số chức sắc Phật giáo rao giảng rộng rãi theo chỉ đạo của nhà nước. Hệ thống Phật giáo Việt Nam thống nhất khá chặt chẽ, nắm quyền lực "chính thống", chịu sự chi phối chỉ đạo của nhà nước, có ảnh hưởng nhất định trong tín đồ, chính là trở ngại có tính cách nội bộ còn lớn hơn sự trấn áp của nhà nước.

Nếu trong vụ 24-5-1993, nhà nước áp dụng biện pháp trừng phạt mà Phật giáo không phản ứng gì - Phật giáo ở đây bao gồm cả GHPGVN, Viện Hóa Đạo đứng đầu là Thượng tọa Huyền Quang và quần chúng tín đồ - chắc chắn nhà nước sẽ lấn tới. Vụ 24-5 đã được nhà nước tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, huy động mọi khả năng để hướng dẫn dư luận, chứng tỏ nhà nước đặt vấn đề rất nghiêm trọng, vừa làm vừa thăm dò tính toán. Đây là một điểm nóng của cuộc xung đột, nếu Phật giáo không đối phó được Phật giáo sẽ mất đi một cơ hội hiếm có và còn lâu mới có thể tạo được cơ hội mới. Trong tình hình hiện nay, Phật giáo là một nhân tố quan trọng của dân tộc có thể xoay chuyển tình thế, nếu Phật giáo bất lực, điều đó cũng có nghĩa là dân tộc còn chịu nhiều đau khổ.

Những vấn đề đang được đặt ra với lực lượng "phong trào" và Phật giáo cũng chính đang được đặt ra với mọi thế lực yêu nước và nhân bản trong và ngoài nước, bao gồm Công giáo và các tôn giáo khác, các tổ chức chính trị xã hội, các cá nhân có tâm huyết, kể cả những thành phần cấp tiến ngay trong bộ máy đảng và nhà nước.

Vấn đề có thể không nhất thiết là lật đổ nhà nước cộng sản nhưng vấn đề là buộc nhà nước cộng sản cũng như tất cả mọi nhà nước sẽ cai trị đất nước này phải thực sự tôn trọng dân chủ, nhân quyền, chứ không phải dè dặt côi cỏ nhân dân. Nhân dân không cho phép đảng phái, tập đoàn nào làm điều đó. Nhân dân phải sử dụng sức mạnh của mình để đấu tranh, đòi quyền sống chứ không khuất phục, xin xỏ trước bất cứ tập đoàn thống trị nào.

Nguyễn Bảo Mai

Bài viết từ trong nước

là những tiếng kêu đau của một "con giun xéo mãi cũng quăn".

Đảng cộng sản Việt Nam trước đây có lúc đã tập chơi trò chơi dân chủ, trò chơi đa nguyên, bằng cách để ra những đảng vệ tinh như đảng Dân Chủ, đảng Xã Hội nhưng nghĩ đi nghĩ lại, họ nghĩ ngay cả các đảng "gia nô" này có thể cũng phiền nhiễu, họ bèn ban cho mỗi đảng một huy chương rồi tuyên bố những đảng này hết vai trò, và họ đi tới chế độ độc đảng. Người cộng sản Việt Nam đã lựa chọn con đường cực quyền và bây giờ thì họ tiến tới việc xây dựng nhà nước pháp quyền... "Pháp quyền" hiểu như họ hiểu nghĩa là quyền của đảng để trừng trị thẳng tay những phần tử không chịu cúi đầu trước cực quyền.

Kẻ viết bài này còn nhớ trong một trại giam của cộng sản, trại số 4 Phan Đăng Lưu, một buổi sáng nọ, cán bộ của Viện Kiểm Sát cao giọng nói về nhà nước pháp quyền, nhà thơ Trương Hồng Thái đã nói với cán bộ Viện Kiểm Sát rằng các anh chẳng làm gì có nhà nước pháp quyền, các anh chỉ có nhà nước AK quyền (tức nhà nước lấy súng AK làm quyền lực).

Câu nói có tính cách cường điệu của nhà thơ Trương Hồng Thái đã phản ánh khá trung thực bộ mặt thật của nhà nước cộng sản Việt Nam. Nhà cầm quyền cộng sản tại Việt Nam là một nhà nước đàn áp và bạo lực, vì vậy họ có một bộ máy đàn áp đồ sộ, đồ sộ đến nỗi không có đủ tiền trả lương cho nhân viên đủ sống khiến cho đa số công nhân viên của bộ máy này phải sống bằng bổng lộc, nghĩa là phải hối mại quyền thế...

Bộ máy đàn áp càng khổng lồ bao nhiêu thì càng tham nhũng bấy nhiêu. Hệ thống tham nhũng kéo dọc từ trên xuống dưới, lớn hối mại quyền thế lớn, nhỏ hối mại quyền thế nhỏ, cả nước thì nhau hối mại quyền thế, đục khoét tài sản quốc gia.

Chính cái nhà nước trấn áp nhân dân này đã đẻ ra bao nhiêu là chuyện suy thoái của xã hội. Những xí nghiệp quốc doanh thì nhau phá sản vì giám đốc chỉ nhắm làm sao thu vén vợ vét cho đầy túi tham, nhân viên thấy giám đốc như vậy thì cũng kiêu cách ăn theo. Đồng tiền hối mại quyền thế có được, bộ phận tham nhũng một phần bỏ túi xây nhà mua xe cộ, một phần ăn chơi sa đọa.

Tất cả những thói hư tật xấu từ cờ bạc, mại dâm đến xì ke ma túy đều phát xuất từ bộ máy của chính quyền trấn áp nhân dân mà ra. Cái guồng máy nhà nước to lớn này cũng là nguyên nhân của phong trào buôn lậu rộng khắp và hùng hậu mà đảng cộng sản đang khoanh tay chịu trận. Khẩu hiệu của nhà nước cộng sản hiện nay là ổn định chính trị, nghĩa là độc tài, để phát triển kinh tế. Nhưng làm sao có phát triển kinh tế dưới một chế độ độc tài? Cho tới nay, nói như tiến sĩ Đoàn Viết Hoạt, cái chỉ tiêu mà nhà cầm quyền Việt Nam vạch ra tới năm 2000 thu nhập quốc dân tính theo đầu người là 400 Mỹ kim một năm thì Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới.

Trong lịch sử Việt Nam, Đinh Tiên Hoàng là nhà vua đầu tiên xây dựng chế độ vương quyền pháp trị, kết quả là ông đã bị ám sát chết vì trong triều có người không chịu nổi chế độ hà khắc của ông. Những kẻ cai trị quốc dân bằng đường lối cực quyền, lấy khủng bố làm nền tảng, không mở lối cho người khác thay thế mình bằng con đường ôn hòa thì sẽ bị bạo lực thanh toán. Vấn đề của đảng cộng sản Việt Nam là vấn đề trả cho dân quyền dân, để dân cử người quản lý và xây dựng một nhà nước thực sự dân chủ, một nhà nước pháp trị đúng nghĩa.

Vấn đề của chúng ta phải làm sao cho người dân Việt Nam quyền định đoạt số phận của mình, nghĩa là dân phải có quyền dân. Một nhà nước nói là của dân, do dân và vì dân mà đảng lại trên dân, thì của dân ở chỗ nào, do dân ở chỗ nào và vì dân ở chỗ nào? Một nhà nước mà người đóng thuế là chủ nhân ông của xã

hội không thể nào lại có tập đoàn đương nhiên được cầm quyền. Cái gọi là quyền lực chỉ là một sự ủy nhiệm, quyền lực tối cao thuộc về quốc dân, quốc dân bầu cử ra những cơ quan quyền lực như quốc hội, chính phủ và các định chế này cử ra các tòa án và các cơ quan hành chính khác. Quốc dân bầu ra đại diện của mình thì cũng phải có quyền bãi miễn đại diện của mình. Quyền thay người lãnh đạo là quyền tối thiểu của những dân tộc làm chủ đất nước mình. Mà muốn thay đổi thì phải có chọn lựa, nghĩa là phải có đối lập. Đó là yêu cầu tối thiểu của dân chủ bất cứ nơi nào và thời nào. Dân chủ là như thế, và dân chủ là dân chủ chứ không có dân chủ kiểu này kiểu nọ.

Đảng và nhà nước cộng sản cứ nhai đi nhai lại rằng phải có ổn định thì mới phát triển được, muốn ổn định thì phải độc tài, hãy lo cho cái bao tử trước đã... Người ta cứ lấy cớ dân chủ là xáo trộn, dân chủ là nham chạp ba mẹ không làm sao phát triển được. Người ta khư khư ôm lấy chính quyền, ai hớ hể trái ý là đàn áp, là bỏ tù. Nhưng lý thuyết nào và thực tế nào chứng minh rằng dân chủ đưa đến hỗn loạn và độc tài bảo đảm phát triển? Các nước Phương Tây có dân chủ và không hề hỗn loạn. Trung Quốc rất độc tài mà vẫn có cách mạng văn hóa, có Thiên An Môn. Độc tài Soekarno đã đưa tới thảm sát đẫm máu năm 1965 tại Nam Dương. Độc tài Marcos đưa đến hỗn loạn tại Philippines. Khi các chế độ độc tài không đem đến bạo loạn, chúng đem đến sự tể liệt hoàn toàn. Các lý thuyết gia của đảng lâu lâu lại viện dẫn trường hợp Đài Loan, Nam Triều Tiên. Ở các nước này, trong quá khứ, quả nhiên có những chế độ độc tài gần giống nhưng đâu có phải là những chế độ độc đảng. Họ vẫn có đảng đối lập. Đối lập có bị ăn gian nhưng không đến nỗi bị bỏ tù. Nhà tù càng đông bao nhiêu thì số phận những kẻ đàn áp nhân dân càng hiểm nghèo bấy nhiêu. Bởi vì con đường bạo lực sẽ bị đáp lại bằng bạo lực mà bạo lực thì chẳng giải quyết được vấn đề nào cả.

Chúng tôi sẵn sàng chấp nhận một cuộc tranh luận về những ưu khuyết điểm của dân chủ. Nhưng đảng cộng sản không muốn thảo luận, họ chỉ nói lấy được, nói để mà nói, nói với súng AK gầm gừ trong tay sẵn sàng nhả đạn.

Cái chủ nghĩa Mao-ít "quyền lực trên họng súng" này có kéo dài mãi được không?

Trước khi trở thành quá muộn, vì tương lai của chính họ, những người lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam phải sớm tỉnh ngộ trao trả cho dân Việt Nam quyền định đoạt số phận đất nước Việt Nam. Muốn như vậy thì đảng cộng sản Việt Nam không còn con đường nào khác hơn là sửa hiến pháp, công nhận đa nguyên, tổ chức bầu cử tự do.

Nếu đảng cộng sản Việt Nam cứ tiếp tục con đường đối đầu với nhân dân thì khi sự thịnh nộ của nhân dân đã tích lũy đủ, số phận của những người cộng sản sẽ rất bi đát. Chúng tôi tin rằng con đường trả cho dân quyền dân là lối thoát tốt đẹp nhất cho sự tồn tại của đảng cộng sản Việt Nam.

Lời cuối cùng xin được nói với những người cộng sản lương thiện, bởi vì chúng tôi tin rằng vẫn còn và còn nhiều người cộng sản lương thiện: Các anh em là những người có thể thay đổi được hướng đi của đất nước, các anh em nên nhìn rõ vị trí và trách nhiệm của mình. Thay vì làm đồng lõa cho một tập đoàn tham bạo, anh em có thể là những người mở lối thoát cho đất nước. Các anh em đừng nhìn những người đòi dân chủ đa nguyên như chúng tôi như những kẻ thù mà nên nhìn chúng tôi như những đồng chí. Kẻ thù của các anh em chính là những người vì tham vọng ích kỷ và mù quáng đang kéo đất nước tới chỗ suy kiệt và đang kéo các anh em tới trước vành móng ngựa của tòa án lịch sử.

Lê Trí Viễn

Từ những "nghịch lý" xã hội chủ nghĩa của Hà Sĩ Phu đến những nguy biến của các quan chức Đảng Cộng Sản Việt Nam

Vũ thiện Hân

Thường tôi không thích đọc các bài lý luận về xã hội chủ nghĩa như loại bài đăng trong Tạp chí Cộng sản, nhưng đúng là "ghét của nào trời trao của nấy", anh bạn chủ nhiệm, cách đây hơn một tháng, trao cho tôi một tập tài liệu dày từ bên nhà gửi sang, gồm một số bài đã kích tiểu luận của Hà Sĩ Phu. Anh nói tôi phải giới thiệu các bài này với độc giả vì nhiều lý do... Thế là trong một tháng trời, tôi lại ráng đọc cho hết, cho thật kỹ gần bảy chục trang để làm cho tròn công việc này.

Khó khăn lớn đối với tôi là phải giới hạn trong khuôn khổ một bài báo ngắn của Thông Luận. Nếu viết dài thì không những phiền cho ban biên tập vì thiếu chỗ đăng, hơn nữa có thể là sẽ không có người đọc vì tình hình trên lãnh vực tư tưởng đã rõ ràng, hiển nhiên sau khi khối Liên Xô tan rã. Bàn về những cái sai trái hay lối bịch của các bài viết đề cao chủ nghĩa Mác-Lênin của các cán bộ làm công tác tư tưởng cho Đảng, thì thật dễ dàng, nhưng thiết nghĩ không có ích lợi gì. Do đó tôi xin sẽ không bàn luận đến các vấn đề như là đấu tranh giai cấp, chuyên chính vô sản, nguyên tắc tập trung dân chủ, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, quy luật của chủ nghĩa Mác-Lênin mặc dầu đó là nội dung, là căn bản lý luận của các bài viết đã kích Hà Sĩ Phu. Tính chất kinh điển, giáo điều và lỗi thời của các lập luận về những đề tài trên, tôi nghĩ người Việt nam chúng ta đã biết rõ vì đã phải nghe đi nghe lại quá lâu và quá nhiều rồi. Có một điều tôi khó tưởng tượng được là những bài đó được viết vào những năm 90-91, nghĩa là vào lúc Liên Xô chưa sụp đổ nhưng khủng hoảng trong khối XHCN đã trầm trọng và chống đối của nhân dân các nước sống dưới các chế độ cộng sản đã là điều không thể phủ nhận được. Phải chăng ngay những quan chức lo về tư tưởng vào thời đó cũng không được biết hết tình hình bên ngoài, hay họ cố tình nói dối để bảo vệ chế độ?

Để bài giới thiệu được rõ ràng, tôi xin lần lượt tóm tắt những ý chính bài viết của Hà Sĩ Phu cũng như của những người đã kích ông.

Trong bài viết Hà Sĩ Phu đã nêu lên chín nghịch lý của XHCN hiện thực ở Việt nam:

- Hệ thống "dân chủ gấp triệu lần" lại vướng mắc chính vấn đề dân chủ.

- Hệ thống tiêu biểu cho sự thật (có các nhà xuất bản Sự thật, và chúng ta thường nói chỉ chúng ta mới có dũng cảm nói sự thật) thì đang phải cố chữa cho được bệnh nói dối.

- Hệ thống tiêu biểu cho triết học duy vật lại là điển hình của bệnh duy ý chí.

- Hệ thống ưu việt (tức là tốt vượt hẳn lên), tiêu biểu cho sự giải

phóng Con người, thì lại không ưu việt về quyền Con người, luôn bị chỉ trích về quyền Con người.

- Hệ thống tiêu biểu cho sự đề cao những giá trị tinh thần thì lại "xuống cấp những giá trị đạo đức", đang cần làm lành mạnh trở lại những quan hệ xã hội và gia đình.

- Hệ thống tiêu biểu cho tính nhân loại, tính tập thể thì lại xuất hiện nhiều ví dụ về tệ sùng bái cá nhân, tập trung quyền lực vào tay một người, lấy một người thay cho tất cả.

- Hệ thống tiêu biểu cho sức sáng tạo của trí thức (xem "định nghĩa" của Lênin về chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản) thì vấn đề trí thức lại cứ cộm lên như một hạt nhân của toàn bộ cái hiện thực cần phải cải tổ.

- Chúng ta vẫn nói sự thắng thua giữa các chế độ rồi cuộc là ở năng suất lao động. Ta luôn nói về những "thắng lợi to lớn" nhưng chính về năng suất lao động thì ta lại thua quá xa!

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa được mô tả là đầy sức sống, còn chủ nghĩa tư bản thì đang "giấy chết". Vậy mà, trong tất cả những trường hợp quốc gia bị chia cắt làm hai thì dù chia theo kiểu nào, nửa thuộc phía "giấy chết" cũng có năng suất lao động và chất lượng sản phẩm tốt hơn nửa kia!

Sau những nghịch lý trên, tác giả đã trích dẫn các giải thích kinh điển để nói rằng những giải thích đó không đủ, không đúng, nên cần xem lại cả cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Hai luận điểm chính Hà Sĩ Phu đề cập tới trong bài viết của ông là con đường đấu tranh giai cấp và công cụ chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Về điểm thứ nhất, Hà Sĩ Phu quan niệm rằng sự phân chia giai cấp theo Mác không đủ và không bao hàm được hết xã hội, vì chỉ dựa trên những tiêu chuẩn kinh tế, nghĩa là về quyền lợi. Con người có thái độ và hành động dựa trên ba căn cứ là tri thức, lòng tin và quyền lợi. Ba yếu tố đó có khi tương phản, có khi đồng nhất, phản ánh bản chất đa dạng và phức tạp của Con người. Tùy mức độ cao thấp tương đối của ba yếu tố đó, tác giả chia những con người trong xã hội thành "duy lý", "duy tín", hay "duy lợi". Từ đó, qua phân tích tác giả nghĩ rằng nguyên nhân của nhiều nghịch lý XHCN là do sự tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, để "duy lợi" lên trên "duy lý", nghĩa là để quyền lợi lên trên tri thức.

Hà Sĩ Phu đã đưa ra rất nhiều ý kiến, phần nhiều trái ngược với quan điểm mácxít, về tiến trình của lịch sử (do tri thức), về thực chất của cách mạng (nâng cao chứ không chỉ lật đổ, cải cách), về lý do "hủ hóa" của lãnh đạo (thiếu tri thức nên duy lợi). Tất cả những ý kiến đó đều biện minh cho vai trò của trí tuệ, của tri thức khoa học.

Về chuyên chính vô sản, Hà Sĩ Phu đã chỉ cần khoảng một trang giấy để vạch rõ tại sao nguyên tắc đó áp dụng qua độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản sẽ tất nhiên đưa tới tể sùng bái cá nhân cực đoan, làm mất giá trị nhân đạo để tính Thù khuyển loát tính Nhân trong xã hội. Nói dối và chiếm hữu quyền lực của thành phần lãnh đạo "duy lợi" vì thiếu tri thức là hậu quả của trái ngược giữa lý tưởng tốt đẹp với một thực tế tồi dở, là hậu quả của một hệ thống tổ chức xã hội phản lại sự phát triển làm cuộc sống đói rách.

Nói tóm lại, theo Hà Sĩ Phu, mục đích đã đảo lộn với phương tiện, nghĩa là nhân dân, dân tộc trở thành phương tiện để thực thi chủ nghĩa. Do đó tác giả chủ trương từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin để đi tìm một con đường khác "dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ".

Qua bài viết, Hà Sĩ Phu đã đề cập, phê phán gần như toàn bộ hệ thống lý luận của đảng cộng sản cho nên mặt đầu bài của ông không được đăng trên báo chí, đã có nhiều người chuyển tay đọc, và vì vậy các cơ quan chính thức của đảng đã phản ứng bằng rất nhiều bài viết đả kích, lên án.

*

Tôi xin tóm tắt để giới thiệu một số bài tiêu biểu, từ những bài có ít nhiều tính chất đối thoại, phê phán, đến những bài chỉ đe dọa, chụp mũ hay xuyên tạc.

Bài tôi chọn đọc đầu tiên là bài của ông Trần Đức Thảo, giáo sư triết học, với nhan đề "*Cái gọi là tấm biển chỉ đường của trí tuệ đi ngược với tư duy biện chứng của lý trí*". Ông Thảo, trên cương vị một triết gia mácxít đã phê phán về phương pháp luận của Hà Sĩ Phu. Từ định nghĩa thế nào là toán lô gích, thế nào là biện chứng, thế nào là quy luật tiến hóa của lịch sử theo Lênin trong "bút ký triết học", bài viết của ông là một bài giảng cổ điển về chủ nghĩa Mác. Lý do là vì Hà Sĩ Phu dùng chữ không chính xác, chẳng hạn như "*bài toán lô gích xã hội*", "*chủ nghĩa duy lý với ý nghĩa khác quan điểm của Descartes*".... Ông Thảo phê phán Hà Sĩ Phu lập luận siêu hình, trừu tượng, duy tâm, chung chung. Tôi có cảm tưởng ông đã không hiểu hay không chấp nhận "thuật ngữ riêng" của Hà Sĩ Phu, nên chỉ xét bài viết về hình thức chứ không về nội dung. Đọc bài của ông người ta cảm thấy Con người hình như bị mất đi trong cái tính giai cấp của nó, trong khi bài của Hà Sĩ Phu chủ yếu nhấn mạnh tới Con người, tới trí tuệ mà tác giả cho là động lực chính của tiến bộ. Những nghịch lý nêu ra bởi Hà Sĩ Phu bị ông Thảo coi chỉ là "*những mâu thuẫn động cơ của đường lối đối mới của đảng*". Bàn về trí thức, ông Thảo có viết "*... Nhà trí thức lớn nhất của dân tộc, chủ tịch Hồ Chí Minh, chính là nhà cách mạng giác ngộ cao nhất về lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, nhà văn hóa, khoa học cao nhất...*" Thú thực tôi không hiểu vai trò của nhận định này trong lý luận để đả phá Hà Sĩ Phu. Có những câu bắt buộc phải viết chẳng hay có lý do nào khác? Nói tóm lại, người đọc cảm thấy tính chất khô cứng, phi thời gian tính trong lý luận của ông Thảo. Đối với ông có lẽ ngoài quan điểm Mác-Lênin về mọi chuyện thì không có gì đáng để đặt thành vấn đề nữa.

Bài thứ hai tôi xin "giới thiệu" là bài của ông Nguyễn Văn Trung, phó giáo sư triết học (không phải ông Trung giáo sư Đại

học Văn Khoa Sài Gòn trước đây) với đề tài "*Chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn là kim chỉ nam của chúng ta*". Đầu tiên ông Trung trách Hà Sĩ Phu chỉ nói tới những mặt tiêu cực của xã hội nhưng ông quên... không cho thí dụ về những mặt tích cực. Tiếp đến, ông cho là Hà Sĩ Phu có những sai lầm căn bản vì đã không dùng phương pháp luận khoa học là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử... điều mà Hà Sĩ Phu cố ý không dùng để cho "*trí tuệ được vài phút hoàn toàn tự do*". Ông Trung đồng ý với Hà Sĩ Phu về vai trò của trí tuệ, nhưng theo ông "*đi theo con đường của trí tuệ là mơ hồ*" vì chủ nghĩa Mác-Lênin "*cùng là con đường của trí tuệ, của đỉnh cao trí tuệ nhân loại và sự phát triển của xã hội trong thời ngày nay*". Trong đoạn cuối bài, ông Trung biện hộ cho Đảng bằng những lý lẽ mà Hà Sĩ Phu đã tóm tắt ngay từ đầu trong bài viết của mình để cho là không đủ để giải thích những nghịch lý XHCN. Tóm lại ông Trung đồng ý về vai trò của trí tuệ nhưng tin rằng Đảng sẽ nâng cao trình độ trí tuệ của đội ngũ cán bộ, đảng viên...trong khi Hà Sĩ Phu chứng minh rằng điều đó không làm được nếu tiếp tục chuyên chính vô sản.

Sau phương pháp luận và vai trò của trí tuệ ở trên, tôi xin "giới thiệu" bài của Đỗ Khánh Tạng, chủ yếu về vai trò của giai cấp công nhân, với đề tài "*Để tìm ra cái 'điểm nút' trong mớ bòng bong*". Ông Tạng không đồng ý với quan điểm của Hà Sĩ Phu về lịch sử tiến hóa của nhân loại. Theo Hà Sĩ Phu thì tiến trình lịch sử phụ thuộc chính vào "*dòng phát triển*" của tri thức loài người chứ không phải vào đấu tranh giai cấp. Giai cấp bị trị thường không có khả năng nắm quyền lãnh đạo. Cho rằng "*đến khi có cách mạng vô sản thì mới phát sinh một ngoại lệ, giai cấp công nhân là giai cấp bị trị lên lãnh đạo xã hội và ngoại lệ này mới là niềm ước mơ của nhân loại*" là lập luận tùy tiện. Để bác bỏ quan điểm trên, ông Tạng dùng khái niệm giai cấp vô sản hiện đại của Ăng ghen, một giai cấp có trình độ cao, gồm nhiều công nhân-trí thức... Người ta có thể đặt họ Hà Sĩ Phu cho ông Tạng mấy câu hỏi, vì Hà Sĩ Phu không có quyền trả lời ở bên nhà. Đầu tiên là với tình trạng kinh tế xã hội lạc hậu từ trước cho tới nay, ở Việt nam có giai cấp công nhân hiện đại không? Mặt khác, dự đoán của Mác về cách mạng vô sản ở các nước tư bản tiên tiến nhất vì có giai cấp công nhân hiện đại nhất đến bao giờ sẽ xảy ra? Phải chăng việc sử dụng các lập luận tự nhận là "khoa học" như vậy chỉ là cách để các quan lãnh đạo độc quyền, độc đoán, củng cố địa vị bằng cách đặt ở vị trí lãnh đạo mọi cấp, mọi mặt những đàn em trung kiên nhất theo tiêu chuẩn "hồng hơn chuyên"? Chuyện này thật ra cũng đã cũ rồi. Chẳng hạn, sau khi ông Lê đức Thọ chết, "người ta" mới dám nói ra là tất cả xếp đặt từ Đảng tới nhà nước, trong mấy chục năm qua, đều do vẫy cánh của ông Thọ quản lý.

Bài của Hồ Văn "*Về cái gọi là 'các nghịch lý' của XHCN*" thì không có gì mới trong lý luận. Như ông Trần Đức Thảo, tác giả coi những nghịch lý là những mâu thuẫn thúc đẩy sự phát triển của các quá trình xã hội; chỉ các nghịch lý của chế độ tư bản "*đã trưởng thành, thậm chí già nua*" mới đòi hỏi phải thay đổi chế độ (!). Có một đoạn đáng lưu ý trong bài viết của Hồ Văn là đoạn về vấn đề trí thức: "*Trong đội ngũ Đảng 2,1 triệu đảng viên hiện nay có hơn 30% là trí thức. Các nhà trí thức lớn ngoài Đảng đều đi theo Đảng. Tóm lại, Đảng đã thu hút được hầu như toàn bộ trí tuệ của dân tộc vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội*". Có lẽ Hồ Văn

hiểu trí thức là người đã học hết trung học, chứ không phải là thành viên của giới trí thức, văn nghệ sĩ, có tự do tư tưởng, sáng tạo, độc lập về xã hội và chính trị như ở các nước dân chủ. Nhận định của ông hoàn toàn trái ngược với nhận xét của ông Phan đình Diệu, một trong những Phó Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam. Trong trả lời phỏng vấn của ông Stein Tonnesson, một nhà sử học Na Uy, vào đầu năm 1993, ông Diệu, khi bàn về trí thức Việt Nam đã kết luận *"hiện nay Việt nam chưa có một giai cấp trí thức"*. Tôi xin trích một vài dòng trong câu trả lời khá dài của ông Diệu để cho rõ hơn: *"Trái ngược với nền giáo dục tại Pháp, chế độ XHCN đào tạo ra những chuyên viên hơn là những trí thức. Chúng tôi có nhiều nhà toán học, nhà vật lý học, nhà sinh học, kỹ sư... và bây giờ thêm nhiều nhà kinh tế. Nhưng chưa bao giờ họ được học để suy nghĩ về các vấn đề của xã hội. Đảng nghĩ hộ cho mọi người. Ý thức chính trị của các chuyên viên nói chung là yếu"*. (Diễn Đàn, số 20 tr. 10)

Bây giờ tôi xin sang một loại bài khác, và xin bắt đầu bằng bài *"Về vấn đề đấu tranh giai cấp"* do Hoàng Văn viết; trong đó tác giả lập đi lập lại những lý luận thô thiển mà ông ta cho là của Mác-Lênin nên tôi không dám nhắc lại ở đây. Điểm đặc biệt là bài đề ở trong mục *"Đối thoại-phê phán"* của tờ báo lại chỉ gồm những vu cáo, đe dọa trắng trợn, không có gì là đối thoại phê phán cả. Tôi xin trích *"Nếu các nhà lý luận mới mà tự tách mình ra khỏi hàng ngũ những người lao động để biện hộ cho sự áp bức của những người bề trên ấy, thì xin các nhà lý luận mới tha lỗi, chúng tôi cũng đành phải đối xử đúng mực với các vị như yêu cầu đòi hỏi của quy luật đấu tranh giai cấp mà thôi. Và trong cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại này, chắc các vị cũng chẳng ưa gì lắm cái khí thế xông lên trời của quần chúng lao động"*. Một đoạn khác *"ở nước ta, những nhà lý luận mới cũng đã ăn phải bả của kẻ thù, nên đã rùm beng hoặc ngấm ngầm đã kích lại Đảng ta, cho rằng Đảng ta áp dụng học thuyết về giai cấp và đấu tranh giai cấp nên để cho xã hội ta lộn ngược đầu (!) và nghèo đói (!) và sinh ra chuyên quyền độc đoán (!). Từ đó họ yêu cầu phải từ bỏ đấu tranh giai cấp, phải từ bỏ chuyên chính vô sản (!)"*. Về trình độ lý luận của Hoàng Văn, tôi xin trích một đoạn tiêu biểu *"Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế-xã hội đã nhận thấy rằng, gần như mọi sáng kiến mới đều là kết quả của những cuộc xung đột giữa công nhân và các nhà kinh doanh, rằng sau mỗi cuộc bãi công mới tương đối lớn, thì lại xuất hiện một loạt máy mới nào đó"*. Xin miễn bàn.

Bài của Tam Giang với nhan đề *"Trước hết là trí tuệ nào"* là một bài viết nhằm nhí, không đúng đắn. Bài của Hà Sĩ Phu không được phép đăng, tác giả bị Bộ nội vụ mời "tiếp kiến", bị bao vây kinh tế, thế mà Tam Giang giả vờ như không biết, gọi Hà Sĩ Phu là *"người tàng hình"*, *"người phát ngôn trong bóng tối"*, có ý trách Hà Sĩ Phu thiếu can đảm, thiếu *"tinh thần bình đẳng và trao đổi dân chủ"*. Rõ là "vừa đánh trống vừa ăn cướp". Không hiểu Tam Giang có ý niệm gì không về dân chủ và bình đẳng? Hơn thế nữa, ngoài chuyện nói dối, Tam Giang không ngần ngại xuyên tạc *"Còn ở nước ta hiện nay lại xuất hiện một "sĩ phu ở ẩn" đã tỏ ra chẳng những thiếu dũng cảm và trách nhiệm khoa học mà còn có thái độ cao ngạo hơn cả E. Durand vì đã coi nẹp suy nghĩ của mọi người cùng thời là chưa lô gích, hay nói cụ thể hơn là đã coi mọi người khác là ngu dốt"*. Cách viết của Tam Giang thì có thể hơn cả Hoàng Văn ở tính "anh chị", còn về mặt lý luận thì có lẽ "kẻ

tám lạng, người nửa cân".

"Bài" cuối cùng mà tôi muốn "giới thiệu" với bạn đọc là tài liệu 32 trang của Ban Tư Tưởng Văn Hóa Trung ương Đảng CSVN xuất bản tại Hà Nội năm 1990 với nhan đề: *"Nêu cao tính chiến đấu chống mọi hoạt động phá hoại về tư tưởng"*. Tài liệu này tập trung các luận điểm để kết án các tư tưởng không "chính thống", trong đó bài của Hà Sĩ Phu, mặc dầu không được nêu tên, là mục tiêu chính. Đây là một tài liệu học tập chính trị cho đảng viên để chống lại các xu hướng đòi "đổi mới" chính trị mà Đảng gọi là đòi *"dân chủ cực đoan"*(!). Tính chất thống trị về tư tưởng hay đúng hơn công an trị về... tư tưởng, toát ra ngay từ nhan đề của phần thứ nhất: *"Tình hình hiện nay trên lãnh vực an ninh tư tưởng"*. Trong phần này Đảng khẳng định vai trò rất quan trọng của tư tưởng và liệt kê trong cả trang những kẻ thù, cho cùng vào một loại từ những Việt kiều đã dám ký những "tâm thư", "thông điệp", "thông báo", đến hầu như toàn bộ những báo chí, tổ chức hải ngoại mà Đảng gán cho tội *"do đế quốc lãnh đạo và nâng đỡ"*(!) Những nghịch lý XHCN theo Hà Sĩ Phu được trích đăng ở phần thứ hai dưới đề tài *"Kiên quyết đấu tranh chống các luận điệu thù nghịch, các quan điểm sai trái"*. Sau đó, Ban tư tưởng văn hóa trung ương phán rằng những nghịch lý nêu ra bởi Hà Sĩ Phu chỉ là *"những mâu thuẫn thường thấy, thường xảy ra và luôn luôn tồn tại ở mức độ, quy mô khác nhau trong xã hội"*. Tiếp theo đó, các quan chức tư tưởng viết *"Chúng ta có thể dẫn ra vô số nghịch lý, thí dụ như hệ thống triết học tiêu biểu cho thế giới quan khoa học, vô thần nhưng lại thừa nhận tự do tín ngưỡng; hệ thống xã hội tiêu biểu cho việc giải phóng phụ nữ, nam nữ bình quyền, bình đẳng nhưng vẫn có những ông chồng đánh vợ..."* Lập luận ngây ngô ở đây có thể giải thích được bằng nhiều cách. Cách đúng nhất có lẽ là các quan chức cố tình lẫn lộn coi các nghịch lý tày trời của XHCN như là các trò đùa vừa để phù hợp với trình độ của đa số đảng viên vừa để lờ đi không nói tới nữa. Nhưng cách viết bộc lộ tinh thần coi thường tự do tín ngưỡng, coi thường phụ nữ và có lẽ coi thường cả đảng viên chỉ vì họ là cấp dưới. Lối viết để "ngu hóa" đảng viên này vẫn do căn bệnh nói dối (nghịch lý thứ hai của Hà Sĩ Phu) vì nó hoàn toàn trái ngược với những lo âu thực sự của Đảng về những vấn đề tương tự thuộc lý luận, tư tưởng của XHCN. Thắc mắc, lo âu này bộc lộ rõ rệt trong bài nói chuyện (chắc không được phổ biến) của ông Đặng Quốc Bảo, trưởng ban khoa giáo trung ương, tại ban khoa giáo thành ủy ngày 26 tháng 5 năm 1988. Các phần nói về đấu tranh giai cấp, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản.... vẫn chỉ gồm những kinh điển, lý luận có vẻ khoa học nhưng dựa trên những căn bản hoàn toàn sai lệch. Đảng thấy cần phải *"Chấn chỉnh và tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí và xuất bản"*. Đảng vẫn tự cho mình vai trò cách mạng tiên phong, với các đảng viên tiêu biểu cho những thành phần ưu tú nhất của dân tộc... Trong khi đó, càng chuyên chính lâu đời Đảng càng thoái hóa, trong Đảng bây giờ đa số là những kẻ thời cơ, lợi dụng. Tôi nghĩ là những điều đó đã hiển nhiên nên xin không bàn tới nữa.

Bài "giới thiệu" trên đây tôi viết để bày tỏ lòng cảm phục đối với Hà Sĩ Phu và cũng là để *"đền bù phần nào những thiệt thòi của tác giả"* trên bình diện tư tưởng vì ông đã bị xuyên tạc, chụp mũ mà không có được quyền trả lời.

Vũ thiện Hán

Trang 23

Trí thức, chuyên viên và một lối thoát cho Việt Nam

Điều mà đất nước cần là người dân được hưởng tự do, dân chủ, no ấm, và sống một đời có phẩm cách. Nói khác đi, cần bãi bỏ độc quyền chính trị của một thiểu số, chấp nhận đa nguyên, áp dụng kinh tế thị trường (có gia giảm tùy điều kiện thực tế), và thực hiện một nền giáo dục thật sự nhân bản, khai phóng và tiến bộ.

Tất cả phải làm cùng lúc. Nếu không, chỉ tạo ra một xã hội lệch lạc. Chẳng hạn, xem nặng kinh tế thị trường và xem nhẹ chuyện giáo dục thì chỉ tạo thêm nhiều lái buôn mà bớt đi con người. Và không có nền giáo dục nào có khả năng tạo con người tốt nếu nó không khuyến khích người đi học lẫn người dạy nhìn sự thật và chỉ nói sự thật. Xã hội cũng sẽ không có người trưởng thành nếu nó cho phép một thiểu số, hay một người, được xem là cha mẹ của bao nhiêu người khác.

Thật ra, trong hoàn cảnh đặc biệt của chiến tranh lạnh, một vài nước chậm tiến quả đã vươn mình lên được trong một chế độ độc tài mà người lãnh tụ có khả năng quản trị đất nước, có thấy xa, và xem sự thịnh vượng của đất nước là quan trọng nhất, như trường hợp của Tân Gia Ba và Đại Hàn. Việt Nam đã để mất cơ hội đó trong chiến tranh lạnh, mặc dầu sau khi nội chiến đã chấm dứt. Có độc tài, nhưng chẳng có thịnh vượng và tiến bộ. Ngày nay chiến tranh lạnh không còn nữa, mà lại buộc dân chúng phải suy nghĩ, phải sống như trong chiến tranh lạnh, để mình bắt đầu cập sách đi học bài của Lý Quang Diệu của hơn ba mươi năm trước thì thật là một điều hoang tưởng.

Người dân Việt Nam cần được hưởng những quyền căn bản như mọi người dân các nước tự do khác trên thế giới. Đó là điều kiện phải có để ra khỏi tình trạng chậm tiến. Hiện nay, muốn có được những quyền căn bản đó, *thì phải đòi chứ không thể xin.*

Sở dĩ nội dung tranh đấu của Đoàn Viết Hoạt được nhiều người cho là đầy đủ hơn những người khác là vì ông ta không đặt vận mệnh của dân tộc hoàn toàn vào quyết định có tính ban ơn của một đảng phái. Ông cũng đề nghị đảng cộng sản thay đổi. Nhưng đi xa hơn, ông tự đương đầu với câu hỏi là nếu đảng cộng sản Việt Nam không chịu thay đổi thì sao. Những trình bày của ông sau đó có thể tóm tắt trong hai chữ: *Phải đòi.* Không bạo động nhưng phải đòi.

Cho đến nay đảng cộng sản Việt Nam vẫn nhất định không bãi bỏ độc quyền chính trị.

Hơn bốn năm trước đây, những đảng cộng sản ở Đông Âu và sau đó đảng cộng sản Liên Xô cũng chứng tỏ quyết tâm như vậy. Sự nhập cuộc của tầng lớp trí thức đã triệt tiêu quyết tâm đó. Và ở nơi nào ảnh hưởng của trí thức mạnh hơn thì ở nơi đó sự thay đổi diễn ra trong một chiều hướng tốt đẹp và nhân bản hơn. Và sự chuyển tiếp được thực hiện trong điều kiện ổn định hơn.

Vấn đề còn lại cho Việt Nam là Việt Nam có một tầng lớp trí thức để làm công việc đó hay không?

Trong bài phỏng vấn mới đây của Stein Tomannesson, ông Phan Đình Diệu cho biết là Việt Nam có rất ít trí thức và xã hội chủ nghĩa chỉ nhằm đào tạo chuyên viên chứ không đào tạo trí thức. Đây là một câu trả lời rất thẳng thắn và cũng rất chua chát.

Thực tế có thể vẫn không đến nỗi tuyệt vọng như vậy. Cái cách biệt giữa một chuyên viên và một trí thức chỉ ở một thái độ:

người trí thức không phải chỉ tìm hiểu sự thật, người trí thức sống với sự thật, và quan trọng hơn, người trí thức bảo vệ cái quyền được sống với sự thật của người khác.

Cuộc cách mạng mà Việt Nam cần có lẽ chỉ đơn giản là một cuộc cách mạng để biến những chuyên viên trở thành trí thức. Vấn đề lại hoàn toàn tùy thuộc ở họ. Họ có can đảm sống với sự thật hay không? Hay ít ra họ có can đảm nói sự thật hay không? Có can đảm bảo vệ cái quyền được nói sự thật của người khác hay không?

Một điều không thể quên là nói một nửa sự thật không phải là nói sự thật. Cũng như yêu một nửa đất nước không phải là yêu nước, yêu một nửa dân tộc không phải là yêu dân tộc.

Hãy bắt đầu bằng trường hợp của Đoàn Viết Hoạt. Mọi người đều có quyền chê khen nội dung tranh đấu của ông cũng như phê phán cái quyền được tranh đấu của ông. Nhưng đừng cảm lạnh. Hãy nói thật với điều mình tin.

Sự can đảm nói lên sự thật phải vượt lên trên cái sợ mà nhiều người trong xã hội chủ nghĩa cho là chính đáng là sợ kẻ thù hay kẻ xấu xa lợi dụng điều nói thật của mình. Đối với một trí thức (bao gồm cả văn nghệ sĩ), cái nên xem là kẻ thù lớn nhất là sự *căm lạng trước bạo lực*, cái nên xem là xấu xa tồi tệ nhất là đi *tìm cách biện minh cho một sự căm lạng như vậy*. Một sự sợ hãi khác mà nhiều người đang cho là chính đáng hơn nữa cũng cần phải được đặt lại. Đó là sự sợ can đảm tranh đấu cho sự thật của mình sẽ đem lại một tình trạng hỗn loạn chính trị xã hội. Điều e sợ này không phù hợp với tình trạng thực tế của xã hội Việt Nam. Xã hội Việt Nam hiện nay với tất cả sức ép của bất công, của tham nhũng, của chộp giựt, của vô vọng, đang trở thành một nồi thuốc súng. Một phát đạn lạc, một hành động không kèm chế phát sinh từ sự phản uất, một yếu tố bất ngờ, đều có thể châm ngòi thuốc, và bạo loạn xảy ra. Lúc đó, những trí thức và chuyên viên Việt Nam sẽ bắt đầu trả giá cho sự căm lạng của mình.

Ai cũng hiểu rằng sống trong một xã hội chuyên chính như xã hội Việt Nam mà dám phá vỡ sự căm lạng để đụng tới chuyên chính thì không hề là chuyện dễ làm. Chắc chắn không dễ như sống ở hải ngoại. Do đó càng thấy kính trọng những trí thức như Đoàn Viết Hoạt, như Phan Đình Diệu, như Nguyễn Kiến Giang. Họ đang là những trí thức rất cô đơn. Họ đang cần có rất nhiều người chịu đứng dậy, không phải để đồng ý với họ, mà chỉ để nói ra điều mà người đó nghĩ, về những vấn đề của đất nước. Có lẽ đất nước cũng chỉ cần có bao nhiêu đó để nói ra điều mà người đó nghĩ, về những vấn đề của đất nước. Có lẽ đất nước cũng chỉ cần có bao nhiêu đó để có một lối thoát nhân bản cho những khủng hoảng hiện tại.

Vào những ngày giữa năm 1989, trên các vách tường xe điện ngầm ở Praha, người dân Tiệp Khắc đọc được những hàng chữ này: "Chúng ta đã lặn sâu như cá, đã chạy nhanh như thỏ, bao giờ chúng ta bắt đầu sống như những con người?". Mùa thu năm đó, cuộc cách mạng trí thức ở Tiệp Khắc xảy ra. Một tuần lễ sau, cách mạng thành công. Không có trả thù, không một giọt máu đổ. Đến nay người ta vẫn gọi đó là cách mạng nhung.

Khi trí thức và chuyên viên trong một xã hội không còn chịu căm lạng trước bạo lực và bắt đầu đòi cho được những quyền căn bản của con người, xã hội đó bắt đầu chuyển mình.

Trương Vũ

(Trích "Về một giải pháp nhân bản cho Việt Nam nhân vụ xử một trí thức", chưa xuất bản)

Đoàn Viết Hoạt đi tù, Võ Văn Kiệt đi Paris

Việt Nam là đất nước của khẩu hiệu, hay nói theo kiểu Sĩ Phu Bắc Hà (Thông Luận số 60) là đất nước của những "tấm bảng chỉ đường". Từ tấm bảng "Xây dựng xã hội chủ nghĩa không xuyên qua đường lối tư bản" (được ca tụng như sao vàng sáng tạo của những nhà lãnh đạo vô sản Việt Nam), đến tấm bảng "Xây dựng xã hội chủ nghĩa xuyên qua đường lối tư bản nhà nước" chỉ cần xóa chữ "không", (pub Crédits Lyonnais: le pouvoir de dire oui!), thêm chữ "nhà nước". Tuổi trẻ Việt Nam quá rành kẻ khẩu hiệu, một thoáng là xong.

Tấm bảng "Đổi Mới" đã được nhiều người cả tin trong đó có tôi. Rõ đại!

Tôi đại đã đành nhưng không biết bao nhiêu người to đầu mà cả tin mới là tức. Không cần nêu tên họ, con cái nhà ai, tôi cũng



có thể kể sơ sơ: từ một đại trí thức ngành toán học ở Hà Nội, một đại trí thức khác từ Pháp về, nhiều nhà văn, chủ nhiệm báo chí có tiếng cho đến mấy ông trong Hội những người kháng chiến cũ, một cựu chủ tịch quốc hội và thậm chí có cả một ông rất to trong Bộ Chính Trị bị đá lọt ra ngoài.

Bây giờ mới vỡ lẽ ra rằng Đổi Mới chỉ là viết vắn tắt của khẩu hiệu "Đổi hoan hô cái cũ thành hoan hô cái Mới" như Việt Minh là do tên "Việt Nam Độc Lập Đồng Minh".

Nhưng cái gì là mới, cái gì là cũ? Hỏi thừa, cái gì Đảng nói là mới cả. Anh chỉ được quyền hoan hô mà cấm nói theo. Vì cùng một việc mà Đảng nói thì mới, nhưng anh nói thì phản động, chống Đảng, chống xã hội chủ nghĩa.

Đảng bỏ hiến pháp cũ, viết hiến pháp mới thì được. Nhưng anh đòi sửa đổi hiến pháp thì bị kết tội bỏ hiến pháp. Đoàn Viết Hoạt 20 năm tù là vậy.

Đảng nói hòa giải hòa hợp thì được, anh nói thì đi tù. Đoàn Viết Hoạt 20 năm tù là vậy.

Trong khẩu hiệu "Xây dựng xã hội chủ nghĩa..." đảng có quyền xóa chữ "không", thêm chữ "nhà nước" bất cứ lúc nào. Nhưng anh định yêu cầu thêm chữ "đa nguyên" đằng sau chữ dân chủ là đi tù. "Dân chủ nhà nước" nghe còn được chứ thêm chữ đa nguyên chẳng khác gì "lay ông con ở bụi này". Đều quá! Đoàn Viết Hoạt 20 năm tù cũng là vậy.

Đảng lãnh đạo có nghĩa là có quyền đổi trắng thành đen, đổi đen thành trắng (trước kia đối với Trung Quốc thì môi hở răng lạnh. Sau đó gọi là bọn bành trướng. Bây giờ hễ Trung Quốc hở môi thì Đảng ta cắn răng!). Dân chúng "được" lãnh đạo chỉ có quyền hoan hô: "Đổi hoan hô cái cũ thành hoan hô cái Mới".

Trong khi Đoàn Viết Hoạt chống án và sẽ bị xử lại thì thủ tướng Võ Văn Kiệt qua Paris (chut!). Nghe nói ông Võ Văn Kiệt là người của "phe đổi mới" nên đoán mò lần này ông nhờ Pháp giúp mọi mặt, để vĩnh viễn thoát ra ngoài trục "Bắc Kinh - Bình Nhưỡng - Hà Nội", giấc mơ của "phe bảo thủ" (mơ ngày Dracula hồi sinh!).

Giúp đổi mới hiến pháp chăng? "Nước Pháp phải chấp nhận sự lãnh đạo của đảng PS/RPR" là chuyện chỉ có thể viết vào thùng rác, chó không thể vào hiến pháp. Tổng thống Mitterrand cũng như thủ tướng Balladur đối lập nhau nhưng có cùng một quan niệm nhân quyền. Hay ông Võ Văn Kiệt đã đồng ý với họ chăng? Điều này đáng cầu nguyện lắm.

Giúp phát triển kinh tế chăng? "Nước Pháp xây dựng xã hội chủ nghĩa xuyên qua đường lối tư bản"? Ủy ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương của Đảng sợ đêch gì mà không nói như vậy. Họ cũng biết thừa làm sao có thể giúp nhau hết lòng nếu tiếp tục ở trên quỹ đạo đối địch. Lại nữa Pháp hiện nay bắt buộc phải cân nhắc, chọn lựa. Hay là thủ tướng Võ Văn Kiệt sẽ nói "Các ông đừng nghe chúng tôi nói, hãy nhìn chúng tôi làm. Hiện giờ ở Sài Gòn có khác nước tư bản nào đâu? Còn vấn đề Đoàn Viết Hoạt chúng tôi sẽ giải quyết lại, cam đoan tốt". Điều này cũng đáng cầu nguyện lắm.

Tất cả giả thuyết về chuyến đi Paris của thủ tướng Võ Văn Kiệt vào tháng 6 nếu đúng thì tốt còn không xin đọc giả Thông Luận cứ xem là "Liêu Trai chí dị".

Chỉ có chuyện này mới quan trọng: Đảng đã đình lại vô hạn định phiên tòa chống án xử Đoàn Viết Hoạt ngày 3-6-1993 mà không nói lý do. Dời lại sau chuyến đi Paris của thủ tướng Võ Văn Kiệt chăng? Nếu đúng vậy thì người ta cũng còn biết xấu hổ. Biết xấu hổ là bản chất của con người. Nó cho phép kẻ viết bài này còn hy vọng.

Lê Sơn

Xem phim

Mùi Đu Đủ Xanh

Phim **Mùi Đu Đủ Xanh** (*L'odeur de la papaye verte*) của đạo diễn Việt Nam **Trần Anh Hùng**, nói tiếng Việt, đã được trình chiếu rộng rãi trên các màn ảnh Paris từ trung tuần tháng 6-1993. Phim được giải thưởng Máy Quay Phim Vàng, La Caméra d'or tại đại hội điện ảnh Cannes năm nay, dành cho các tác phẩm đầu tay. Giới phê bình Pháp, trên hầu hết báo chí, đều có giới thiệu và khen ngợi. Người xem khá đông: nghe đâu chỉ trong tuần đầu, tại Paris có tám rạp chiếu và hai vạn người xem. Cũng là điều lạ đối với mình là người Việt, khi thấy khán giả Pháp đủ các lứa tuổi xem phim Việt, nói tiếng Việt, phụ đề Pháp ngữ; lúc ra khỏi rạp thì họ trầm trồ tán thưởng.

Tác giả Trần Anh Hùng sinh tại Mỹ Tho năm 1962, theo gia đình sang Lào rồi sang Pháp năm 1975, học tại Pháp về kỹ thuật điện ảnh tại trường Louis Lumière (1985-1987), đã thực hiện hai phim ngắn: **Thiếu phụ Nam Xương** (1987) và **Hòn Vọng Phu** (1991), cùng với một nữ diễn viên chính, **Trần Nữ Yên Khê**, không chuyên nghiệp.

Vì không đủ phương tiện thực hiện phim tại Việt Nam, tác giả đã dựng ngoại cảnh tại Bry-sur-Marne, vùng Paris, chỉ có âm thanh của thiên nhiên như tiếng côn trùng, giun dế là được thu âm trong nước. Cảnh nội thất, sân vườn, góc phố, tuy giả tạo, nhưng được dàn dựng tỉ mỉ, nên gọi được khí hậu Việt Nam rõ nét.

Chuyện bắt đầu từ Sài Gòn năm 1951 khi em Mùi 12 tuổi từ quê lên tỉnh ở trọ cho một gia đình trung lưu gốc Bắc, buôn vải. Ông chủ nhà ham đàn địch, thỉnh thoảng ôm tiền nhà bỏ gia đình đi bê tha, bà chủ âm thầm chịu đựng, tần tảo bán buôn, đối xử tử tế với Mùi; một phần vì Mùi đồng lứa với con gái của bà chết sớm; cô Mùi đã để ý đến Khuyến, một chàng trai thỉnh thoảng đến chơi với con trai chủ nhà. Mười năm sau, chủ nhà sa sút, nhường Mùi lại cho gia đình Khuyến, và cuối cùng Mùi thành thân với Khuyến.

Nét chính của nội dung là thân phận người phụ nữ, từ kiếp tôi đòi tới đức hy sinh của người vợ, người mẹ, lúc có chồng cũng như lúc về già thui tiết. Tác giả đã tuyên bố ngay thẳng điều đó: *"Tôi đã từng băn khoăn khi quan sát phụ nữ Việt Nam, cả mẹ tôi. Cao tuổi, họ vẫn tươi mát. Làm sao họ chấp nhận được thân phận đấng đàn ông, nếu không sống với sức mạnh tinh thần. Chúng ta phải tìm ra được thời điểm chính yếu (moment clé) khi sự nô lệ biến thành cái khác... [...] Nhìn từ quan điểm vật chất, chúng ta không thể chấp nhận được sự nô lệ của phụ nữ. Tôi đã mô tả sự nô lệ đó bằng cử chỉ, động tác có khả năng làm nảy chất thơ mà không cần thi vị (une certaine poésie sans effets poétiques)".* Một quan điểm thẩm mỹ điện ảnh phức tạp như thế, không phải lúc nào khán giả nào cũng bắt gặp.

Trong giới hạn của trang báo, chúng tôi không đi vào những tế nhị đó, chỉ giới thiệu đại thể cuốn phim và những vấn đề sơ đẳng mà có người đã nêu lên.

Một là: cuốn phim phi lịch sử. Chuyện xảy ra từ 1951 đến 1961 là những cái mốc quan trọng của chiến tranh Việt Nam. Tác

giả có kín đáo nhắc đến qua tiếng máy bay Dakota thời Pháp và tiếng phản lực cơ Mỹ. Và giờ giới nghiêm. Nhưng tác phẩm không mang dấu vết gì của chiến tranh. Tác giả giải thích: *"Tất cả phim về Việt Nam đều là phim chiến tranh, với những nhân vật tàn bạo. Ưu tư của tôi là trình bày phần nhân đạo của dân tộc. Vì nó đang thiếu trong phong cảnh điện ảnh"*. Đúng. Tác giả có quyền nghĩ như vậy và làm như vậy, nhất là anh thuộc vào lứa tuổi không bị điều kiện hóa vào chiến tranh và chính trị. Cảm ơn anh đã cho chúng ta biết cái nhìn của một thanh niên 30 tuổi, trưởng thành tại hải ngoại sau 1975, khi trông vời về quê hương và đất nước. Biết đâu chừng họ... lành mạnh hơn chúng ta? Con người là con vật lịch sử; nhưng trong mỗi chúng ta có cái phần ngoại sử.

Thứ hai: cuốn phim phi giai cấp, thỏa hiệp giai cấp, thậm chí đầu hàng giai cấp, nghĩa là thậm chí phản động, như có người đã nói. Không đúng. Trần Anh Hùng có ý thức giai cấp, cái tát tai của cô tiểu thư nhà giàu là một bằng chứng nẩy lửa. Hơn nữa, việc chuyển nhượng gia nhân là một hình thức xã hội nô tỳ thời Trần, thời Lý (!). Nhưng tác giả không nhìn xã hội đó qua xung đột, tranh chấp, hay theo lời anh, không qua tương quan lực lượng. Anh muốn hóa giải bất công bằng tình yêu, bằng "thiện căn vốn ở lòng ta": đó là cái nhìn của dân gian trong cổ tích và của tuổi thơ trước cuộc sống.

Mùi Đu Đủ Xanh là truyện Tám Cám ngày nay, Tám Cám hay Cô Tro (Cendrillon) là một huyền thoại chung của nhân loại, có hàng nghìn dị thoại khác nhau rải rác trên thế giới, và cuốn phim của Trần Anh Hùng là một thoại mới, kể bằng điện ảnh, sau khi đã loại trừ những yếu tố xấu và ác. Khi mới xuất hiện đầu phim, Mùi đã mang bóng dáng Lọ Lem của Tám, loay hoay bên xó bếp. Cám là hình ảnh của cô con gái chủ nhà hay cô tình nhân của Khuyến về sau; bà tiên là người mẹ đã cho Mùi áo đẹp và nữ trang. Cô Mùi khi trưởng thành còn đeo đẳng cái lồng dế: con dế ở đây là con bống, con vàng anh trong cổ tích. Trái đu đủ là trái thị trong truyện ta, hay trái bí ngô trong truyện Pháp. Chưa kể đến huyền thoại chiếc giày, cái áo và nhiều chi tiết khác. Đây là một khía cạnh lý thú mà tôi sẽ phân tích trong một bài báo khác. Ở đây tôi chỉ phớt qua cấu trúc huyền thoại để trả lời câu hỏi về đấu tranh hay đầu hàng giai cấp trong một cuốn phim. Vấn đề đặt ra dù lạc điệu, nhưng đã có người đặt ra, thì phải lý giải.

Một cuốn phim mang nhiều tham vọng và triển vọng như vậy khó mà toàn bích. Vẫn có những sai sót, sơ xuất, vụng dại do những giới hạn của bản thân tác giả và điều kiện làm phim. Nhưng nói chung, **Mùi Đu Đủ Xanh** là một cuốn phim hay, xứng đáng với giải thưởng Caméra d'or tại Cannes năm nay, làm vinh dự cho nền điện ảnh non trẻ của Việt Nam, cho cả Việt Nam, nhất là cho nền văn chương nghệ thuật Việt Nam hải ngoại, ít ý nhiều lời.

Mùi thơm thầm lặng của một loại cây trái bình thường, biết đâu chẳng dẫn đường cho một trào lưu văn nghệ mới, một cách tiếp cận mới về cuộc đời, trong và ngoài nước. Dù rằng cuốn phim bắt nguồn từ những kỷ niệm của tuổi thơ như Trần Anh Hùng đã tâm sự. *Để Tưởng Nhớ Một Mùi Hương*, theo ngôn ngữ Thạch Lam.

Đặng Tiến

19-6-1993

Ngày đính hôn của Hùng và Yên Khê

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC...

Cuộc tranh đấu của Phật giáo tại Huế

Ngày 21-5-1993, lúc 9 giờ sáng một cuộc tự thiêu đã xảy ra trong khuôn viên chùa Linh Mục Huế, trước ngôi bảo tháp Đức cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu. Công an đã tràn vào chùa cướp nhục thể của người tự thiêu, một Phật tử 50 tuổi, tịch thu các tâm thư và cuộn phim do một du khách chụp được trong lúc Phật tử đang tự thiêu.

Ngày 24-5-1993, viện chủ chùa Linh Mục, Đại Đức Thích Trí Tụ đã bị công an mời "làm việc", yêu cầu Đại Đức ra thông cáo rằng người tự thiêu không phải là Phật tử để chạy tội việc cướp xác.

Thanh minh

Trên báo Thông Luận, số vừa qua, tháng 6-1993, trong bài *Những vui buồn trong điểm người, điểm sách*, ông Thế Uyên có nhắc đến tôi trong hai cột báo dài (tr. 12 và 13): "*Ông Đặng, ông bạn Đặng, bạn cố tri Đặng... những bài biên khảo văn học của Đặng*". Ông không nêu đích danh, nhưng ai cũng hiểu là ám chỉ tôi; và ông kể chuyện không đúng sự thật về tôi: "*Ông Đặng... tuyên bố tuyệt giao với tôi nếu tôi không chịu công khai tuyên bố ông (X) là một kẻ xấu xa, nêu tên ra là một sĩ nhục...*" "*Bây giờ ông Đặng bắt tôi phải tuyên bố (...) thì kẹt cho tôi quá...*" Sự thật là: tôi không thích chơi với Thế Uyên nữa - quyền của tôi - thì tôi nghỉ chơi, chứ tôi không hề "*tuyên bố*" gì cả, dĩ nhiên là không thể có chuyện nêu điều kiện "*bắt phải tuyên bố*". Một thái độ như thế sẽ trái với nguyên tắc tự do dân chủ mà tôi suốt đời đeo đuổi, mà lại... lảm cẩm. Ai đi làm chuyện lẩn thẩn ấy để mua trò cười cho thiên hạ?

Ông Thế Uyên còn kể là anh Nguyễn Văn Trung có dặn Thế Uyên là "*kể từ nay đừng có bao giờ đặt chân đến nhà anh nữa*". Tôi được an tâm đôi phần vì thấy bớt... cô đơn, sau khi đã vĩnh viễn mất Thế Uyên.

Cũng cần nhắc thêm rằng tôi là người làm trung gian để Thế Uyên viết bài cho Thông Luận và gặp gỡ toàn thể ban biên tập. Bây giờ ông biên bài bôi bác tôi trên Thông Luận mà không thèm nêu đích danh. Do đó, hai chữ "*cố tri*" ông đã nhiều lần dành cho tôi, tôi chỉ dám xin một nửa: nửa sau. Còn nửa trước xin trả lại cho Thế Uyên dùng vào việc khác.

Đặng Tiến

22-6-1993

Thông Luận rất tiếc về những gì xảy ra giữa hai người cùng là bạn của Thông Luận. Chúng tôi hy vọng với thời gian mọi chuyện sẽ qua đi. Việc Đặng Tiến làm trung gian để Thế Uyên viết bài cho Thông Luận và gặp gỡ ban biên tập là đúng, tuy rằng trước đó Thế Uyên đã có liên lạc thư từ với một số anh em trong ban biên tập. Như vậy để tránh những hiểu lầm hoặc tranh cãi, chúng tôi chỉ mong câu chuyện này chóng rơi vào quên lãng của cả hai người bạn mà Thông Luận đều quý mến.

Bức thư đề ngày 25-5-1993 của Đại Đức Thích Trí Tụ gửi ra ngoại quốc đã tường trình những diễn biến sau cuộc tự thiêu như sau: Để phản đối cách làm việc "gây áp lực và quy chụp" của công an, Đại Đức sẽ tuyệt thực 48 tiếng đồng hồ trước cổng văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thừa Thiên. Khi Đại Đức đang ngồi kiết già trước cổng Ủy Ban Nhân Dân thì đồng bào đồng bào đã tụ tập lại. Bảy tám công an liền bế Đại Đức vào trong cơ quan. Thấy sự việc như vậy, đồng bào cho rằng Đại Đức bị bắt và đưa tin đó lên chùa Linh Mục. Chư tăng chùa Linh Mục đã kéo nhau tới trước Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh yêu cầu vào thăm và gặp mặt thầy Thích Trí Tụ. Nhưng chính quyền không cho vào, dùng các lực lượng an ninh ngăn chặn và bố ráp Phật tử đến từ các ngã đường. Chư tăng đến ngã tư đường Lê Lợi ngồi tuyệt thực. Hàng hàng lớp lớp đồng bào tụ tập trên các đường Lê Lợi, Hà Nội... Từ 9 giờ sáng đến 14 giờ 30, con số lên đến khoảng 40.000 người.

Trước phản ứng quyết liệt và mạnh mẽ của đồng bào, công an đã đưa Đại Đức lên một chiếc xe bí bùng. Sự cưỡng bức hành hung đã làm Đại Đức bất tỉnh. Đồng bào thấy xe có bóng "cà sa vàng", yêu cầu thả Đại Đức. Nhưng công an vẫn tiếp tục lái xe đi, đồng bào chặn xe lại, giải thoát Đại Đức, chở về chùa Linh Mục bằng xích-lô. Sau đó, ông giám đốc công an tỉnh dùng loa phóng thanh ra lệnh giải tỏa biểu tình, cho bộ đội ném lựu đạn cay và xe phun nước vòi rồng. Đồng bào đồng bào phản uất đã lật ngược chiếc xe công an chở Đại Đức và phóng hỏa đốt ngay tại chỗ.

Ngày 5-6-1993, nhà cầm quyền cộng sản đã bắt giam ba Đại Đức Thích Trí Tụ, Thích Hải Tạng và Thích Hải Tịnh với tội danh "phá rối trật tự công cộng".

Nhắc lại gần đây đã có bốn cuộc tự thiêu khác để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo tại Việt Nam. Đạo hữu Phạm Gia Bình, pháp danh Viên Lạc, vị pháp thiêu thân ngày 6-4-1993 tại Ellington, Connecticut, Hoa Kỳ. Ngày 30-4-1993, một vị khác đã tự thiêu trước rạp Rex, trung tâm Sài Gòn. Trong dịp giỗ đầu của Ôn Linh Mục (cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu) từ 11 đến 14-4-1993, một ni cô 16 tuổi và một Phật tử 80 tuổi đã tự thiêu tại Quảng Ngãi.

Những lý do đưa đến cuộc tranh đấu của Phật giáo có thể tóm tắt như sau.

Nhà cầm quyền Hà Nội đã định chế hóa chính sách tôn giáo bằng nghị quyết về các vấn đề tín ngưỡng được ban hành ngày 25-5-1977 với chữ ký của thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Nghị quyết này chứa nhiều nghịch lý vô cùng trầm trọng. Hậu quả là mở cửa cho tất cả những lạm dụng và vi phạm trắng trợn của giới thừa hành. Có thể nói đó là một nghị quyết để hợp thức hóa những đàn áp tôn giáo đã có từ sau ngày 30-4-1975.

Không thể chính thức dẹp bỏ các giáo hội tôn giáo, nhà nước cộng sản đã dựng lên các tổ chức quốc doanh như Ủy Ban Đoàn Kết Công Giáo Yêu Nước, gồm những linh mục thân chính phủ để tranh ảnh hưởng với Giáo Hội Công Giáo Việt Nam. Trầm trọng nhất là những biện pháp đối với Phật Giáo. Năm 1981, họ đã dựng lên Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội để chính thức phủ nhận sự hiện hữu và tính chất pháp lý của giáo hội chính truyền là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Từ ngày đó Phật tử cùng như các tăng ni của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ngấm ngầm hoạt động để giáo hội chính truyền này được tồn tại.

TÔN TỨC...THỜI SỰ...TÔN TỨC...

Từ ngày 3-5-1992, những biến cố trọng đại dồn dập xảy ra đã đưa giáo hội Phật giáo chính truyền trực diện đấu tranh với nhà cầm quyền cộng sản. Đó là ngày Hòa Thượng Thích Huyền Quang lãnh ấn tín và chúc thư của cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu tại chùa Linh Mụ (Huế), nắm trọng trách quyền viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Ngày 25-6-1992 từ Quảng Ngãi, nơi mà vị tân quyền viện trưởng Viện Hóa Đạo bị quản thúc từ sau 1975, một "Đơn cứu xét nhiều việc" đã được gởi đến các chức sắc cao cấp của nhà nước cộng sản. Trong phần đúc kết, Đơn Xin Cứu Xét đã đưa ra 9 điểm đòi hỏi tự do tôn giáo, chính thức công nhận Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, trả tự do cho tất cả tăng ni Phật tử, các nhà văn nhà báo, các nhà chính trị v.v... đã bị giam giữ lâu ngày không được xét xử hoặc xét xử bất công...

Nhưng các yêu cầu của Hòa Thượng Thích Huyền Quang đã không được nhà cầm quyền cộng sản cứu xét, trái lại họ còn tăng cường chính sách đàn áp, không thềm để ý tới dư luận quốc tế cùng những can thiệp của các vị nguyên thủ quốc gia như tổng thống Pháp Mitterrand trong chuyến công du vào tháng 2 vừa qua tại Việt Nam.

Những cuộc đấu tranh tại Huế cũng như tại hải ngoại của Phật giáo Việt Nam, một lần nữa nói lên vai trò truyền thống cố hữu của Phật Giáo trong dòng vận động lịch sử đất nước.

Ông Võ Văn Kiệt đến Paris

Ông Võ Văn Kiệt, thủ tướng chính quyền Hà Nội, đã đến Paris ngày 23-6-1993, và lưu lại Pháp trong bốn ngày. Paris là chặng đầu trong chuyến công du bốn nước Châu Âu, gồm Pháp, Đức (kể từ 28-6), Bỉ và Cộng Đồng Châu Âu ở Bruxelles (hai ngày 1 và 2-7) và cuối cùng là Anh quốc.

Đây là lần đầu từ 16 năm nay, mới có một phái đoàn Việt Nam cấp thủ tướng viếng thăm nước Pháp. Lần cuối cùng là chuyến viếng thăm của ông Phạm Văn Đồng năm 1977, dưới thời tổng thống cánh hữu Giscard d'Estaing. Thập niên ông Võ Văn Kiệt là một phái đoàn hùng hậu gồm nhiều bộ trưởng và thứ trưởng. Ngoài các ông Nguyễn Mạnh Cầm, Bộ trưởng Ngoại giao, Nguyễn Đức Bình, cố vấn tối cao của chính phủ, Lê Xuân Trình, Bộ trưởng Phủ thủ tướng, còn các bộ trưởng Đậu Ngọc Xuân, chủ tịch Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Hồ Tế (tài chánh), Cao Sỹ Kiêm (Ngân hàng nhà nước).

Mục đích chuyến viếng thăm này dĩ nhiên là cầu viện, dưới nhiều hình thức, kể cả việc chính phủ Pháp ủng hộ để Mỹ không phủ quyết việc IMF (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế) cho Việt Nam vay trong cuộc họp 12-7 sắp tới.

Ngày 25-6, CNPF (Nghịệp đoàn các chủ nhân Pháp) đã tổ chức buổi gặp gỡ giữa khoảng 250 chủ xí nghiệp Pháp và phái đoàn do ông Võ Văn Kiệt cầm đầu. Phái đoàn đã cố gắng thuyết phục doanh nhân Pháp đến đầu tư tại Việt Nam. Được biết Quốc hội đang thông qua luật về đất đai, theo đó sẽ cho mượn dài hạn từ 50 đến 70 năm. Một dự án giải tư bảy xí nghiệp làm thí điểm cũng đang được nghiên cứu. Cũng đã có chỉ thị về việc đầu tư của Việt kiều.

Được biết, ngân sách hợp tác của Pháp tại Việt Nam là 75 triệu FRF trong năm 1993 (văn hóa, giáo dục, y tế). Pháp xuất cảng hơn một tỷ FRF sang Việt Nam trong năm 1992. Về đầu tư, Pháp

đứng hàng thứ năm trong các nước đầu tư vào Việt Nam, với 350 USD trong năm 1992. Tính chung tất cả các hình thức viện trợ, số tiền viện trợ có thể sẽ lên tới 500 triệu FRF trong năm 1993, gấp đôi năm 1992.

Kết quả chuyến viếng thăm có lẽ không tương xứng với mức độ quan trọng của cuộc viếng thăm. Một số dự án đã được bàn đến, trong đó quan trọng nhất là việc xây cất một nhà máy lọc dầu trị giá 1,2 tỷ USD, do hãng Total của Pháp với sự tham gia của Dai Loan.

Vấn đề dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam đã được đề cập đến trong các cuộc tiếp xúc với thủ tướng Edouard Balladur và bộ trưởng ngoại giao Alain Juppé. Theo lời người phát ngôn của bộ ngoại giao, "một danh sách trí thức và nhân vật lãnh đạo Phật giáo và Công giáo" hiện bị giam giữ hoặc quản thúc đã được trao cho phái đoàn ông Võ Văn Kiệt, với yêu cầu trả tự do cho những tù nhân chính trị này.

Cuộc tranh đấu của Phật giáo tại Paris

Để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo của nhà cầm quyền Việt Nam và sự có mặt của Võ Văn Kiệt, thủ tướng, trong cuộc viếng thăm nước Pháp và Châu Âu vào cuối tháng 6-1993, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Châu Âu đã cùng đồng bào Việt Nam tại Pháp tổ chức một cuộc biểu tình tuyệt thực 48 tiếng đồng hồ tại Công Trường Nhân Quyền (Parvis des Droits de l'Homme, Place Trocadéro, Paris).

Thượng Tọa Thích Minh Tâm, viện chủ chùa Khánh Anh và cũng là chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Châu Âu, đã đích thân cùng hai vị tu sĩ khác và chín đồng bào tuyệt thực 48 giờ từ 14 giờ ngày 22-6-1993 đến 14 giờ 30 ngày 24-6-1993. Cuộc biểu tình mở đầu cho cuộc tuyệt thực đã qui tụ khoảng 400 người và đã được các cơ quan truyền thông báo chí ngoại quốc cũng như Việt Nam loan tin.

Đảng cộng sản Việt Nam họp đại hội bất thường

Một đại hội bất thường của đảng cộng sản Việt Nam sẽ được triệu tập. Ngày đại hội vẫn chưa được quyết định, nhưng có nhiều khả năng là đại hội bất thường sẽ diễn ra vào cuối năm nay.

Quyết định triệu tập đại hội đã được công bố sau Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương khóa VII đầu tháng 6-1993 tại Hà Nội. Triệu tập đại hội bất thường là một quyết định quan trọng. Đại hội VII mới vừa diễn ra cách đây 2 năm, vào tháng 6-1991 và đã khẳng định đường lối độc tài đảng trị. Có một đại hội bất thường có nghĩa là có nhiều vấn đề đã không được giải quyết ổn thỏa trong Đại hội VII.

Điều rất đáng ngạc nhiên là một biến cố quan trọng như vậy đã được quyết định trong một hội nghị ban chấp hành trung ương mà chủ đề là phát triển nông thôn. Quyết định đã được công bố trong một thông cáo ngắn ngủi không kèm theo lời giải thích nào.

Đại hội bất thường có lẽ sẽ chủ yếu giải quyết một số vấn đề về thay đổi nhân sự. Thành phần ban lãnh đạo hiện nay không còn phù hợp với tương quan lực lượng của các phe phái trong đảng. Nhân vật có nhiều triển vọng sẽ mất chức cuối năm nay là thủ tướng Võ Văn Kiệt. Ông Kiệt bị tai tiếng là để bà vợ lộng hành. Mặt khác khả năng của ông, chủ yếu được huấn luyện trong

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC...

ngành công an thời chiến cũng khiến ông bối rối trước những vấn đề kinh tế càng ngày càng phức tạp. Có lẽ vì thấy chỗ đứng của mình bị đe dọa, ông Kiệt đã đặc biệt tích cực trong cố gắng tìm hỗ trợ quốc tế. Từ đầu năm nay, ông đã thực hiện rất nhiều chuyến công du với những thành quả giới hạn. Những cố gắng này có cứu được ông Kiệt không là một dấu hỏi. Nhân vật có nhiều triển vọng thay thế ông Kiệt vào chức vụ thủ tướng là ông Phan Văn Khải.

Các ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh đều đã rất già (75 tuổi), nhưng việc thay thế họ rất khó vì từ hai năm qua không thấy xuất hiện một nhân vật sáng giá nào cả.

Vienne: Hội nghị thế giới về nhân quyền kết thúc

Sau gần bốn năm chuẩn bị, Hội nghị thế giới về nhân quyền đã được Liên Hiệp Quốc triệu tập hồi đầu tháng sáu vừa qua tại Vienne, thủ đô nước Áo. Hơn 5000 người đã tới thành phố nổi tiếng này để tham dự buổi hội họp toàn cầu lần thứ hai về nhân quyền. Phần đầu dành riêng cho những hội ngoại-chính-phủ (NGO) đã khởi sự từ ngày 10/06/93 để kết thúc vào ngày 12/06/93. Hơn 200 khuyến cáo đã được 10 tổ làm việc đề xuất và chuyển tới các phái đoàn chính phủ, họp riêng với nhau từ 14/06/93 đến 25/06/93 và đó là phần hai của Hội nghị. Chiều ngày 25/06, phiên họp khoảng đại cuối cùng của các phái đoàn chính phủ - 171 trong số 183 quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc đã có mặt - đã bế mạc bằng một đồng thuận trên cơ sở một bản tuyên bố kết thúc Hội nghị.

Việt Nam đã có mặt tại Hội nghị Vienne. Từ trong nước, chỉ có một phái đoàn của chính quyền cộng sản, không có một phái đoàn NGO nào. (Tuồng cũng nên nói thêm rằng, theo lời tiết lộ của báo chí phương tây thì chính quyền cộng sản Việt Nam đứng về phe thiểu số của Hội nghị Vienne, phe do Trung cộng cầm đầu, chủ trương hạn chế và địa phương hóa các nhân quyền). Người Việt ở ngoài nước đã hiện diện qua ba phái đoàn, hai đến từ châu Âu, một từ châu Mỹ và châu Úc. Phái đoàn ở châu Âu do ông Võ Văn Ái cầm đầu đã tới Vienne để tố cáo chính sách đàn áp tôn giáo và đối lập của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam; phái đoàn của Trung tâm việt nam về nhân quyền, CEVIDHO, do ông Trần Thanh Hiệp đại diện, đã góp một bài tham luận dài hơn 20000 chữ để giới thiệu một quan điểm việt nam về nhân quyền. Đồng thời ông Trần Thanh Hiệp cũng đã lên tiếng phát biểu nhiệt liệt tán thành hai sáng kiến của Cao Ủy nhân quyền và thành lập Tòa án hình sự quốc tế thường trực để xét xử những vụ vi phạm về nhân quyền. Phái đoàn đến từ châu Mỹ và châu Úc, với sự hiện diện của các thượng tọa Thích Quảng Ba, Thích Minh lý, Thích Minh Dung, đã tích cực góp sức với Ủy ban bảo vệ quyền làm người của ông Võ Văn Ái để tố cáo nạn bắt dung tôn giáo ở Việt Nam, hậu quả của chính sách đàn áp tôn giáo có hệ thống mà nhà cầm quyền cộng sản đã và đang theo đuổi.

Sau hết, ở ngoài hội trường nhiều ngời trong các hội đoàn tại Áo, Đức, Pháp, Hòa Lan, Na Uy v.v... đã quy tụ chung quanh Thượng tọa Thích Minh Tâm để biểu tình phản đối nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đàn áp tôn giáo và đòi phải chấm dứt nạn bắt dung tôn giáo ở Việt Nam.

Quốc hội lập hiến Cam-bốt

Ngày 14-6-1993, Quốc hội Cam-bốt đã họp phiên đầu tiên, mở đầu một kỷ nguyên mới cho đất nước Cam-bốt. Quốc hội này gồm 120 đại biểu mới trúng cử trong cuộc bầu cử do Liên Hiệp Quốc tổ chức từ ngày 23 đến 28-5-1993 vừa qua. Phe Sihanouk (qua đảng FUNCINPEC do ông hoàng Ranariddh, con của Sihanouk, cầm đầu) đã thắng thế với 58 ghế trên tổng số 120, phe Chea Sim và Hun Sen (do Hà Nội dựng lên) chiếm 51 ghế, phe Son Sann được 10 ghế, ghế còn lại vào tay đảng Molinaka. Khmer đỏ không có đại biểu vì tẩy chay không tham gia cuộc bầu cử.

Tân Quốc hội có ba tháng để soạn thảo một bản hiến pháp mới cho Cam-Bốt. Nhưng công việc đầu tiên Quốc hội này làm trong phiên họp đầu tiên ngày 14-6 vừa qua là tôn ông Hoàng Sihanouk lên làm Quốc trưởng, với những quyền hạn đặc biệt (không nói rõ là quyền gì) để ổn định lại tình hình Cam-Bốt. Ngay sau khi được tín nhiệm, Sihanouk đã "long trọng kêu gọi các phe có trách nhiệm chấm dứt tức khắc tình trạng phân chia lãnh thổ Cam-bốt".

Sở dĩ có lời kêu gọi thống thiết này là vì phe Hun Sen, khi bị đánh bại trong cuộc bầu cử và trước kết quả bất ngờ đó (nhiều quan sát viên quốc tế tiên đoán họ sẽ thắng lớn) đã phải dùng đến những ngón đòn không mấy ngoạn mục. Điển hình là việc bầy tình miền đông sát biên giới Việt Nam "tự ý" tuyên bố ly khai khỏi chính quyền trung ương vì không công nhận cuộc bầu cử mà họ cho là có gian lận (trong khi LHQ tuyên bố cuộc bầu cử không gian lận). Việc này xảy ra khi Ranariddh (của phe FUNCINPEC thắng cử) không chấp nhận một quyết định của cha mình là Sihanouk thành lập một chính phủ liên hiệp giữa hai phe dẫn đầu. Nhân vật cầm đầu phe ly khai đòi tự trị không ai xa lạ mà chính là ông Chakrapong, con của Sihanouk, anh em cùng cha khác mẹ với Ranariddh. Chakrapong làm phó thủ tướng cho Hun Sen, đối nghịch với Ranariddh. Cuối cùng khi ông Sihanouk được tôn làm Quốc trưởng và Ranariddh phải chịu làm "đồng thủ tướng" với Hun Sen, lúc đó các tỉnh ly khai mới trở lại tình trạng bình thường. Chakrapong và các lãnh tụ ly khai phải qua "lánh nạn" bên Việt Nam, nhưng ông Sihanouk đã mau mắn gọi họ về tha thứ mọi chuyện.

Chính phủ liên hiệp giữa hai phe Sihanouk và Hun Sen đã được thành lập. Đây chỉ là một chính phủ lâm thời, trong khi chờ đợi công bố hiến pháp mới của Cam-bốt, trên nguyên tắc vào ngày 14-9-1993 tới đây. Từ đây đến ngày đó, lực lượng vũ trang LHQ sẽ tiếp tục giữ gìn trật tự an ninh.

Phe thiết thời nhất trong cuộc bầu cử này chính là Khmer đỏ. Họ đã dựa trên bạo lực để xây dựng sách lược của họ, và họ đã thất bại nặng nề. Họ tẩy chay cuộc bầu cử, mở ra cả một chiến dịch khủng bố trong những tuần lễ chuẩn bị bầu cử, sách động người dân Cam-bốt chống lại người Việt Nam sinh sống tại đây, và lên án cả LHQ tiếp tay với một chính quyền thân Việt Nam để giúp họ thắng lớn trong cuộc bầu cử này. Thực tế đã chứng minh là người dân Cam-bốt đã không hề nao núng trước những đe dọa của Khmer đỏ, bằng chứng là hơn 90% cử tri đã đi bỏ phiếu. Một bằng chứng hùng hồn nữa của sự thắng thế của lẽ phải trên bạo ngược, trong một thời đại mà sự khát khao dân chủ đã lan tràn khắp thế giới.

TIN TỨC...THỜI SỰ... TIN TỨC...

Khủng hoảng chính trị tại Nhật Bản

Thủ tướng Nhật, ông Miyazawa đã quyết định sẽ có một cuộc bầu cử quốc hội trước hạn kỳ vào ngày 18-7-1993. Sở dĩ thủ tướng Nhật lấy quyết định lịch sử này vì vào ngày 18-6 chính phủ của ông Miyazawa đã bị quốc hội bất tín nhiệm với 255 phiếu chống và 250 phiếu thuận. Trong số những người chống đối có 39 đảng viên của đảng Tự Do Dân Chủ (đảng cầm quyền tại Nhật từ 38 năm nay), 16 dân biểu cùng đảng đã bỏ phiếu trắng hoặc không bỏ phiếu. Đây là một biến cố gây khủng hoảng cho đảng cầm quyền sau khi thủ tướng Miyazawa thất bại không đủ khả năng cho chuẩn y một đạo luật trong sạch hóa đời sống chính trị tại đây.

Nhật Bản có thể đi vào một giai đoạn khủng hoảng chính trị trầm trọng không khác gì Ý Đại Lợi. Quần chúng quá chán nản vì những xì căng đan hối lộ, mafia của nhân sự chính trị. Trước cuộc bầu phiếu bất tín nhiệm của quốc hội, chính phủ đã hoàn toàn mất uy tín đối với quần chúng, theo một cuộc thăm dò dư luận gần đây, 80% người đã có ý kiến bất lợi cho chính phủ Miyazawa. Trong cuộc bầu cử thượng viện vào tháng 7-1992, 46 triệu cử tri đã không làm bốn phần công dân.

Ngoài ra, trong nội bộ của đảng Tự Do Dân Chủ cũng chia bè chia cánh. Ông Tsutomu Hata, cựu tổng trưởng tài chính, đã lôi kéo những người có cảm tình với mình để thành lập một đảng chính trị khác, ông Ozawa, dính dáng vào một vụ gian lận thuế khổng lồ và đã bị khai trừ ra khỏi ban lãnh đạo đảng, đã "giật dây" ông Hata chống lại thủ tướng Miyazawa.

Tù nhân chính trị tuyệt thực

Trong tuần lễ cuối tháng 5-1993, toàn thể anh em tù nhân chính trị tại khám chí hòa đã tuyệt thực sau khi một chính trị phạm bị biện pháp kỷ luật. Tù nhân này, vì một phát biểu bị coi là ngang ngược, đã bị biệt giam trong phòng tối và cấm thăm nuôi. Một số chính trị phạm vì sức khỏe quá kém đã được anh em yêu cầu đừng tham dự tuyệt thực.

Cuộc tuyệt thực đã kéo dài nhiều ngày và tình trạng sức khỏe của nhiều người đã trở nên nguy ngập. Ban giám thị đã lo ngại sau khi tin về cuộc tuyệt thực này lọt ra ngoài vì nhiều người có thể bị thiệt mạng. Sau cùng ban giám thị đã nhượng bộ và cuộc tuyệt thực đã chấm dứt.

Cũng nhờ cuộc tuyệt thực này mà người ta biết được số chính phạm rất đông đảo. Dư luận chỉ biết tới một số rất ít người như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế... nhưng còn rất nhiều người khác đã tranh đấu và bị tù đầy trong âm thầm. Phần đông không được xét xử mà chỉ bị "giam giữ chính trị". Tình trạng "giam giữ chính trị" có thể kéo dài rất lâu. Đoàn Viết Hoạt trước đây từng bị giam giữ không xét xử trong 12 năm. Lê Trí Viễn hiện là tổng thư ký Câu Lạc Bộ Dân Chủ cũng đã bị giam giữ chính trị trong 10 năm.

Một nửa trẻ em Việt Nam thiếu dinh dưỡng nặng

Trong ba ngày 8, 9, và 10-6-1993, Ủy Ban Bảo Vệ và Chăm Sóc Trẻ Em và Bộ Y Tế đã phối hợp tổ chức một hội nghị kiểm điểm về tình trạng dinh dưỡng của trẻ em các tỉnh phía Nam.

Hội nghị đã kiểm điểm được 41,8% trẻ em dưới 5 tuổi bị "suy dinh dưỡng nặng và rất nặng" trên cả nước.

Con số bi đát này được đưa ra vào giữa lúc mà chính quyền đang khoe khoang đã thành công về mặt kinh tế và nhiều người trong đó có cả ký giả ngoại quốc đánh giá Việt Nam có thể trở thành con rồng mới ở Châu Á.

Hội nghị chỉ kiểm kê những trường hợp trẻ em "suy dinh dưỡng nặng và rất nặng" mà đã có tới 41,8%. Nếu kiểm kê toàn bộ mọi trường hợp suy dinh dưỡng thì con số sẽ là bao nhiêu? Hơn nữa việc kiểm kê đã được thực hiện dựa nhiều vào tình trạng của các tỉnh phía Nam, nơi mà mức sống cao hơn khoảng 20% tới 30% so với miền Bắc. Điều đáng chú ý hơn nữa là tình trạng suy dinh dưỡng này xảy ra vào lúc Việt Nam đang xuất cảng gạo.

Con số này cũng nên được ghi nhận bên cạnh một con số báo động khác: trên 50% trẻ em từ 6 đến 11 tuổi không đi học hoặc đã bỏ học ở cấp tiểu học.

Người ta khó có thể tưởng tượng Việt Nam có thể trở thành một con rồng nếu đem xuất cảng gạo và để cho các rồng con đói và thất học. Tình trạng xã hội Việt Nam hiện nay xác nhận rõ rệt một điều: đảng cộng sản sau một quá trình dài hung hãn chống chủ nghĩa tư bản đang hớn hờ chạy theo một chủ nghĩa tư bản vô nhân đạo và bỏ rơi hoàn toàn các vấn đề y tế, giáo dục và xã hội.

Vụ Đông Xuân thất bại tại đồng bằng sông Cửu Long

Trong một thông báo được đưa ra vào đầu tháng 6-1993, Cục Thống Kê Quốc Gia đánh giá vụ Đông Xuân tại đồng bằng sông Cửu Long là một thất bại lớn. Cục phó Cục Thống Kê Quốc Gia, Nguyễn Sinh Cúc, cho hay diện tích trồng trọt đã tăng lên 4,1%, đạt con số 956.000 héc-ta, nhưng năng suất lại giảm đi 14,2%. Sản lượng sản xuất giảm tổng cộng 700.000 tấn. Năng suất toàn bộ các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long đều giảm, chỉ có tỉnh An Giang là tăng lên.

Ba tỉnh có năng suất giảm trầm trọng là Trà Vinh (giảm 65%) và Sóc Trăng (giảm 46%) và Cần Thơ (giảm 39%).

Nguyên nhân đầu tiên của sự sa sút này là thời tiết. Hạn hán đã kéo dài khá lâu và mực nước sông Cửu Long đã xuống đáng kể.

Tuy nhiên, ông Nguyễn Sinh Cúc cho rằng thời tiết không phải là lý do duy nhất. Những sai lầm về quản lý cũng rất quan trọng. Ông Cúc cho biết những khó khăn về thời tiết đã được tiên liệu ngay từ đầu nhưng các địa phương đã không có biện pháp đối phó đúng đắn. Vẫn theo ông Cúc, chỉ có tỉnh An Giang đã phản ứng kịp thời, đặc biệt là đã giảm đi hóa tín dụng nông nghiệp vì thế đã đạt được kết quả khả quan.

Cướp năm con vịt

Vì tội cướp năm con vịt của trại vịt Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh, Sài Gòn, 6 bị cáo tất cả đều là thanh niên đã bị xử từ 3 đến 4 năm tù ở. Riêng Khuu Minh Trí, "người cầm đầu vụ cướp" (theo chữ dùng của Tòa Án Nhân Dân thành phố Hồ Chí Minh), bị xử 5 năm tù trong phiên tòa ngày 26-12-1992.

Các bị can kháng án. Phiên tòa phúc thẩm ngày 9-6-1993 đã

THỜI SỰ... TÔI

y án 5 năm tù đối với Khuê Minh Trí, nhưng cho các bị can khác hưởng án treo, riêng em bé Vũ Hữu Hợp vì mới có 14 tuổi nên được miễn xử để điều tra lại và xét xử cách khác.

Không ai chối cãi rằng cần phải nghiêm khắc với trộm cắp. Nhưng vì năm con vịt mà phải tới hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm với gần 20 năm tù, vừa tù ở vừa tù treo, đối với bảy thanh niên thì quả là khó tưởng tượng. Càng khó tưởng tượng hơn nữa là, theo chính các cơ quan trung ương chống tham nhũng và buôn lậu, có hàng chục ngàn vụ án với những chứng cứ rõ rệt và với mức độ trầm trọng hơn tới hàng trăm triệu hay hàng tỷ đồng vẫn chưa được xét xử vì tòa án quá bận rộn.

Có một giới hạn nào cho sự lố bịch không?



Phong trào tìm vàng và đá quý tại Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh nằm ở phía nam vùng Tây Nguyên, trước kia gồm hai tỉnh Lâm Đồng (thủ phủ là Bảo Lộc) và Tuyên Đức (thủ phủ là Đà Lạt). Lâm Đồng là một vùng đất mới chỉ được biết đến cách đây một thế kỷ, do đó còn rất nhiều bí ẩn và tài nguyên phong phú chưa được khai thác.

Giữa lúc Đà Lạt kỷ niệm 100 năm (bác sĩ Yersin đã đến địa điểm Đà Lạt ngày 21-6-1893), thì một phong trào tìm vàng và đá quý đang rầm rộ tại các xã huyện trong tỉnh. Vàng và đá quý thường tập trung quanh thượng nguồn các con suối nhỏ đổ ra sông Đồng Nai. Năm 1987, người ta phát hiện tại Sơn Điền (huyện Di Linh) một mỏ đá saphir (màu xanh dương) có mật độ khá cao 300 gram/63 m³ đất, ngoài ra còn có đá ruby (màu hồng) và vàng sa khoáng (vàng cát) nhưng mật độ thấp hơn. Ngoài Sơn Điền, các làng xã khác cũng có đá saphir như tại M'neun, Tiên Kô, Sa Vò, Liên Đàm... Theo báo Pháp Luật ngày 7-6-1993, một mỏ vàng gốc khá nguyên chất (86-92%) với trữ lượng 200 tấn đã được phát hiện tại vùng Trà Năng (Tain) huyện Đức Trọng. Giấc mơ làm giàu mau chóng đã hấp dẫn rất nhiều tay phiêu lưu đến đây thực hiện ước vọng của mình.

Từ cuối năm 1989, hàng ngàn người đã đến huyện Di Linh, dọc theo tỉnh lộ 8, tràn vào Sơn Điền khai thác đá saphir. Phong trào càng gia tăng khi một số tay đầu nậu từ Kampuchea sang mua đá quý mang về bán lại cho các đầu nậu khác tại Thái Lan. Sơn Điền trong phút chốc đã trở thành sầm uất, hàng ngàn người khác đổ về đây dựng lều, lập trại khai thác đá quý hay mở tiệm quán phục vụ những tay săn vàng và đá quý này. Tại đây vấn đề vệ sinh phòng dịch và y tế không có, những người tìm vàng và đá quý đa số đều mắc bệnh sốt rét ác tính. Nhiều người đã chết vì bệnh sốt rét rừng, bị rắn độc cắn hay bị sập hầm, và cũng có nhiều người đã bị giết vì tìm được vàng và đá quý.

Công an huyện Di Linh kết hợp với công an tỉnh Lâm Đồng đã tìm cách ngăn chặn dòng người đổ về đây tìm vàng và đá quý nhưng không được. Phong trào tìm vàng càng ngày càng lấn sâu vào các suối và buôn làng hẻo lánh của người Thượng, để lại sau lưng những chất phế thải dùng để lọc vàng (mercure và ă-t-xít) và những vùng đất lồi lõm, hoang tàn như sau một trận bom.

Hiện nay Bộ Công nghiệp Năng đã sử dụng lại những tay đầu nậu làm trung gian thuê mướn người vào khai thác vàng và đá quý tại các vùng rừng sâu. Những người này được tự do áp dụng kỹ thuật sắt với những nhân công thuê mướn. Chế độ nô lệ đang được tái lập với sự tiếp tay của chính quyền cộng sản.

Độc giả viết... Độc giả viết...

Làm sao cho tươi mát hơn...

[...] Tờ báo không dày lắm nhưng thú thật tôi không đọc hết mọi bài. Lý do:

1. Nhiều bài quá dài (hơn 2 trang đối với tờ báo 24 trang làm mất cân đối tờ báo, trừ trường hợp đặc biệt).

2. Một số chủ đề được nhắc đi nhắc lại trên nhiều số báo, nhiều bài cho tôi "cảm tưởng": "biết rồi khổ lắm nói mãi". Mặc dù đó là những vấn đề quan trọng, nghiêm chỉnh, nhưng có cần thiết chẳng phải dài dòng, lặp đi lặp lại... Khuôn khổ của Thông Luận khó có thể đăng những bài có tính cách nghiên cứu sâu, chuyên môn. Nếu không, bạn đọc nào không thích hoặc không quan tâm đến vấn đề đó chẳng còn gì để đọc, học hỏi.

3. Việc đòi hỏi và xây dựng một chế độ "người" hơn ở Việt Nam là một việc làm dài hơi, cách làm cũng đa dạng, đâu chỉ bằng những bài viết khô khan, nặng về chính trị (dù vẫn biết rằng Thông Luận là một nguyệt san thông tin nghị luận). Nếu thỉnh thoảng có những bài viết về văn hóa, văn học, v.v... tờ báo có lẽ tươi mát hơn.

Thân chúc các anh chị luôn vui khỏe.

Đinh Cao Minh (Bourg la Reine, Pháp)

Thành thật cảm tạ anh Đinh Cao Minh về lời đóng góp thẳng thắn. Đóng góp của anh càng quý hơn nữa vì đến đúng lúc chúng tôi đang suy nghĩ về một phương thức cải tiến tờ báo. Nhân đây chúng tôi cũng kêu gọi tất cả quý độc giả góp ý kiến về vấn đề này để Thông Luận đáp ứng hơn nữa mong đợi của quý vị.

Vạch lá tìm sâu

Đọc xong báo tháng 6, thấy Thông Luận có một thay đổi mà tôi rất hoan nghênh. Đó là sự xuất hiện của các bài "văn nghệ" của Thế Uyên, Tạ Xích Thăng, bên cạnh những bài chính trị khô khan mà tôi ít đọc hết (thành thật xin lỗi các tác giả).

Ngoài ra, xin có vài ý kiến đóng góp với Phù Du về bài "Cúng Cối" ở trang cuối.

Tôi không đồng ý chút nào khi Phù Du kết tội tất cả các tướng tá Việt Nam Cộng Hòa. Có thể có vài ông tướng bỏ lính, bỏ dân để "di tản" bằng trục thăng trước khi địch đến, nhưng cũng có những ông tướng chọn ở lại với dân, với lính cho đến giờ chót, vẫn giữ được chí khí dù bị đầy đọa, có ông phải bỏ mạng ở miền rừng thiêng nước độc, có ông được thả về với thân tàn ma dại...

Phù Du ạ, bàn tay có ngón dài ngón ngắn, đừng nên vơ đũa cả nắm. Có gì mà cay đắng với mấy ông tướng dữ vậy! Đâu phải chỉ có mấy ông chịu trách nhiệm về thảm bại của Việt Nam Cộng Hòa.

Còn cái ông Tổng thống, chừng đó tội cũng đủ để ông tự sát rồi, không cần Phù Du phải đếm lỗi chính tả hay văn phạm trong bản cương lĩnh của ông để mang tiếng vạch lá tìm sâu.

Võ Nguyệt Thu (St Thibault des Vignes, Pháp)

Cùng quý độc giả

Vì số lượng bài vở nhận được quá nhiều, số này chúng tôi đặc biệt tăng lên 32 trang. Tuy vậy, chúng tôi vẫn phải gác lại một số bài sẽ đăng vào số tháng 9 tới đây.

Sở Tay

Vương giả và dân giả

Lady Di thật đại. Đòi cho tất cả mà lại quăng đi. Diana được trời phú cho nhan sắc tuyệt thế giai nhân, được lọt mắt xanh của thái tử, được làm công chúa rồi sắp được làm hoàng hậu của một trong những đại cường. God saves the Queen! Hạnh phúc như thế nhưng cô Diana khờ khạo lại chỉ thấy khổ, rồi khủng hoảng tinh thần và mắc bệnh loạn thực, eating disorder, một thứ bệnh tâm thần của vương giả, mỗi ngày phải xức hàng kí lô thịt và một số lượng bánh ngọt đủ để mở một phòng trà. Cuối cùng chịu không nổi, phải li thân để trở về làm thường dân.

Tôi cứ nghĩ Diana khủng, nào ngờ ở xứ Hoa Đào cũng lại xảy ra một chuyện không kém li kỳ. Cô Masako Owada được thái tử Nhật tỏ tình, muốn phong làm hoàng hậu tương lai, đã không mừng quýnh mà còn từ chối, làm thái tử phải năn nỉ ời suốt sáu năm trời mới xong. Mà xong không phải vì Masako bị chinh phục mà vì cô ta bị ép buộc. Lại một chuyện lạ.

Nhưng nghĩ lại Masako sợ cũng phải. Cô làm công chúa, rồi sẽ làm hoàng hậu, nhưng cô sẽ không còn là cô nữa. Cô phải trả thẻ căn cước vì từ nay cô không cần căn cước nữa, không còn ai hỏi giấy cô nữa. Cô phải trả lại bằng lái xe vì từ nay cô không lái xe nữa. Người ta sẽ lo cho cô tất cả. Cô rời thế giới của người bình thường. Cô kết liễu cuộc sống cô đang sống, để đi vào một cuộc sống mới trong đó nhiệm vụ của cô là làm cho thái tử vui và cố gắng đẻ ra cho bằng được một con trai để nối dõi dòng giống của Thái Dương Thần Nữ. Kể ra cũng có lý do để hoang mang.

Chúng ta đang chứng kiến một cuộc đời thật vĩ đại. Cho tới nay cô gái nào chẳng mơ ước một ông hoàng? Được làm vợ thái tử không phải là một chọn lựa mà là một điểm phúc, giấc mộng đẹp nhất trong mọi giấc mộng. Hai vụ cưới hỏi và li thân này chứng tỏ rằng hành tinh này đã khác hẳn.

Không chừng cả hai cô đều có lý. Các ông hoàng chưa chắc đã đáng mơ. Các ông ấy được nuôi trong lòng kính

hoàng cung nên chẳng giống ai. Thái tử Charles thì dở người đi du lịch gửi bưu thiếp cho ngựa. Thiên tài! Còn ông hoàng Naruhito coi bộ cũng không khá. Ông phải van xin báo chí đừng nhắc tới ông nữa, để ông yên thân mà kiếm vợ. Khả năng chinh phục phái đẹp của ông xem ra cũng giới hạn lắm.

Còn đâu cái thời xa xưa khi các ông hoàng thấy cô nào hấp nhân chỉ cần sắc phong hoàng hậu là cả nhà người ta phải xụp lạy tạ ơn. Sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí kể chuyện chúa Trịnh Sâm thấy nàng Đặng Thị Huệ có nhan sắc bèn bắt vào cung hành lạc như sau "Thị Huệ sau khi được hưởng ơn mưa móc của Chúa thụ thai v.v.". Trời ơi là Trời!

Các người đẹp bây giờ không mơ hoàng cung mà còn sợ là đàn ông khác. Họ sợ mất cuộc sống. Họ muốn những gì rất tầm thường. Chẳng hạn được người yêu đi dạo phố, được một cánh tay quàng sau lưng, một cánh tay ấm áp, âu yếm, khỏe mạnh, ăn cần, và một bàn tay sờ soạng nghịch ngợm. Họ không mơ ước đẻ ra những ông hoàng con mà mơ ước đẻ ra những đứa con của riêng mình. Họ không mơ ước được đòi cho tất cả, họ muốn những vất vả của cuộc sống. Họ muốn chia sẻ với chồng những lo âu như mất việc, vay nợ, kẹt xe, muốn phấn đấu bên chồng để nuôi con. Họ muốn sống cuộc sống giản dị, bình thường, nhưng thực.

Thì ra cuộc sống của những con người rất bình thường như chúng ta cũng có giá trị lắm. Yên tâm. Loài người đã tiến. Có điều cả Masako lẫn Diana đều sống trong những nước dân chủ. Ở những nước may mắn được có những lãnh tụ đỉnh cao sáng suốt chắc chắn phản ứng của họ sẽ không như vậy mà sẽ rất cổ điển.

Hai phụ nữ ở hai phương trời khác nhau đã cùng một lúc cùng nói lên cùng một điều: cuộc sống của người dân trong một nước dân chủ rất đáng sống, còn đáng mơ ước hơn cả cuộc đời vương giả.

Sang thế kỷ sau, có lẽ các ông hoàng sẽ ế vợ. Các ngài không chừng sẽ phải đành chấp nhận những hợp đồng hôn nhân có hạn kỳ hẳn hoi và có bồi thường thiệt hại xứng đáng. Đời sống thường dân sẽ còn lên giá. Chúc mừng thế kỷ 21. Hoan hô dân chủ! Hoan hô Diana! Hoan hô Masako!

Phù Du

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 150 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh

và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó